

❑ **HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:**

TS. Đặng Công Huân

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

Chủ tịch Hội đồng Biên tập

Bùi Ngọc Lam

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

❑ **TỔNG BIÊN TẬP:**

Ths. Đào Trung Kiên

❑ **PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:**

Ths. Đỗ Mạnh Hùng

Trần Đức Xuyên

❑ **TÒA SOẠN:**

ĐC: 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Tạp chí điện tử: www.thanhtravietnam.vn

Đường dây nóng: 091.863.5289

● **Phòng Trị sự:**

ĐT: 080.49063 / Fax: 080.49065

E-mail: phongtrisu.TCTT@gmail.com

Kế toán, tài vụ - ĐT: 080.49069

● **Phòng Phóng viên - Biên tập:**

ĐT: 080.49073

E-mail: tapchithanhtrabtt@gmail.com

❑ **GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:**

407/GP-BTTTT, ngày 8/8/2016

❑ **BÌA 1:** Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

chủ trì Hội nghị toàn quốc các cơ quan

nội chính triển khai Nghị quyết Đại hội

lần thứ XIII của Đảng

❑ **ẢNH BÌA 1:** TTXVN

❑ **THIẾT KẾ:** Nguyễn Tạo

❑ **IN TẠI:** Công ty TNHH Thương mại

Đồng Nam

❑ **NỘP LƯU CHIẾU:** Tháng 9/2021

*Ấn phẩm được phát hành qua ngành
Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu
điện trong cả nước*

Giá: 30.000 đồng

MỤC LỤC

❑ **CHÍNH LUẬN**



3 TS. Lê Trung Kiên: Tuyên ngôn Độc lập nâng tầm giá trị của độc lập, tự do và các quyền cơ bản đối với dân tộc và thời đại ngày nay



6 Ngô Đăng Tân: Tổng Thanh tra Chính phủ Nguyễn Văn Trân: Người học trò ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh



9 Ngành Thanh tra nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

❑ **NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

11 TS. Lê Tiến Hào: Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan thanh tra nhà nước

14 Vũ Văn Chiến: Đại dịch covid - 19, cuộc cách mạng 4.0 và yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động thanh tra



16 Ths. Phạm Thị Thu Hiền: Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng của Việt Nam - Một số vấn đề đặt ra



19 Ths. Nguyễn Việt Khánh Hòa: Thực trạng và giải pháp thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nay

23 Luật gia - Ths. Lê Quang Kiệt: Hoàn thiện cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong khu vực tư tại Việt Nam hiện nay



27 Trung tá, Ths. Hoàng Văn Sóng: Một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của Bộ Công an

31 Ths. Nguyễn Mai Anh: Áp dụng quy định của pháp luật về ủy quyền trong khiếu nại



34 TTVC, Ths. Nguyễn Thị Hồng Thắm: Giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra trong phòng, chống chạy chức, chạy quyền



39 TTVC, Ths. Phạm Thị Quỳnh Nga: Một số cách tiếp cận về lồng ghép giới và trao quyền cho phụ nữ trong phòng, chống tham nhũng

☐ VĂN HÓA - XÃ HỘI

42 Nguyễn Văn Chiến: Tháng Chín đong đầy bao nỗi nhớ...

44 Mai Hoàng: Bồi hồi tiếng trống tựu trường



45 Truyện ngắn của Ngô Nữ Thùy Linh: Đường về làng

☐ TÌM HIỂU & GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT



48 K.Dung: Nội dung cơ bản của Thông tư số 14/2021/TT-BGDĐT về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

50 Đỗ Quyên: Văn bản mới ban hành

☐ KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI

53 Ths. Ngô Thu Trang: Kinh nghiệm quốc tế về bảo vệ người tố giác hành vi có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của cán bộ, công chức



Tuyên ngôn Độc lập

nâng tầm giá trị của độc lập, tự do và các quyền cơ bản đối với dân tộc và thời đại ngày nay

 TS. Lê Trung Kiên

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh



Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Bản Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã khái quát và nâng cao những giá trị văn hóa phổ quát, tiên bộ của nhân loại về quyền bình đẳng, tự do và mưu cầu hạnh phúc của con người; khẳng định Việt Nam là nước có chủ quyền, bình đẳng với các quốc gia khác trên thế giới; khẳng định quyền dân tộc và quyền con người luôn gắn bó chặt chẽ với

nhau như là cơ sở công pháp quốc tế - chân lý của nhân loại. Đó là đóng góp to lớn về lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh với dân tộc Việt Nam và nhân loại ngày nay.

Bản Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc tại Quảng trường Ba Đình, ngày 2/9/1945 nhằm tuyên bố trước Nhân dân Việt Nam và trước thế giới: Thủ tiêu chế độ thực dân, phong kiến; nước Việt Nam đã

hoàn toàn độc lập và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bản Tuyên ngôn Độc lập rất cô đọng, ngắn gọn nhưng chứa đựng những nội dung bất hủ, như một bản "hùng văn", không chỉ có giá trị lịch sử đối với dân tộc Việt Nam, mà còn có ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Độc lập, tự do trong Tuyên ngôn Độc lập là sự tiếp nối truyền thống và khát vọng ngàn đời của con người Việt Nam



Lịch sử dân tộc Việt Nam chứng kiến nhiều cuộc đấu tranh gian khổ để giành độc lập, tự do và tiến lên xây dựng tương lai đất nước ngày một tốt đẹp hơn. Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 mở ra một trang sử vĩ đại cho dân tộc Việt Nam độc lập. Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, hy sinh xương máu của các thế hệ cha anh đã ngã xuống vì nền độc lập; là tiếp nối tác phẩm *Nam quốc sơn hà* được sử dụng trong kháng chiến chống Tống lần thứ 2 (1075-1077) (tương truyền là của Lý Thường Kiệt); là tiếp nối tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* do Nguyễn Trãi viết (năm 1428), tuyên bố chiến thắng giặc Minh, giành lại độc lập cho đất nước; là kết quả tiếp nối những tuyên ngôn khác của các bậc tiền bối tiêu biểu trong lịch sử dân tộc như: Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh,...

Tháng 6/1911, xuất phát từ tình cảnh đất nước chịu ách đô hộ tàn bạo kéo dài, trong quá trình bôn ba, khảo sát, tìm tòi con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã chứng kiến và lên án mạnh mẽ sự bóc lột tàn bạo vô nhân đạo, chà đạp trắng trợn, hà khắc toàn diện của đế quốc thực dân đối với các dân tộc thuộc địa và số phận “kiếp ngựa trâu” của những người bản xứ, trong đó có Việt Nam. Người đã viết nhiều bài: *Vấn đề dân bản xứ, Tâm địa thực dân, Đông Dương và Thái Bình Dương, Vực thẩm thuộc địa, Công cuộc khai hóa giết người, Bản án chế độ thực dân Pháp*,... Năm 1919, Người đưa ra bản Yêu sách của Nhân dân An Nam gửi Hội nghị Vécxây với những đòi hỏi quyền tự do, độc lập một cách chính đáng cho dân tộc. Người đã khẳng định: “Không ai có thể phủ nhận rằng nếu không có các quyền tự do ấy, thiết yếu cho việc truyền bá những tư tưởng và kiến thức mà đời sống hiện đại đòi hỏi, thì không thể trông mong tiến hành bất cứ một công cuộc giáo hóa nghiêm chỉnh nào cả”⁽¹⁾.

Ngay từ tháng 8/1919, Người đã nói và đặt ra những câu hỏi về chính sách của thực dân: “Vậy phải thấy trước rằng người

Nhật sẽ đến lập nghiệp ngày càng nhiều trên xứ này và sẽ làm đủ mọi nghề ở đây; kết quả là dân bản xứ sẽ sống ngày càng khốn đốn hơn: Bị hãm trong cảnh đốt nát bởi chính sách đả độn hóa, bị suy yếu vì phải chịu nhiều thiếu thốn, nhiều thủ đoạn đầu độc của Nhà nước - ngân khố và các công ty đặc nhượng ép họ tiêu thụ thuốc phiện, rượu, họ sẽ tiếp tục luẩn quẩn trong một cái vòng thu hẹp quá đỗi. Câu hỏi đặt ra từ nay là đứng trước tình hình mới được tạo ra bởi những luồng du nhập của người nước ngoài, phải chăng Chính phủ Pháp tin rằng đã đúng lúc, vì lợi ích chung, phải giải phóng dân bản xứ và giúp đỡ họ bằng tất cả các phương tiện mình có trong tay, để họ tự chuẩn bị cho cuộc cạnh tranh gay go mà họ sẽ đảm đương đối với người Nhật và những người nước ngoài khác?”⁽²⁾ Hay trong bài: *Ông Anbe Xarô và bản Tuyên ngôn nhân quyền* đăng trên Báo Le Paria, số 22, tháng 1/1924, Nguyễn Ái Quốc nêu ra những minh chứng về chính sách hà khắc được ngụ biện của thực dân và làm rõ những giá trị tư tưởng về các quyền mà “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền. Các quyền ấy là: Tự do, tư hữu, an ninh và chống áp bức”.

Và trong Tuyên ngôn Độc lập, bằng lời lẽ đanh thép, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch trần bộ mặt dối trá và phản bội của thực dân Pháp “lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta”. Người tiếp tục đưa ra những minh chứng sinh động về chế độ thực dân và phát xít trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa: “Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa. Về chính trị - chúng tuyệt đối không cho dân ta một chút tự do, dân chủ nào. Chúng thi hành những pháp luật dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân ta đoàn kết. Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước, thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa

của ta trong những bể máu. Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu, cờn, để làm cho nòi giống ta suy nhược. Về kinh tế - chúng bóc lột dân ta đến tận xương tuỷ, khiến cho dân nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều... Mùa Thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh đồng minh, bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó, dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó, dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói”⁽³⁾. Từ đó, Người đi đến tuyên bố khẳng định: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”⁽⁴⁾.

Năm 1946, khi nói về kỷ niệm Quốc khánh đầu tiên tại Pháp, Người nêu rõ: “Tôi xin long trọng bày tỏ sự kính trọng đối với Nhân dân Việt Nam anh dũng của chúng ta, đã nêu cao lý tưởng dân chủ và đã không lùi bước trước bất kỳ sự hy sinh nào để bảo vệ tự do của mình. Chính là sự đoàn kết, đoàn kết hoàn toàn và không gì phá vỡ nổi của toàn thể Nhân dân chúng ta đã khai sinh ra nước Cộng hòa của mình”⁽⁵⁾. Tuyên ngôn Độc lập nêu rõ bản chất tàn bạo của chủ nghĩa thực dân - một vết nhơ trong lịch sử loài người. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mà Nhân dân Việt Nam quyết tâm tranh đấu trở thành vấn đề lớn của thời đại. Nội dung Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố thắng lợi của Nhân dân Việt Nam, cũng đồng thời tuyên bố xóa bỏ chế độ phong kiến lạc hậu, lỗi thời; xóa bỏ sự cai trị của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phát xít phản động, tàn bạo, qua đó khẳng định độc lập chủ quyền là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của các dân tộc trên thế giới. Bởi Tuyên ngôn đã khẳng định giá trị về quyền con người mà các Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ và Pháp đã nêu rõ; đồng thời, cổ vũ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị nô



dịch trên thế giới. Tuyên ngôn Độc lập biểu thị rõ kết quả hiện thực của tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc và sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta, cũng như biểu thị tổng hợp các giá trị của cuộc đấu tranh anh dũng của toàn thể Nhân dân Việt Nam, phát huy được truyền thống hào hùng của dân tộc.

Quyền con người và quyền dân tộc trong Tuyên ngôn Độc lập là sự kết tinh giá trị của nhân loại và dân tộc Việt Nam

Xuất phát từ quan điểm về những quyền cao cả của con người đã lan tỏa đến các dân tộc cần được đảm bảo, Người đã trích dẫn câu nói bất hủ trong Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ năm 1776 và trình trọng tuyên bố: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”⁽⁶⁾. Tiếp dẫn về sự ra đời của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, là bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Pháp năm 1791, Người khẳng định: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”. Từ quyền mỗi con người, Hồ Chí Minh nâng lên thành quyền của các dân tộc, Người suy rộng ra: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁽⁷⁾ và “đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”. Vì thế, mỗi người dân Việt Nam và dân tộc Việt Nam đều có những quyền chính đáng ấy; không ai có thể tước đoạt được và nếu bị tước đoạt, cả dân tộc sẽ kiên cường, đoàn kết, kiên trì chiến đấu để giành lại và quyết tâm bảo vệ.

Người khẳng định quyền thiết thân của con người là quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do, bình đẳng và nâng tầm lên thành quyền dân tộc. Do đó, Người nói: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”⁽⁸⁾. Đó là những quyền mang

tính chân lý, có quy luật logic chặt chẽ với nhau mà không phân biệt mọi quốc gia, dân tộc hay mọi màu da của loài người. Qua đây, có thể khẳng định, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết nối, làm rõ mạch nguồn giá trị của dân tộc gắn chặt với giá trị của nhân loại, những quyền cơ bản của con người và quyền của các dân tộc trở thành mẫu số chung, giá trị chung của nhân loại. Nước Việt Nam hoàn toàn tán thành và cùng phấn đấu bảo vệ, phát huy, phát triển cùng nhân loại tiến bộ về tính pháp lý đối với các quyền căn bản của con người. Đó là đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh cho nhân loại về mặt nhận thức cũng như thực tiễn về vấn đề quyền con người và quyền dân tộc. Vì vậy, nhà khoa học nổi tiếng Nhật Bản là ông Shigo Shibata đã nhận xét: “Công hiến nổi tiếng của cụ Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã phát triển quyền lợi của con người thành quyền lợi của dân tộc. Như vậy, tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết định lấy vận mệnh của mình và tất cả mọi dân tộc đều có thể và cần phải thực hiện nền độc lập”⁽⁹⁾.

Tuyên ngôn về quyền dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh dấu mốc quan trọng trong lịch sử đấu tranh vì sự tiến bộ của nhân loại và dân tộc trong giai đoạn hiện nay. Cuộc đấu tranh và bảo vệ quyền con người không chỉ cho cá nhân con người mà cho cả quốc gia dân tộc. Mọi quyền lợi cá nhân chỉ được đảm bảo khi quyền dân tộc được khẳng định, dân tộc có độc lập thì dân quyền mới tự do và dân sinh mới hạnh phúc. Đó là giá trị cao cả mà Người đã gạn lọc từ văn hóa Đông, Tây, kim, cổ, thái thái những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và giao thoa với văn hóa nhân loại, tạo nên những giá trị nâng tầm thời đại. Đúng như nhà nghiên cứu Elen Tuốcmerơ (người Đức) đã khẳng định: “Hình ảnh của Hồ Chí Minh đã hoàn chỉnh với sự kết hợp đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học Mác, thiên tài cách mạng của Lê nin và tình cảm của người chủ gia tộc, tất cả bao bọc trong một dáng dấp rất tự nhiên”⁽¹⁰⁾. Trong thời đại ngày nay, vấn đề nhân quyền, dân quyền và quyền của

các dân tộc gắn liền với mục tiêu lớn của loài người: Hòa bình, hợp tác hữu nghị và phát triển; độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Do đó, cuộc đấu tranh chống thực dân, phát xít hay đế quốc là để loại bỏ sự chà đạp lên những quyền dân tộc, đấu tranh vì quyền con người phải gắn liền với cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc. Việc đấu tranh bảo vệ quyền cá nhân con người cũng không phạm đến quyền dân tộc độc lập, quyền tự quyết của mỗi quốc gia dân tộc.

Tóm lại, 76 năm đã qua, từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, những chân lý trong Tuyên ngôn Độc lập tiếp tục được thể hiện qua các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc; qua quá trình lao động xây dựng một nước Việt Nam mới “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”. Chân lý “không có gì quý hơn độc lập, tự do” - khát vọng của dân tộc Việt Nam tiếp tục tỏa sáng trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc”⁽¹¹⁾. Tuyên ngôn Độc lập là một kiệt tác chính luận sâu sắc về những lập luận độc lập, tự do cho dân tộc và nhân loại, là văn bản pháp lý tiếp tục khẳng định và củng cố những quyền con người và quyền dân tộc, kết tinh những khát vọng và giá trị cao cả của độc lập - tự do - hạnh phúc của dân tộc và nhân loại ngày nay./.

Chú thích:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8) Hồ Chí Minh Toàn tập (2021), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, HN, T1, tr. 15; T1, tr. 13-14; T4, tr. 1-2, 3, 327, 1, 1, 175;

(9) Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, HN, 1979, tr. 88;

(10) Viện Hồ Chí Minh (1993), Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb Lao Động - Nxb Quân đội nhân dân, HN, tr. 109;

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, HN, T1, tr. 67.



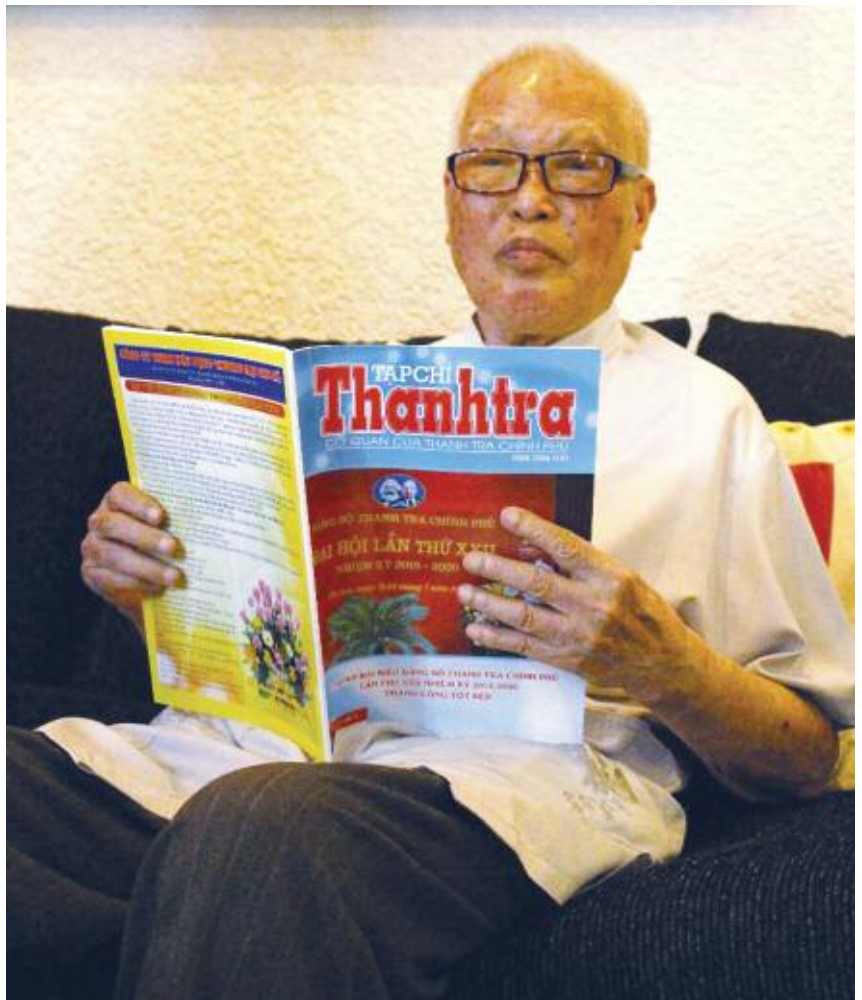
Tổng Thanh tra Chính phủ Nguyễn Văn Trân: Người học trò ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh

 **Ngô Đăng Tân**

Hơn 100 năm tuổi đời, hơn 80 năm tuổi Đảng, trải qua nhiều cương vị lãnh đạo quan trọng khác nhau của Đảng và Chính phủ, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Tổng Thanh tra Chính phủ Nguyễn Văn Trân luôn là chiến sĩ cách mạng kiên trung, tấm gương sáng về đạo đức cách mạng và là người học trò ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sự nghiệp cách mạng của đồng chí bắt đầu vào năm 1935, khi mà người thanh niên 18 tuổi rời quê hương Văn Môn, Yên Phong, Bắc Ninh ra Hà Nội làm thợ in trong bối cảnh phong trào Đông Dương Đại hội đang thổi luồng gió mới vào đời sống anh em thợ thuyền. Được tiếp cận với các bài diễn thuyết về quyền tự do dân chủ, về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin... đồng chí đã tích cực tham gia các hoạt động ái hữu, các cuộc đấu tranh, tuyên truyền bảo vệ quyền lợi công nhân, trở thành thành viên cốt cán của phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương - một tổ chức công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí được kết nạp Đảng vào năm 1936.

Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương ráo riết áp dụng chính sách



Đồng chí Nguyễn Văn Trân được bổ nhiệm giữ chức Tổng Thanh tra Chính phủ theo Sắc lệnh số 115-SL ngày 9/9/1952 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ảnh: Thái Minh



thời chiến, đàn áp phong trào cách mạng, khủng bố thuộc địa, đồng chí cùng các đồng đội của mình đi vào hoạt động bí mật. Bản thân có nghề in nên tổ chức bố trí đồng chí làm nhiệm vụ in báo “Cờ Giải phóng” để tuyên truyền chống Pháp, phục vụ cách mạng. Đồng chí bị chính quyền thực dân Pháp bắt giam tại nhà tù Hà Đông, nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội và bị xử 10 năm tù khổ sai, phải đi đày ở Sơn La khi cơ sở in bị bại lộ.

Sự kiện lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước vào mùa Xuân 1941 để cùng Ban Chấp hành Trung ương đưa ra các quyết sách hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đã thôi thúc đồng chí tìm cách sớm thoát ra khỏi nhà tù Sơn La. Tháng 8/1943, vượt ngục thành công cùng Nguyễn Lương Bằng, Trần Đăng Ninh, trở về Hà Nội bắt liên lạc với tổ chức, đồng chí được Trung ương giao nhiệm vụ phụ trách Công vận Xứ ủy Bắc Kỳ, tham gia Xứ ủy và làm Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ. Sau Quốc dân Đại hội Tân Trào, đồng chí được cử về Hà Nội chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

Cách mạng tháng Tám thành công, đồng chí làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng Bắc Kỳ. Giữa năm 1946, làm Bí thư Thành ủy Hà Nội kiêm Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Hà Nội. Từ năm 1947 đến năm 1951, làm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Khu 11 (gồm Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây) rồi làm Bí thư Liên khu ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu III.

Ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 64/SL thành lập Ban Thanh tra Đặc biệt - tổ chức tiền thân của ngành Thanh tra Việt Nam. Ban Thanh tra Đặc biệt “có ủy nhiệm là đi giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ”.

Ngày 18/12/1949, sau nhiều lần thảo luận, thống nhất, chuẩn bị mọi mặt, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 138b-SL thành lập Ban Thanh tra Chính phủ trực thuộc Phủ Thủ tướng, đồng chí Hồ Tùng Mậu được cử làm Tổng Thanh tra Chính phủ. Đến ngày 13/7/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 41-SL bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Văn Trân giữ chức Tổng Thanh tra Phó trong Ban Thanh tra Chính phủ.

Giai đoạn này, Ban Thanh tra Chính phủ đã cử nhiều đoàn đến các địa bàn thuộc Liên khu Việt Bắc, Liên khu III, Liên khu IV... Các đoàn thanh tra chú trọng thanh tra việc chấp hành sắc lệnh tổng động viên, việc thực hiện chính sách ruộng đất, chuẩn bị các chiến dịch quân sự lớn; thanh tra tình hình chi tiêu tài chính, quản lý ngân sách, thanh tra chấn chỉnh biên chế; tình hình quan hệ giữa quân đội với các cơ quan chính quyền... Cùng với đó, lãnh đạo Ban Thanh tra phối hợp với Ban Kiểm tra Trung ương Đảng và Ban Thanh tra các bộ làm rõ một số vụ tham ô lớn trong và ngoài quân đội.⁽¹⁾

Ngày 9/9/1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 115-SL bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Văn Trân giữ chức Tổng Thanh tra Chính phủ thay đồng chí Hồ Tùng Mậu hy sinh trên đường đi công tác.

Đầu năm 1953, Ban Thanh tra Chính phủ do Tổng Thanh tra Nguyễn Văn Trân đứng đầu đề ra kế hoạch công tác trọng tâm là thanh tra việc thực hiện chính sách giảm tô, chính sách tạm cấp ruộng đất và chính sách thuế nông nghiệp của Chính phủ, đồng thời tiếp tục giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố giác của Nhân dân.

Một số đoàn đi kiểm tra việc thực hiện chính sách giảm tô ở một số nơi thuộc Liên khu IV đã nhận được sự ghi nhận của cán bộ, Nhân dân nơi đoàn thanh tra làm việc. Họ đã hết sức phấn khởi vì nhận được sự giúp đỡ, hướng dẫn cụ thể việc thực hiện chính sách giảm tô gắn liền với chính sách đoàn kết nhân dân, củng cố lực lượng quần chúng.

Thực hiện chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh là phải làm cho chiến sĩ “đủ ăn, đủ sung, đủ thuốc”, Chính phủ thành lập Hội đồng cung cấp mặt trận, trưng dụng hầu hết cán bộ của Ban Thanh tra Chính phủ vào công tác này và cử Tổng Thanh tra Nguyễn Văn Trân làm Chủ tịch Hội đồng cung cấp Mặt trận. Lúc này, Ban Thanh tra Chính phủ tuy vẫn tồn tại nhưng công việc chủ yếu, trước mắt của cán bộ thanh tra là phục vụ công tác cung cấp, phục vụ nhiệm vụ cấp bách của cuộc kháng chiến.

Tổng Thanh tra Chính phủ Nguyễn Văn Trân cũng đã đảm nhiệm nhiều vị trí công tác quan trọng khác của Đảng và Chính

phủ. Sau khi tiếp quản miền Bắc, đồng chí được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phê chuẩn bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện. Sau đó, được phân công kiêm nhiệm chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng 2 nhiệm kỳ. Tháng 9/1960, đồng chí được bầu là Ủy viên chính thức Trung ương Đảng và đến tháng 1/1961, đồng chí được bổ sung làm Bí thư Trung ương Đảng; từ năm 1968 đến năm 1974 làm Bí thư Thành ủy Hà Nội. Năm 1975, đồng chí được Trung ương cử vào miền Nam làm thành viên Trung ương Cục miền Nam, sau đó tham gia công tác chỉ đạo Ban cải tạo công thương nghiệp Trung ương.

Sau khi Việt Nam thống nhất, đồng chí Nguyễn Văn Trân được bầu làm Trưởng ban Ngân sách của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Năm 1978, Chính phủ thành lập Viện Quản lý kinh tế Trung ương, đồng chí giữ chức Viện trưởng đầu tiên cho đến năm 1989.

Trong thời gian làm công tác thanh tra, cũng như ở những cương vị khác, đồng chí đã đi sâu, đi sát đời sống của dân, tìm lời giải đáp từ thực tiễn và tự nghiên cứu viết tổng kết đề xuất những phương thức và biện pháp rất logic, sáng tạo... Trong những tháng ngày tận tâm, tận lực cùng các đồng chí, đồng đội, dù ở bất cứ cương vị nào, đồng chí cũng có những đóng góp không nhỏ vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, hòa bình của đất nước. “Thời gian làm công tác trong ngành Thanh tra ngắn, nhưng đó là thời gian khá đặc biệt đối với tôi. Cho đến tận giờ tôi vẫn còn nhớ như in lời dạy của Bác Hồ: “Thanh tra trị bệnh cứu người, chứ không chỉ lo bắt tội ai” - nguyên Tổng Thanh tra Nguyễn Văn Trân chia sẻ.⁽²⁾

Với những công lao và thành tích xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, đồng chí đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Quãng thời gian lãnh đạo Ban Thanh tra Chính phủ của đồng chí Nguyễn Văn Trân không dài nhưng những hoạt động đó đã góp phần tích cực giúp Trung ương và Chính phủ xem xét việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách ở các cấp, các ngành, các địa phương, đồng thời thúc đẩy



và cải tiến công tác, củng cố mối quan hệ quân, dân, chính Đảng.

Trong giai đoạn này, dù chưa có hệ thống luật pháp hoàn chỉnh và hệ thống cho công tác thanh tra, cơ sở pháp lý chủ yếu là dựa vào sắc lệnh thành lập, yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng nên lực lượng thanh tra vừa làm, vừa tìm tòi, suy nghĩ để dần hình thành một hệ thống lý luận, phương pháp luận và những phương pháp, biện pháp có tính nghiệp vụ cho ngành Thanh tra Việt Nam và đặt nền móng cho việc xây dựng hệ thống Thanh tra chính quy sau này.

Cách đánh giá sự việc khoa học, chính xác, khách quan trên cơ sở coi trọng việc dựa vào quần chúng, lắng nghe ý kiến quần chúng của Ban Thanh tra Chính phủ đã góp phần đặt nền móng đầu tiên trong quá trình xây dựng hệ thống tư tưởng và lý luận của Thanh tra Việt Nam⁽³⁾.

Từ quan điểm “người làm công tác thanh tra phải có uy tín và danh vọng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp lựa chọn những người xứng đáng vào cương vị Thanh tra và đồng chí Nguyễn Văn Trân cùng các lãnh đạo tiền bối của ngành Thanh tra đã thực sự xứng đáng với lòng tin của Người.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Tổng Thanh tra Chính phủ Nguyễn Văn Trân đã nêu cao tấm gương sáng ngời của người cộng sản kiên cường, bất khuất, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, công hiến hết mình cho sự nghiệp kháng chiến, xây dựng đất nước ở tất cả các vị trí công tác, trong mọi nhiệm vụ được giao./.

Chú thích:

(1) Lê Trung Kiên, Trương Tất Thắng: *Tổng Thanh tra Chính phủ Hồ Tùng Mậu - chiến sỹ cộng sản kiên trung, bất khuất, trọn đời hiến dâng cho cách mạng*, Tạp chí Thanh tra số 7 - 2021;

(2) Nguyễn Tổng Thanh tra Nguyễn Văn Trân: *Thanh tra là trị bệnh cứu người chứ không chỉ lo bắt tội*, Báo Thanh tra, <https://thanhtra.com.vn/thanh-tra/hoat-dong-nganh/Thanh-tra-la-tri-benh-cuu-nguoi-chu-khong-chi-lo-bat-toi-82212.html>;

(3) *Thành lập Ban Thanh tra Chính phủ - đẩy mạnh hoạt động thanh tra phục vụ kháng chiến (1949 - 1954)*, Cổng Thông tin điện tử Thanh tra Chính phủ, https://thanhtra.gov.vn/web/guest/xem-chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/Content/3-thanh-lap-ban-thanh-tra-chinh-phu-ay-manh-hoat-ong-thanh-tra-phuc-vu-khang-chien-1949-1954-?3744568

Tài liệu tham khảo:

1. *Lịch sử Thanh tra Việt Nam 1945 - 2010*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, 2011;

2. Nguyễn Tổng Thanh tra Ban Thanh tra Chính phủ Nguyễn Văn Trân, *Cổng Thông tin điện tử Thanh tra Chính phủ*, https://thanhtra.gov.vn/xem-chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/Content/nguyen-tong-thanh-tra-ban-thanh-tra-chinh-phu-nguyen-van-tran?5922953;

3. *Phim tài liệu 70 năm một chặng đường Thanh tra Việt Nam do Đài Truyền hình Việt Nam phối hợp Thanh tra Chính phủ thực hiện năm 2015*;

4. Nguyễn Bí thư Thành ủy Hà Nội Nguyễn Văn Trân: *Tấm gương đạo đức, tận tụy với công việc*, Báo Hà Nội mới, <http://www.hanoimoi.com.vn/ban-in/Chinh-tri/921304/tam-guong-dao-duc-tan-tuy-voi-cong-viec>



**LỜI BÁC HỒ -
LÀ LỜI NON NƯỚC**

Cả quảng trường Ba Đình lắng nghe
Lời Bác Hồ tuyên ngôn độc lập
... Các dân tộc đều có quyền bình đẳng
Con người không còn áp bức, khổ đau...

Tiếng Bác Hồ vang vọng thâu mai sau
Lời của Bác: Là lời non nước
Triệu triệu người tiến về phía trước
Sát cánh kề vai vững bước đi lên.

Lời Bác Hồ thấp sáng niềm tin
Lừng lẫy Điện Biên - Chấn động địa cầu
Chúng con vâng theo lời Bác dạy
Xây dựng Việt Nam: Nước mạnh dân giàu.

Cách mạng mùa Thu - Mốc son lịch sử
Đất - trời biển đảo nay đã về ta
Nước Việt Nam - dân chủ cộng hòa
Mãi mãi trường tồn trong trái tim ta!

Lê Xuân Đạm



Ngành Thanh tra nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực,

góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

» LTS: Ngày 15/9/2021, Hội nghị toàn quốc các cơ quan nội chính triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã diễn ra dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Tại Hội nghị, đồng chí Đoàn Hồng Phong, ủy viên BCH Trung ương Đảng, Tổng Thanh tra Chính phủ đã có bài tham luận quan trọng với chủ đề "Ngành Thanh tra nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng". Tạp chí Thanh tra trân trọng giới thiệu toàn văn bài tham luận của Tổng Thanh tra Chính phủ:



Đồng chí Đoàn Hồng Phong, ủy viên BCH Trung ương Đảng, Tổng Thanh tra Chính phủ phát biểu tại Hội nghị. Ảnh: TTXVN

Kính thưa đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng,

Kính thưa các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các ban, bộ ngành TW; lãnh đạo các tỉnh, thành phố,

Thưa toàn thể Hội nghị,

Trước hết, tôi bày tỏ sự thống nhất cao với Dự thảo Báo cáo tình hình, kết quả công tác các cơ quan nội chính nhiệm kỳ Đại hội XII; nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Có thể khẳng định rằng, trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng các cơ quan nội chính toàn quốc đã phát huy truyền thống đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo dấu ấn rõ nét của một nhiệm kỳ mà điểm nổi bật nhất là: Công tác xây dựng thể chế từng bước hoàn thiện cơ chế phòng ngừa để "không thể", "không dám", "không muốn", "không cần" tham nhũng; công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán được tăng cường, góp phần siết chặt kỷ cương, kỷ luật của Đảng, pháp luật Nhà nước; công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, tạo bước đột phá và sự quyết tâm rất cao để "không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai"; vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, mặt trận tổ quốc, báo chí và Nhân dân về phòng, chống tham nhũng được đẩy mạnh. Có được những kết quả nổi bật trên, điểm mấu chốt là do có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời, nhịp nhàng,



đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan nội chính trong việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử các sai phạm về tham nhũng, tiêu cực.

Kính thưa Hội nghị,

Trong nhiệm kỳ qua, cùng với các cơ quan nội chính, ngành Thanh tra đã tích cực triển khai sự chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để thực hiện chương trình thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, vừa đáp ứng được mục tiêu phòng, chống tham nhũng, phát triển kinh tế - xã hội, vừa đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch bệnh Covid-19.

Trong 5 năm qua, ngành Thanh tra đã tổ chức thanh tra được gần 1 triệu 200 nghìn cuộc thanh tra; đã phát hiện vi phạm về kinh tế trên 433 nghìn tỷ đồng và hơn 84 nghìn ha đất; chuyển cơ quan điều tra 491 vụ, 701 đối tượng; kiến nghị xử lý hành chính hơn 10 nghìn tập thể và nhiều cá nhân.

Với kết quả trên cho thấy so với 5 năm nhiệm kỳ trước, số tiền mà thanh tra kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước tăng gấp 5 lần; số vụ chuyển cơ quan điều tra tăng 48% và số đối tượng tăng 84%; số tiền và tài sản mà thanh tra phát hiện, kiến nghị thu hồi bằng 5,7% tổng chi ngân sách nhà nước 5 năm.

Điểm nổi bật nhất của Thanh tra Chính phủ 5 năm qua là: Thực hiện sự chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Thủ tướng Chính phủ; Thanh tra Chính phủ cũng như ngành Thanh tra đã tập trung giải quyết nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo và tiến hành thanh tra, phát hiện nhiều vi phạm, sai phạm, kiên quyết kiến nghị xử lý những vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trong đó có những vụ việc rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng mang tính đột phá trong đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, thu hồi nhiều tiền, tài sản có giá trị lớn về ngân sách nhà nước, điển hình như vụ: Tổng công ty Viễn thông Mobifone mua cổ phần AVG; dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2; dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2- Công ty gang thép Thái Nguyên...

Kính thưa Hội nghị,

Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, ngành Thanh tra

xác định phương châm hành động là: *“Phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả; có trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào dứt điểm việc đó, thường xuyên đôn đốc, đánh giá, kiểm tra, giám sát kết quả đến cùng”*. Để nâng hiệu quả phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực, ngành Thanh tra đã và đang tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, nhất là sửa đổi Luật Thanh tra theo hướng từng bước hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng, tăng cường công khai minh bạch, khắc phục sự chồng chéo, bất cập trong công tác thanh tra, kiểm toán; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra có đủ năng lực, phẩm chất ngang tầm nhiệm vụ; công tâm, khách quan, đặt lợi ích vì sự nghiệp chung lên trên hết, trước hết.

Hai là, chủ động nắm chắc tình hình, đề xuất nội dung thanh tra trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với bối cảnh, tình hình đất nước; lựa chọn một số lĩnh vực để thanh tra chuyên đề diện rộng, trên cơ sở đó kiến nghị Chính phủ, Quốc hội sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách còn vướng mắc, bất cập, tạo điều kiện phát triển đất nước; chú trọng thanh tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

Ba là, tăng cường, chủ động trong công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, nhất là cơ quan nội chính, kiểm tra của Đảng, cơ quan kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử để tránh chồng chéo, trùng lặp trong thực thi nhiệm vụ, tránh lãng phí nguồn lực, kém hiệu quả.

Bốn là, thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra ngay trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị. Nhất là phải quán triệt, thực hiện có hiệu quả ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: *“Phòng, chống tham nhũng phải gắn liền với chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa”*, *“Phải kịp thời phát hiện, giải quyết từ sớm, ngăn chặn từ đầu các hành*

vi sai phạm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn”.

Năm là, tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, tạo sự thống nhất trong xem xét, giải quyết, nhất là đối với những vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài.

Kính thưa đồng chí Tổng Bí thư,

Thưa toàn thể Hội nghị,

Công tác nội chính nói chung và thanh tra nói riêng còn có nhiều điều để nói và tiếp tục phải làm tốt hơn nữa; với chúng tôi những người làm trong các cơ quan nội chính luôn khắc ghi lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Người làm nội chính và cơ quan nội chính phải đặc biệt chú trọng đức thanh liêm, thanh khiết, phải ‘dĩ công vi thượng’, phải ‘tinh thành đoàn kết’, nêu cao tinh thần ‘trọng dân’, ‘trọng pháp’, ‘quang minh chính đại’*. *Vì nêu cao công lý và nhân nghĩa mà phải thẳng tay trừng trị tất cả những kẻ bất liêm, bất kể chúng là ai”*.

Riêng đối với ngành Thanh tra, chúng tôi đã và đang thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại buổi thăm và làm việc với Thanh tra Chính phủ ngày 16/3/2015, đó là: *“Ngành Thanh tra sẽ bước vào một giai đoạn phát triển mới, không chỉ nhận các Huân chương cao quý của Nhà nước mà còn là Huân chương trong lòng dân”*.

Nhân dịp này, thay mặt ngành Thanh tra, tôi xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của các đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, sự phối hợp của các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ. Ngành Thanh tra mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo và sự phối hợp đó trong thời gian tới để ngành phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Xin trân trọng cảm ơn và chúc hội nghị thành công tốt đẹp!



Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan thanh tra nhà nước

TS. Lê Tiến Hòa

Nguyên Phó Tổng Thanh tra Chính phủ



Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch năm 2021 của Thanh tra tỉnh Đồng Tháp. Ảnh: Internet

Cử tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cán bộ là gốc của mọi công việc”⁽¹⁾ và “muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”⁽²⁾. Do vậy, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, coi việc xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu là nhiệm vụ rất quan trọng. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã đặt ra nhiệm vụ: “Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn thử thách, dám hành động vì lợi ích chung,

có uy tín cao và thực sự tiên phong gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết.”⁽³⁾ Chiến lược phát triển ngành Thanh tra đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã đề ra mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thanh tra “chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ cương, liêm chính”. Để góp tiếng nói vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ thanh tra, trong phạm vi bài viết này, tác giả đề cập đến một số nội dung về nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan thanh tra bộ, thanh tra tỉnh, thanh tra sở, thanh tra huyện.

1. Chức trách, nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan thanh tra

Trong hệ thống các cơ quan thanh tra nhà nước, người đứng đầu cơ quan thanh

tra có vai trò rất quan trọng, là người “đứng mũi chịu sào”, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành toàn bộ các hoạt động của cơ quan thanh tra. Pháp luật về thanh tra quy định chánh thanh tra bộ, chánh thanh tra tỉnh, chánh thanh tra sở, chánh thanh tra huyện là người đứng đầu cơ quan thanh tra. Điều 19, 22, 25, 28 Luật Thanh tra năm 2010 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chánh thanh tra bộ, chánh thanh tra tỉnh, chánh thanh tra sở, chánh thanh tra huyện trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cơ quan thanh tra thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Thanh tra Chính phủ có Thông tư 08/2011/TT-TTTP ngày 12/9/2011 quy định về tiêu chuẩn chánh thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ và Thông tư 09/2011/TT-TTTP ngày



12/11/2011 quy định cụ thể về chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, trình độ của chánh thanh tra bộ, chánh thanh tra tỉnh. Có thể khái quát chức trách, nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan thanh tra bộ, thanh tra tỉnh, thanh tra sở, thanh tra huyện như sau:

Một là, lãnh đạo, chỉ đạo việc tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, bao gồm: Xây dựng thể chế, pháp luật, chương trình, kế hoạch thanh tra; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật; tổ chức thanh tra, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật; chỉ đạo công tác, hướng dẫn nghiệp vụ cho cơ quan thanh tra cấp dưới và cán bộ, công chức làm công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; tổ chức công tác tổng hợp, báo cáo, tổng kết kinh nghiệm, hợp tác quốc tế về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

Hai là, lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cơ quan thanh tra tiến hành các hoạt động thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tổ chức các hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

Ba là, quản lý công chức, thanh tra viên của cơ quan thanh tra; quản lý tài chính, tài sản được giao, đảm bảo sử dụng thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hiện công khai, dân chủ trong hoạt động của cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu về năng lực, phẩm chất của người đứng đầu cơ quan thanh tra

Để thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, người đứng đầu các cơ quan thanh tra bộ, thanh tra tỉnh, thanh tra sở, thanh tra huyện cần phải có những năng lực, phẩm chất nhất định, đó là: Năng

lực tham mưu, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cơ quan thanh tra tiến hành các hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng có chất lượng, hiệu quả; khả năng quy tụ, đoàn kết, tập hợp mọi thành viên trong cơ quan thanh tra gắn bó với nhau thành một khối thống nhất, phát huy sức mạnh tập thể và phối hợp tốt với các cơ quan, tổ chức có liên quan để hoàn thành tốt nhiệm vụ; phong cách làm việc dân chủ, biết tự phê bình và phê bình, biết lắng nghe, tôn trọng mọi ý kiến khác nhau, kể cả những ý kiến trái với ý kiến của mình; ý thức tổ chức kỷ luật cao, trung thực, khách quan, quyết đoán, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, kiên định trước mọi tình huống, không nản lòng khi gặp khó khăn, thách thức, dũng cảm đương đầu để phê phán cái sai, bảo vệ cái đúng; làm việc với tinh thần trách nhiệm và hiệu quả cao, tiên phong trong hành động, gương mẫu về phẩm chất và đạo đức, giữ gìn lối sống trong sạch, giản dị, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nói đi đôi với làm và làm nhiều, làm tốt hơn nói để mọi người noi theo.

Trong những năm vừa qua, nhìn chung đội ngũ chánh thanh tra bộ, chánh thanh tra tỉnh, chánh thanh tra sở, chánh thanh tra huyện đã thể hiện được năng lực, phẩm chất của người đứng đầu, có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng; có đạo đức, lối sống giản dị, gương mẫu; có ý thức tổ chức kỷ luật, luôn tu dưỡng, rèn luyện, năng lực, trình độ từng bước được nâng lên; nêu cao vai trò gương mẫu, chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cơ quan thanh tra; phần đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt được nhiều kết quả trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các cấp, các địa phương.

Tuy nhiên, so với yêu cầu đặt ra thì công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số chánh thanh tra bộ, chánh thanh tra tỉnh, chánh thanh tra sở, chánh thanh tra huyện vẫn còn có những hạn chế, bất cập như: Thiếu tính chủ động, quyết đoán trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, còn có tâm lý trông chờ, phụ thuộc vào sự chỉ đạo của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; chất lượng tham mưu trong quản lý nhà nước cũng như các hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng còn hạn chế, nhất là trong những vấn đề phức tạp; phương pháp chỉ đạo, điều hành hoạt động còn lúng túng, bị động; trách nhiệm và bản lĩnh nghề nghiệp chưa cao, chưa dám đương đầu với khó khăn, thử thách, chưa dám làm, dám chịu trách nhiệm; khả năng giáo dục, thuyết phục, đoàn kết, tập hợp cán bộ, công chức trong cơ quan còn yếu, một số cơ quan thanh tra còn thiếu đoàn kết nội bộ, có cán bộ vi phạm bị xử lý hành chính, thậm chí bị xử lý hình sự... Những hạn chế trong chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu đã ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác của cơ quan thanh tra, làm cho vị thế, uy tín của một số cơ quan thanh tra chưa được đề cao. Những hạn chế, bất cập này do nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan, trong đó có nguyên nhân do năng lực của người đứng đầu cơ quan thanh tra chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý và công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay.

3. Biện pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan thanh tra

Để đáp ứng yêu cầu về năng lực, phẩm chất của người đứng đầu các cơ quan thanh tra trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện một số biện pháp sau đây:

** Đối với cá nhân người đứng đầu cơ quan thanh tra*

Một là, người đứng đầu cơ quan thanh tra phải không ngừng rèn luyện, học tập, nghiên cứu để nắm vững các quan điểm,



chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; am hiểu sâu tình hình kinh tế- xã hội, nhiệm vụ chính trị trọng tâm của ngành, địa phương công tác; nắm vững các nguyên tắc, chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội; nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp, phẩm chất, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; nắm vững kiến thức pháp luật và nghiệp vụ công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Hai là, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Xây dựng phong cách làm việc dân chủ, có ý thức tự phê bình và phê bình, thành khẩn tiếp thu ý kiến phê bình của cán bộ, đảng viên, công chức và Nhân dân; dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, dám đương đầu với khó khăn, thử thách vì lợi ích chung; thẳng thắn, trung thực, đấu tranh bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai. Không ngừng tự phấn đấu, tự tu dưỡng, tự rèn luyện để nâng cao uy tín của bản thân và cơ quan thanh tra.

Ba là, đổi mới phương pháp chỉ đạo, điều hành, vận dụng đồng bộ các phương pháp chỉ đạo, điều hành tiên tiến như: Phương pháp kế hoạch hóa các hoạt động của cơ quan thanh tra; phương pháp xây dựng và thực hiện nội quy, quy chế của cơ quan; phương pháp thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công việc; phương pháp thu thập, xử lý thông tin và ứng dụng khoa học, công nghệ trong chỉ đạo, điều hành; phương pháp phân công và phối hợp công việc...

Bốn là, phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa sự chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan thanh tra với vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức Đảng trong cơ quan thanh tra. Các tổ chức Đảng, cấp ủy Đảng cùng với người đứng đầu cơ quan thanh tra có trách nhiệm lãnh đạo cơ quan, cán bộ, đảng viên, công chức chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ, cơ quan và lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả; thường xuyên giáo dục, rèn luyện, kiểm tra,

giám sát cán bộ, đảng viên, công chức nhằm nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ, nghiệp vụ, kiến thức, năng lực công tác.

** Đối với cấp ủy Đảng, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước và cán bộ, công chức cơ quan thanh tra*

Bên cạnh sự nỗ lực, cố gắng của bản thân cán bộ, để nâng cao năng lực, phẩm chất của người đứng đầu cơ quan thanh tra, còn có trách nhiệm lãnh đạo của cấp ủy, sự chỉ đạo, điều hành của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp và sự đóng góp xây dựng của cán bộ, công chức trong cơ quan thanh tra, cụ thể:

- Các cấp ủy Đảng địa phương, ban cán sự Đảng các bộ, thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước cần quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ bảy, khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như: Nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên nói chung và người đứng đầu cơ quan thanh tra nói riêng; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ, nhất là các khâu đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm chánh thanh tra phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, trình độ, các điều kiện bổ nhiệm và phải có sự thống nhất cao giữa cấp ủy, thủ trưởng cơ quan quản lý (nơi bổ nhiệm) với thủ trưởng cơ quan thanh tra cấp trên; tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ quyền lực của người đứng đầu cơ quan thanh tra; chuẩn hóa tiêu chuẩn, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đi đôi với tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để người đứng đầu cơ quan thanh tra phấn đấu, học tập, rèn luyện, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; đồng thời phải khuyến khích, bảo vệ người đứng đầu dám nghĩ, dám làm, dám

đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung...

- Theo quy định của pháp luật về thanh tra, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo, điều hành cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp. Do vậy, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cần quan tâm kiện toàn tổ chức, biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, đảm bảo cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho các cơ quan thanh tra; quan tâm đến việc chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm theo đúng quy định; xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của cơ quan thanh tra; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, quyết định xử lý tố cáo; tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của cơ quan thanh tra. Nếu được thủ trưởng cơ quan quản lý quan tâm thì năng lực chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan thanh tra sẽ được nâng lên, chắc chắn công tác quản lý nhà nước cũng như các hoạt động khác của cơ quan thanh tra sẽ có chất lượng, hiệu quả cao hơn.

- Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan thanh tra còn phụ thuộc vào ý thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức thanh tra trong việc chấp hành nội quy, quy chế, quy trình, kế hoạch công tác; chấp hành sự chỉ đạo, điều hành, phân công công việc và sự phối hợp trong hoạt động của cơ quan thanh tra... Vì vậy, mỗi cán bộ, công chức cần không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, năng lực, trình độ nghiệp vụ, ý thức tổ chức, kỷ luật, phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Đồng thời, tích cực tham gia góp ý, phê bình đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan thanh tra nhằm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của cơ quan./

Chú thích:

(1), (2) Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 1995, tập. 5, tr.269, tr.240;
(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội - 2021, tr.187.



Đại dịch covid-19, cuộc cách mạng 4.0 và yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động thanh tra

 **Vũ Văn Chiến**

Hiệu trưởng Trường Cán bộ Thanh tra

Bất chấp sự nỗ lực, cố gắng của cộng đồng quốc tế trong việc phòng ngừa, ngăn chặn, đã gần 02 năm qua, kể từ khi lần đầu được phát hiện ở Vũ Hán (Trung Quốc), đại dịch covid-19 vẫn đang hoành hành ở gần như khắp nơi trên thế giới. Các chính trị gia, các nhà quản trị và cả giới khoa học đều không lường tượng hết sự nguy hiểm của loài virus nhỏ bé này và những biến chủng của nó. Lúc đầu có người cho rằng nó sẽ khó tồn tại và phát triển ở những khu vực có nhiệt độ cao và

mùa hè nóng ẩm. Có người còn cho rằng nó cũng giống như một loại cúm mùa thông thường. Nhưng rồi khi dịch bệnh lan rộng ra toàn thế giới dù ở bất cứ điều kiện khí hậu nào và áp lực kinh hoàng mà nó gây ra đối với cả những hệ thống y tế tốt nhất, làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, gây ra tình trạng thất nghiệp trên diện rộng, đẩy hàng trăm triệu người vào cảnh đói nghèo thì tất cả mới nhìn nhận nó là đại dịch thế kỷ. Chưa hết, lúc đầu người ta cho rằng vaccine sẽ giúp loài người “thanh toán” được đại dịch như đã từng “thanh toán” bệnh đậu mùa. Nhưng rồi tất cả phải nhìn

nhận lại khi vaccine chỉ giúp chúng ta hạn chế được các ca tử vong và biến chứng nặng chứ không giúp chúng ta tránh lây nhiễm hay lây nhiễm cho người khác. Ở những nước có tỷ lệ tiêm chủng cao thì tốc độ lây lan vẫn rất cao khi xuất hiện biến chủng delta. Ngày 23.5.2021, Tổng thống Hoa Kỳ, J.Biden tuyên bố nước Mỹ đã vượt qua đại dịch, mọi người tiêm đủ 02 mũi vaccine có thể bỏ khẩu trang và trở lại nhịp sống bình thường. Nhưng chỉ 01 tháng sau, nước Mỹ lại phải đối mặt với một làn sóng dịch mới. Đến cuối tháng 08. 2021, chỉ 02 tháng sau tuyên bố của Tổng thống, số ca



dương tính với covid-19 ở Mỹ đã lên đến xấp xỉ 200.000 ca/ngày. Đến bây giờ thì nhiều nhà khoa học đã phải thay đổi cách nhìn về virus corona, và có thể nó sẽ thay đổi thói quen sống của tất cả mọi người. Có thể sẽ còn rất lâu nữa chúng ta mới quay trở lại cuộc sống bình thường như trước khi có đại dịch, thậm chí chúng ta phải chấp nhận một cuộc sống “bình thường mới”. Điều đó có nghĩa là đeo khẩu trang, giữ khoảng cách, hạn chế tập trung đông người... sẽ là một sự bình thường mới, kể cả khi tỷ lệ tiêm chủng đã đạt trên 70% dân số. Ở các quốc gia đang phải vật lộn với làn sóng dịch thì giãn cách xã hội là giải pháp không thể không làm. Việt Nam cũng đang phải áp dụng biện pháp này ở mức nghiêm ngặt nhất. Đương nhiên, điều đó sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến mọi hoạt động của đời sống xã hội, đến hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra nói riêng. Từ đầu tháng 05 năm 2021 đến nay, việc giãn cách xã hội đã làm đình trệ việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra ở hầu hết các bộ, ngành, địa phương. Nhiều cuộc thanh tra theo kế hoạch năm 2021 không thể triển khai được. Nhiều cuộc thanh tra bị đình lại dở dang khi đang ở giai đoạn thanh tra trực tiếp. Ôn dịch là thứ ai cũng nhìn thấy. Thật dễ dàng lý giải cho tình trạng đình trệ đó là do nguyên nhân khách quan: Dịch bệnh.

Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, dịch bệnh, phong tỏa, giãn cách xã hội... càng làm cho người ta thấy vai trò của công nghệ, của xây dựng chính quyền điện tử, của số hóa nền kinh tế quan trọng đến mức nào. Ở nhiều quốc gia phát triển, người ta có thể số hóa cả nền quản trị quốc gia. Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) được sử dụng không chỉ ở hoạt động sản xuất, kinh doanh mà đã len lỏi vào các hoạt động kiểm soát của Nhà nước đối với nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Việc kiểm soát các nguồn tài nguyên, đất đai, quản lý nguồn lực lao động, dân cư được công nghệ

hỗ trợ rất nhiều. Thậm chí có những nước có thể quản lý hành vi tuân thủ pháp luật của từng cá nhân trong xã hội, “chấm điểm hạnh kiểm” cho toàn bộ cư dân của đất nước. Việt Nam cũng không nằm ngoài trào lưu đó và có những bước tiến dài trong những năm qua. Thương mại điện tử, hóa đơn điện tử, ứng dụng trí tuệ vào trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa bây giờ là câu chuyện phổ biến. Những người nông dân ở Tây Nguyên, Sơn La, Bắc Giang hay Hải Dương bây giờ cũng đã tham gia thành thạo vào các sàn thương mại điện tử để bán nông sản, cà phê, hạt điều, trái cây...ra khắp thế giới. Trong hoạt động quản lý nhà nước, chúng ta chủ trương và đạt được những thành quả trong xây dựng Chính phủ điện tử, xây dựng các đô thị thông minh mà ở đây công nghệ phát huy vai trò to lớn để tiết giảm chi phí quản lý, tăng hiệu quả quản lý.

Ấy vậy mà phương thức thanh tra của chúng ta về cơ bản vẫn là phương thức truyền thống. Vẫn là đoàn, đội xuống cơ sở để thanh tra trực tiếp, vẫn tiếp nhận tài liệu, chứng từ thủ công, vẫn họp hành, làm việc, giải trình trực tiếp... Cách làm này Ban Thanh tra đặc biệt, Ủy ban Thanh tra Trung ương của Chính phủ, thời mà cụ Bùi Bằng Đoàn, cụ Hồ Tùng Mậu đã làm từ thập kỷ 40 của thế kỷ trước. Quả thật nhìn lại, trước những thay đổi trong đời sống xã hội mà đại dịch covid-19 có thể tạo ra, trước những bước tiến nhanh chóng của cuộc cách mạng 4.0, nếu ngành Thanh tra không có những đổi mới để thích ứng thì hoàn toàn có thể bị bỏ lại phía sau. Không lẽ chúng ta sẽ thụ động chờ cho đến khi đại dịch được dập tắt hoàn toàn, cuộc sống trở về bình thường như trước đây thì mới lại tiếp tục kéo đoàn, kéo đội đi cơ sở để thanh tra trực tiếp, trong khi như đã nói ở trên, rất có thể chúng ta sẽ phải sống lâu dài trong tình trạng “bình thường mới”. Nghĩa là vẫn khẩu trang, vẫn khử khuẩn, vẫn khoảng cách, vẫn hạn chế tập trung đông người, kể cả khi đã phủ rộng vaccine. Khi ấy chúng

ta sẽ làm thế nào? Các đoàn thanh tra sẽ xử lý ra sao nếu trong một tương lai gần, các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp sẽ khai tử các văn bản giấy? Chúng ta xử lý ra sao nếu đối tượng thanh tra thay vì cung cấp các văn bản hợp đồng, báo giá, biên bản cuộc họp đầu thầu như yêu cầu hiện nay mà lại cung cấp các dữ liệu số hóa, trong đó, AI là nhân tố chấm chầu? Vì thế việc cần kíp lúc này là phải đổi mới phương thức thanh tra và tránh tụt hậu.

Trước hết, sự thay đổi đó phải từ thể chế pháp luật. Việc sửa đổi Luật Thanh tra là cơ hội để chúng ta tiếp cận và giải quyết vấn đề. Ở đó, bên cạnh phương pháp truyền thống, phải bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục thanh tra, các biện pháp nghiệp vụ thanh tra, việc sử dụng công nghệ trong hoạt động thanh tra cho phù hợp với những yêu cầu khách quan của đời sống xã hội và của hoạt động quản lý theo xu thế số hóa hiện nay. Trên cơ sở các quy định của Luật, các văn bản hướng dẫn thi hành phải cụ thể hóa thành quy trình nghiệp vụ, các kỹ năng nghiệp vụ hoàn toàn mới. Quá trình này không thể không có sự tham gia của giới công nghệ thông tin.

Thứ hai, đội ngũ những người làm công tác thanh tra phải thay đổi nhận thức, tư duy về quản lý nhà nước và thanh tra, kiểm soát trong thời đại 4.0. Họ phải được trang bị kiến thức mới, kỹ năng mới mà trước nay ta chưa biết hay chưa quan tâm đến: Từ kỹ năng sử dụng các thiết bị công nghệ, kỹ năng khai thác dữ liệu điện tử, thậm chí cả kỹ năng sử dụng AI trong phân tích, đánh giá số liệu...

Chúng ta phải thay đổi trong một nguyên lý bất biến: Đó là dù công nghệ phát triển đến mức nào, dù dịch bệnh có làm thay đổi nhiều mặt của đời sống thì xã hội vẫn luôn hiện diện vai trò của quản lý nhà nước, mà có quản lý là phải có thanh tra. Thanh tra và xử lý vi phạm luôn là một nội dung thiết yếu của quản lý nhà nước. Chúng ta chỉ có thể đánh mất vai trò khi tụt chúng ta tụt hậu./.



Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng của Việt Nam - Một số vấn đề đặt ra

Ths. Phạm Thị Thu Hiền

Phó Viện trưởng Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra



Tỉnh Tuyên Quang tổ chức Hội nghị tổng kết Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 và kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, tháng 4/2021. Ảnh: Noichinh.vn

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 Khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN), lãng phí đã nhận định: “Cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, hiệu quả thấp. Tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt,

làm giảm sút lòng tin của Nhân dân, là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta”. Để triển khai thực hiện Nghị quyết, Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về PCTN đến năm 2020 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12/5/2009 của Chính phủ), xác định rõ quan điểm, mục tiêu, các nhóm giải pháp, cũng như lộ trình thực hiện công tác PCTN. Sau hơn 10 năm thực hiện, tình hình tham nhũng đã có nhiều cải thiện, tuy nhiên vẫn diễn ra ở mức độ nghiêm trọng, phức tạp, phổ biến và ngày càng tinh

vi trên nhiều lĩnh vực. Bài viết xin đóng góp một cách tiếp cận, đánh giá, bình luận và đưa ra một số gợi ý về nội dung chính sách trong Chiến lược quốc gia về PCTN của Việt Nam làm cơ sở để tiếp tục nghiên cứu, trong đó có việc xem xét ban hành Chiến lược mới cho giai đoạn tiếp theo.

1. Khái quát Chiến lược quốc gia về PCTN của Việt Nam đến năm 2020

Thứ nhất, Chiến lược quốc gia PCTN là quyết định chủ đạo (quyết định chính sách) được xây dựng, ban hành dưới dạng văn bản và triển khai thực hiện bởi chủ thể



là cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vấn đề tham nhũng một cách có hệ thống, lộ trình xác định. Chiến lược quy định trực tiếp các mục tiêu và hệ thống giải pháp PCTN nhằm giải quyết các vấn đề mà thực tiễn đặt ra phù hợp với bối cảnh của một giai đoạn cụ thể.

Thứ hai, Chiến lược được ban hành dựa trên cơ sở khách quan là tình hình, nguyên nhân của tham nhũng và chịu sự chi phối bởi mong muốn chủ quan của Nhà nước. Chiến lược quốc gia về PCTN đến năm 2020 được ban hành để giải quyết tình hình tham nhũng diễn biến phức tạp trên nhiều lĩnh vực, nhất là trong quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý Nhà nước, tiềm ẩn các xung đột lợi ích, phản kháng về xã hội với hàng loạt các nguyên nhân về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Việc xây dựng Chiến lược quốc gia về PCTN cho giai đoạn tiếp theo cần phải được tiến hành trên cơ sở xác định, dự báo quy mô, tính chất, mức độ, đặc thù, nguyên nhân của tình hình tham nhũng giai đoạn tiếp theo để có thể đề ra được các mục tiêu đúng đắn, phù hợp và giải pháp trọng tâm nhằm giải quyết được các nguyên nhân cơ bản của tình hình tham nhũng giai đoạn tới.

Thứ ba, hệ thống giải pháp của Chiến lược có đối tượng và phạm vi tác động lớn, khó định lượng được hiệu quả, tồn tại, vận động trong môi trường chính trị, kinh tế - xã hội tương ứng. Cùng với quá trình đổi mới không ngừng cơ chế quản lý, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đô thị hóa, sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, sự phát triển mạnh của khu vực tư, thị trường bất động sản, thị trường vốn, thị trường khoa học công nghệ, thị trường lao động, hội nhập kinh tế dưới sự tác động của cách mạng công nghiệp 4.0... sẽ nảy sinh nhiều hơn những điều kiện, nguyên nhân, cách thức thực hiện hành vi tham nhũng mới

tinh vi, khó phát hiện, khó xử lý trong phạm vi quốc gia. Tất cả bối cảnh đó cần được tính toán đầy đủ khi vạch ra hệ thống giải pháp cho Chiến lược PCTN giai đoạn mới.

Thứ tư, Chiến lược có lộ trình triển khai cụ thể và phân công trách nhiệm thực hiện các giải pháp một cách rõ ràng. Chiến lược phải được thực hiện và đánh giá kết quả cụ thể khi hết thời hạn. Vì vậy, lộ trình triển khai phải xác định rõ ràng theo từng giai đoạn nhỏ, gắn với mục tiêu cụ thể, giải pháp trọng tâm của giai đoạn đó và trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thứ năm, Chiến lược có cơ chế kiểm tra, đánh giá, tiêu chí đo lường việc triển khai thực hiện. Việc đánh giá, đo lường sẽ giúp kịp thời điều chỉnh mục tiêu, giải pháp trọng tâm của từng giai đoạn nhỏ triển khai thực hiện. Khi kết thúc, việc đánh giá theo tiêu chí sẽ giúp cụ thể hóa các hiệu quả, các hạn chế, vướng mắc và tìm ra bài học cho việc xây dựng Chiến lược giai đoạn tiếp theo đúng đắn, phù hợp và hiệu quả hơn.

2. Một số vấn đề đặt ra về mặt nội dung và quá trình triển khai Chiến lược quốc gia PCTN của Việt Nam đến năm 2020

Dựa trên bối cảnh ban hành, Chiến lược xác định mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể, trong đó mục tiêu chung là: *“Sử dụng tổng thể các giải pháp PCTN; vừa tích cực, chủ động trong phòng ngừa, vừa kiên quyết trong phát hiện, xử lý với những bước đi vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, trong đó phòng ngừa là cơ bản, lâu dài; gắn PCTN với thực hành tiết kiệm, chống quan liêu, lãng phí”*.

Trên cơ sở các mục tiêu đề ra, Chiến lược đã xác định 5 nhóm giải pháp cơ bản gồm: (1) Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật; (2) Hoàn thiện chế độ công vụ, công chức, nâng cao chất lượng thực thi công vụ; (3) Hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế, xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, công

bằng, minh bạch; (4) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong phát hiện, xử lý tham nhũng; (5) Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của toàn xã hội trong PCTN. Đồng thời, Chiến lược cũng xác định rõ lộ trình triển khai chia làm ba giai đoạn nhỏ và trách nhiệm của các chủ thể trong việc tổ chức thực hiện các nhóm giải pháp của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức hữu quan và việc theo dõi, đánh giá việc thực hiện Chiến lược.

Tuy nhiên, nội dung Chiến lược và quá trình triển khai thực hiện Chiến lược cho thấy một số vấn đề như sau:

Về nội dung của Chiến lược

Mục tiêu chung của Chiến lược đề cập đến việc “thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng”, tuy nhiên mục tiêu cụ thể chưa nhấn mạnh nhiều đến tính cấp bách của việc phát hiện, xử lý nghiêm minh hành vi tham nhũng, chưa đủ mạnh để tạo ra những đột phá trong PCTN. Mục tiêu thiết lập hệ thống đo lường, giám sát tham nhũng cũng chưa được cụ thể hóa thành các giải pháp cụ thể trong Chiến lược. Một số mục tiêu cụ thể về phòng ngừa tham nhũng quá lý tưởng so với thực tế nền công vụ, khó hoàn thành ở thời điểm năm 2020 khi các yếu tố nền tảng chưa được hoàn thiện. Để khắc phục một bước vấn đề này, Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 về tăng cường các biện pháp phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác PCTN đến năm 2020, trong đó nêu rõ việc phát hiện, xử lý tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng là rất quan trọng và cấp bách. Các văn bản này cho thấy sự điều chỉnh kịp thời về mục tiêu để gia tăng hiệu quả công tác PCTN. Tuy nhiên, để công tác PCTN hiệu quả hơn trong giai đoạn tiếp theo, cần thiết phải điều chỉnh mục tiêu chung và mục tiêu



cụ thể của Chiến lược với những lý do đã nêu ở trên.

Nội dung chính sách trong Chiến lược chưa đáp ứng hết các định hướng của Đảng trong đó có định hướng chính sách PCTN phải có trọng tâm, trọng điểm, tuy nhiên hiện nay vẫn bị dàn trải trên nhiều nội dung khác nhau. Một số chủ trương của Đảng đề ra chưa được Chính phủ thể chế hóa như: Nghiên cứu tổ chức cơ quan PCTN theo hướng bảo đảm sự độc lập cần thiết với các cơ quan quản lý nhà nước theo cấp hành chính và chịu sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của Trung ương; sửa đổi, bổ sung pháp luật về thanh tra, kiểm toán theo hướng xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi cơ quan trong phát hiện, xử lý tham nhũng; mở rộng mô hình thi tuyển chức danh cán bộ quản lý cấp vụ, cấp phòng, nhất là người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp (y tế, giáo dục, khoa học - công nghệ, doanh nghiệp nhà nước)...

Về quá trình triển khai thực hiện Chiến lược

Quá trình triển khai Chiến lược giai đoạn vừa qua đã bộc lộ một số hạn chế sau đây: Hệ thống văn bản pháp luật chưa cụ thể hóa hết những giải pháp đã được Chiến lược đưa ra, một số văn bản pháp luật quá trình thực hiện đã bộc lộ hạn chế, bất cập nhưng việc sửa đổi, bổ sung, khắc phục còn chậm; năng lực về tài chính, nhân sự, công cụ kỹ thuật của nền hành chính, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng hết yêu cầu của Chiến lược; hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện còn thiếu chặt chẽ, hiện đại, chưa phát huy hết vai trò phản biện của xã hội. Cho tới tháng 6/2016, qua hai giai đoạn của Chiến lược, Việt Nam mới ban hành “Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN đối với UBND cấp tỉnh - CAPA INDEX”; giai đoạn 1 và giai đoạn 2 thực hiện Chiến lược cũng không có tổng kết, đánh giá một cách chính thức mà lồng ghép vào quá trình tổng kết thi hành Luật PCTN và Nghị quyết số 82/NQ-CP của Chính phủ. Cho tới thời điểm này, mục tiêu của Chiến lược vẫn chưa đạt

được ở mức độ cao khi các báo cáo chính thức của Chính phủ đều thừa nhận tham nhũng đã từng bước được kiềm chế, ngăn chặn, có chiều hướng thuyên giảm nhưng vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, có biểu hiện tinh vi hơn, vẫn còn tham nhũng trong chính các cơ quan có chức năng PCTN.

3. Một số gợi ý nội dung chính sách cho việc xây dựng Chiến lược quốc gia về PCTN của Việt Nam giai đoạn tiếp theo

Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác PCTN, trong thời gian tới cần tiếp tục ban hành Chiến lược quốc gia về PCTN cho giai đoạn tiếp theo (đến năm 2030), trong đó cần tập trung vào một số định hướng chính sách sau đây:

Thứ nhất, mục tiêu của Chiến lược cần nhấn mạnh tới tính cấp bách của việc phát hiện, xử lý nghiêm minh hành vi tham nhũng. Trọng tâm phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng cần được khẳng định rõ ràng ở mục tiêu chung và cụ thể hóa thành các mục tiêu cụ thể làm căn cứ xác lập các giải pháp và công cụ mạnh mẽ hơn, nhất là trong việc lập ra thiết chế với thẩm quyền điều tra, truy tố đủ mạnh để phát hiện, điều tra, truy tố hành vi tham nhũng. Các mục tiêu liên quan đến phòng ngừa cũng cần phù hợp với thực tế để đảm bảo khả năng hoàn thành tối đa khi kết thúc giai đoạn chính sách.

Thứ hai, Chiến lược quốc gia về PCTN đến năm 2030 cần đề ra giải pháp đột phá, hiệu quả hơn trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng như thu hồi tài sản tham nhũng, đảm bảo tính độc lập của cơ quan chuyên trách PCTN, xử lý tội phạm tham nhũng có yếu tố nước ngoài... các giải pháp phòng ngừa có trọng tâm hơn, phù hợp với thực tế nền công vụ như xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển dịch vụ công trực tuyến ở các cấp...

Thứ ba, bổ sung giải pháp về tiêu chí, chỉ số đánh giá quốc gia về tình hình tham

nhũng, đa dạng hóa hình thức đánh giá bằng cách tự tiến hành những cuộc điều tra, khảo sát quy mô lớn trên cả hai đối tượng là cán bộ, công chức và người dân, doanh nghiệp để đảm bảo tính chính xác, khách quan trong các báo cáo khảo sát, đánh giá thay vì chỉ tập trung vào các báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo chuyên đề nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan. Có cơ chế để các tổ chức xã hội, người dân, doanh nghiệp giám sát và đưa ra những góp ý nhằm phát huy tối đa vai trò phản biện của xã hội trong PCTN. Tham khảo cách thức triển khai điều tra xã hội học, đánh giá chính thức của các tổ chức quốc tế đối với công tác PCTN của Việt Nam.

Thứ tư, cần chú trọng việc xác định tổng thể hiện trạng tình hình tham nhũng và nguyên nhân để thiết kế Chiến lược đảm bảo tính khoa học, có mục tiêu phù hợp với hiện trạng vấn đề, có tính khả thi, hiệu quả, có hệ thống các giải pháp, công cụ đồng bộ, thống nhất, toàn diện, hiệu lực và tạo ra bước đột phá trong việc kiểm soát tình hình tham nhũng. Hiệu quả của Chiến lược đòi hỏi khuôn khổ pháp lý đồng bộ, khả thi không chỉ dựa trên yêu cầu của công tác PCTN, của việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà còn phải đáp ứng yêu cầu của các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia trong đó có Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, các hiệp ước về kinh tế... và tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới.

Thứ năm, việc xây dựng Chiến lược phải gắn với việc tổng kết, đánh giá thực tiễn, đánh giá tác động. Trong từng giai đoạn cụ thể, trên cơ sở các báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá, khuyến nghị của các tổ chức quốc tế, ý kiến phản biện của xã hội. Chính phủ cần giao trách nhiệm cho các cơ quan chức năng tiến hành tổng kết thực tiễn, đánh giá tác động của Chiến lược đối với mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, từ đó có những điều chỉnh phù hợp nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu mà Chiến lược đề ra./.



Thực trạng và giải pháp thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nay

 **Ths. Nguyễn Việt Khánh Hòa**

Trường Đại học Luật Hà Nội



Cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về phòng, chống tham nhũng nói chung và thu hồi tài sản tham nhũng nói riêng. Ảnh minh họa: Internet

Việc phòng, chống tham nhũng nói chung và thu hồi tài sản tham nhũng nói riêng luôn là thách thức của nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Ở nước ta, một trong những minh chứng quan trọng nhất là việc ban hành mới Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, thể hiện thông qua những quy định về mở rộng phạm vi tham nhũng, trách nhiệm của người đứng đầu... tương thích và phù hợp hơn với tình hình tham nhũng ở nước ta cũng như Công ước của Liên hợp

quốc về chống tham nhũng (UNCAC), từng bước nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng.

Thời gian qua, để tăng cường hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, các cơ quan chức năng đã áp dụng nhiều biện pháp như kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản của các đối tượng phạm tội tham nhũng từ giai đoạn điều tra; đồng thời, khuyến khích người phạm tội giao nộp tài sản tham nhũng, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Tuy nhiên, báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng đã thừa nhận tỷ lệ thu hồi tài

sản tham nhũng còn thấp hơn nhiều giá trị tài sản bị chiếm đoạt, gây thiệt hại. Việc thu hồi tài sản khi thi hành án đạt còn ít, trong 37 vụ án thuộc diện theo dõi của Ban Chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng, đến hết tháng 6.2019, mới thi hành xong 9.454 tỉ đồng trong tổng số 68.856 tỉ đồng, chỉ đạt tỷ lệ 13,73%⁽¹⁾. Công tác thu hồi tài sản tham nhũng trong thời gian qua còn nhiều hạn chế về cả thể chế cũng như tổ chức thực hiện nên kết quả chưa cao, làm thất thoát tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, gây bức xúc trong dư luận. Theo báo cáo của Thanh tra Chính phủ, qua 10 năm thực hiện



Luật Phòng chống tham nhũng, số tài sản thất thoát mà Nhà nước thu hồi được khoảng 4.600 tỷ đồng/59.000 tỷ đồng, đạt 8% trên tổng số tài sản bị tham nhũng⁽²⁾. Theo Báo cáo về công tác thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế 6 tháng năm 2020 của Bộ Tư pháp cho biết, tổng số vụ việc về kinh tế, tham nhũng nói chung tính từ 01/10/2019 đến 31/3/2020 đã thi hành xong 1.679 việc với số tiền 7.746 tỷ 112 triệu đồng. Các vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo, tính đến hết ngày 31/3/2020, các cơ quan thi hành án dân sự địa phương đã tổ chức thi hành xong 15 vụ việc với số tiền 16.996 tỷ 924 triệu đồng; trong đó số tiền án phí, tiền phạt, truy nộp sung công quỹ Nhà nước hơn 2.576 tỷ 679 triệu đồng; số tiền bồi thường cho các tổ chức, doanh nghiệp nhà nước hơn 13.449 tỷ 311 triệu đồng. Một số vụ việc, tài sản đã được tòa án kê biên để đảm bảo thi hành án nhưng chấp hành viên chưa kịp thời xử lý; số tài sản được cơ quan thi hành án dân sự xác minh, truy tìm được ít... Như vậy, có thể thấy công tác thu hồi tài sản tham nhũng ở nước ta còn chưa thực sự hiệu quả, chưa đạt yêu cầu, xuất phát từ nhiều lý do như:

Một là, quy định của pháp luật Việt Nam về thu hồi tài sản tham nhũng chưa hoàn thiện, chưa phù hợp với pháp luật quốc tế. Hệ thống pháp luật hiện hành còn mang tính nguyên tắc, thiếu các quy định chi tiết, cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm, trình tự, thủ tục thu hồi tài sản tham nhũng như pháp luật về tố tụng hình sự, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, phá sản và thẩm định giá, bán đấu giá còn khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng; một số quy định còn có mâu thuẫn, chồng chéo với Luật Thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành; việc thu hồi tài sản tham nhũng do nhiều chủ thể thực hiện (kiểm toán nhà nước; cơ quan thanh tra; các cơ quan tiến hành tố tụng; cơ quan thi hành án dân sự...) nên còn gặp khó khăn trong công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan. Chưa có cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập của toàn xã hội; quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Bộ luật Hình sự chưa tạo ra cơ chế thu hồi tài

sản tham nhũng hiệu quả; quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng chưa phù hợp, chưa tương thích với quy định về thu hồi tài sản tham nhũng của UNCAC; trình tự, thủ tục thi hành án dân sự, giám định thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra còn kéo dài, chưa phù hợp. Việc thu hồi tài sản chủ yếu thông qua việc kết án hình sự.

Hai là, các lực lượng có chức năng đấu tranh chống tham nhũng chưa thực sự quyết liệt trong việc thu hồi tài sản tham nhũng, chưa làm hết trách nhiệm, còn nể nang, né tránh, ngại va chạm. Các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng thường tập trung vào việc chứng minh hành vi vi phạm nhưng lại chưa quan tâm đến việc kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản. Không ít trường hợp, tài sản đã bị tẩu tán trước khi bản án có hiệu lực pháp luật. Khi nhận được bản án thì cơ quan thi hành án không thể thực hiện được vì không còn tài sản để thi hành án. Nhiều vụ tham nhũng, cơ quan điều tra chưa thực hiện hết yêu cầu của viện kiểm sát khi trả hồ sơ. Viện kiểm sát phải trả yêu cầu điều tra bổ sung nhiều lần làm cho vụ án kéo dài. Việc thực hiện giám định trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng... thường rất chậm, kéo dài, không đáp ứng yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng về thời gian nên ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Mặt khác, chủ thể tham nhũng hay người phải thi hành án là người có chức vụ, quyền hạn, có trình độ, kinh nghiệm, có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đối phó ngay từ đầu khi thực hiện hành vi phạm tội. Họ chủ động xóa dấu vết, tiêu hủy giấy tờ, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội, lợi dụng sơ hở của quy định pháp luật và hoạt động tố tụng để tẩu tán, che giấu, cất giấu tài sản ở nước ngoài hoặc chuyển nhượng, sang tên, tặng cho người khác nhằm trốn tránh nghĩa vụ phải thi hành án...

UNCAC đã quy định hệ thống những cách thức khác nhau để thu hồi tài sản thông qua các biện pháp phòng ngừa, phát hiện tài sản tham nhũng như xác minh danh tính chủ sở hữu hưởng lợi với các tài sản có giá trị lớn, giám sát tài sản của đối tượng là người có chức vụ, quyền hạn, áp dụng nguyên tắc công khai, minh bạch... các biện pháp thu hồi tài sản trực tiếp như cho phép

các quốc gia khác khởi kiện vụ án dân sự tại tòa án để xác định quyền tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại... Nghiên cứu cho thấy, các quốc gia trên thế giới thường sử dụng một trong bốn phương thức cơ bản để thu hồi tài sản⁽³⁾, đó là: (i) Truy tố và tịch thu tài sản dựa trên bản án hình sự; (ii) Tịch thu không dựa trên bản án hình sự (NCB: non-conviction-based); (iii) Tịch thu tài sản thông qua quyết định hành chính và (iv) Kiện vụ án dân sự để thu hồi tài sản. Cụ thể:

- Trường hợp thu hồi tài sản trên bản án hình sự được áp dụng sau khi có phán quyết của tòa án đối với bị cáo phạm tội. Đây là phương thức được áp dụng phổ biến ở nhiều quốc gia để thực hiện thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng, trong đó có Việt Nam. Nếu tài sản do phạm tội mà có đã được tẩu tán sang quốc gia khác, phương thức thu hồi tài sản dựa trên truy tố hình sự sẽ được thực hiện thông qua cơ chế hợp tác quốc tế giữa các quốc gia.

- Tịch thu không dựa trên bản án hình sự (NCB) hay gọi là “thu hồi dân sự”. Trong khi thu hồi hình sự là thủ tục pháp lý đối với cá nhân thì thu hồi dân sự là một thủ tục pháp lý đối với tài sản, nghĩa là hành động hướng tới chính tài sản do phạm tội mà có. Ưu điểm của biện pháp này là không chỉ giúp tăng cường hiệu quả của công tác chống tham nhũng và rửa tiền mà còn hỗ trợ các quốc gia yêu cầu đã quyết định chuyển giao vụ án cho quốc gia được yêu cầu. Điển hình như trong Bộ luật Tố tụng Hình sự của Cộng hòa Pháp (Điều 321 - 6) quy định rõ 3 căn cứ để thu hồi tài sản không dựa trên kết án: Một là, đương sự sở hữu tài sản, có lối sống không tương xứng với thu nhập hợp pháp; hai là, đương sự không giải trình được nguồn gốc của tài sản; ba là, đương sự có mối quan hệ thường xuyên với người được cho là liên quan đến hành vi phạm tội⁽⁴⁾. Đa số những quốc gia trên thế giới thành công trong công tác phòng, chống tham nhũng đang có xu hướng áp dụng phương thức này như: Hoa Kỳ, Anh, New Zealand, Úc, Thụy Sĩ, Đức...

- Thu hồi tài sản thông qua phán quyết hành chính: Các quốc gia có thể sử dụng đa dạng các biện pháp bồi thường mang tính chất hành chính, gồm thu hồi thông qua quyết định hành chính không cần phán quyết



tư pháp, phong tỏa tài sản theo lệnh của cơ quan lập pháp hoặc cơ quan hành pháp, hoặc thi hành quyết định hành chính tại tòa án bởi việc ban hành các quyết định thu hồi tài sản sau đó. Ví dụ tại Liên bang Đức áp dụng hiệu quả pháp luật hành chính để thi hành các luật về chống hối lộ và thu hồi tài sản. Trong vụ án Siemens Telecom, các khoản phạt tiền hành chính được đưa ra để trừng phạt Công ty Siemens tại Đức bởi hành vi đưa hối lộ tại nhiều quốc gia nhằm giành được các hợp đồng⁽⁵⁾.

Ngoài ra, có thể áp dụng đánh thuế thu nhập vào tài sản không giải trình được nguồn gốc hợp pháp mà mình đang sở hữu. Khi đó, tài sản không giải trình được nguồn gốc đương nhiên được coi là có được từ việc nhận hối lộ, biển thủ công quỹ hay đánh cắp và phải chịu thuế thu nhập đối với những thu nhập đó.

Thu hồi tài sản tham nhũng là một quá trình phức tạp gồm nhiều giai đoạn và liên quan đến nhiều cơ quan khác nhau, có sự gắn kết mật thiết với lĩnh vực dân sự, hình sự, hành chính, hợp tác quốc tế... Vì vậy, để giải quyết được những tồn tại trên cần chú trọng đến một số giải pháp cụ thể sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục củng cố và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng cũng như công tác thu hồi tài sản tham nhũng, sự phối hợp công tác kiểm tra của Đảng với các cơ quan bảo vệ pháp luật và các cơ quan khác trong việc thu hồi tài sản tham nhũng, nhận thức rõ thu hồi tài sản là cấp thiết để khắc phục hậu quả, thiệt hại do tham nhũng gây ra. Xây dựng, bổ sung hoàn thiện quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra (UBKT) trong việc phát hiện, thu hồi tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Tiếp tục thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 10-8-2015 của Ban Bí thư về thực hiện thu hồi, xử lý, quản lý, sử dụng tiền vi phạm qua kiểm tra của cấp ủy, UBKT các cấp và Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 7-12-2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng, UBKT Trung ương chủ trì nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền quy định cụ thể hơn về nhiệm vụ, quyền hạn,

trách nhiệm của UBKT các cấp trong phòng, chống tham nhũng; trong đó có quyền yêu cầu phong tỏa tài sản, thu hồi tài sản tham nhũng, quyền cấm xuất cảnh hoặc tạm dừng công tác đối với đảng viên có vi phạm nghiêm trọng về tham nhũng, tạo cơ sở, nền tảng cho hoạt động chống tham nhũng của UBKT các cấp và quy định về xử lý tiền và tài sản vi phạm thu được qua công tác kiểm tra của Đảng... Bảo đảm việc thực thi các nghị quyết của Đảng và một số văn bản liên quan khác với mục đích tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng của cán bộ trong các tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội. Gắn công tác phòng, chống tham nhũng với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng theo tinh thần Văn kiện Đại hội Đảng XIII về việc nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng.

Thứ hai, cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về phòng, chống tham nhũng nói chung và thu hồi tài sản tham nhũng nói riêng. Bổ sung các quy định trong lĩnh vực chuyên ngành: Bộ luật Hình sự; Bộ luật Dân sự... Ban hành mới Luật Tiếp cận thông tin; Luật Bảo vệ nhân chứng; Luật Chống rửa tiền; Luật Đăng ký tài sản... tạo cơ chế pháp lý quan trọng để “không thể tham nhũng”, “không dám tham nhũng”, “không muốn tham nhũng” và “không cần tham nhũng”. Cần nghiên cứu ban hành quy định về kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn. Sửa đổi Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản liên quan khác để thực hiện việc công khai kết quả kê khai tài sản, thu nhập ở nơi công tác và nơi cư trú. Bên cạnh đó, việc kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn cần phối hợp nhiều biện pháp, tạo một cơ chế đồng bộ và có sự kết nối giữa các phương thức hiện nay như: Kê khai tài sản, thu nhập, quy định về nộp thuế

thu nhập cá nhân, về thanh toán không dùng tiền mặt và về việc nhận quà tặng và nộp lại quà tặng; từng bước xem xét ứng dụng khoa học, công nghệ để kiểm soát thu nhập, tài sản của người có chức vụ, quyền hạn; về “tài sản không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp”. Tiếp tục hoàn thiện quy định về tặng quà và nhận quà đối với cán bộ, đảng viên; ban hành hướng dẫn qui định cho phép cơ quan tiến hành tố tụng hình sự áp dụng biện pháp kê biên, phong tỏa tài sản ở giai đoạn giải quyết nguồn tin nếu thấy cần thiết, để tránh việc tẩu tán tài sản; nghiên cứu bổ sung các quy định về thời điểm các biện pháp phong tỏa, kê biên tài sản tránh trường hợp tẩu tán tài sản trước khi khởi tố vụ án; xem xét vấn đề thời điểm và thời hạn phải thực hiện giám định trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng... Kiểm soát chặt chẽ hoạt động thẩm định giá trị tài sản khi cho vay của các tổ chức tín dụng tránh một số trường hợp giá trị tài sản được thẩm định cao hơn giá trị thực tế của tài sản rất nhiều lần, dẫn tới xử lý vụ án, công tác thu hồi tài sản không thực hiện được; kiểm soát công tác bán đấu giá tài sản tránh thất thoát, lãng phí; cần quan tâm đến các phương thức thu hồi tài sản không thông qua phán quyết của tòa án để đẩy mạnh hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng cũng như tránh tẩu tán, thất thoát...

Thứ ba, tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, Nhân dân, cơ quan truyền thông và báo chí, doanh nghiệp, doanh nhân trong công tác phòng, chống tham nhũng. Phải quán triệt sâu sắc tư tưởng “dân là gốc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dựa vào dân, lắng nghe dân, lắng nghe dư luận để chọn lọc tiếp thu cái đúng, nhưng không chạy theo dư luận. Xây dựng cơ chế giám sát của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc phát hiện tài sản do tham nhũng mà có.

Thứ tư, tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về thu hồi tài sản tham nhũng. Nâng cao và phát huy vai trò tích cực của báo chí, truyền thông, kiểm soát, quản lý tốt các hoạt động báo chí, xuất bản, internet và mạng xã hội.



Các cơ quan báo chí, truyền thông cần tích cực phê phán hiện tượng tham nhũng; thông tin về những hiện tượng, biểu hiện có dấu hiệu tham nhũng; thông tin kịp thời, chính xác những vụ, việc tham nhũng đang được điều tra, xử lý... góp phần tạo dư luận xã hội đúng đắn. Đặc biệt cần phản ánh trung thực, kịp thời, góp phần đưa chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống, phản ánh đúng đắn những mặt tiêu cực trong xã hội, những biểu hiện suy thoái của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức cũng như nêu gương các cán bộ, đảng viên, thực hiện nghiêm túc Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Bên cạnh đó, báo chí, truyền thông cần làm tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội; đi sâu tìm tòi, phản ánh công tác hoàn thiện thể chế về quản lý kinh tế - xã hội để phòng, chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí; mở rộng dân chủ, công khai, minh bạch.

Thứ năm, tiếp tục nâng cao cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng, đào tạo nhân lực trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng bản lĩnh, đạo đức công vụ, trình độ nghiệp vụ, phương pháp, kỹ năng công tác của cán bộ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan tư pháp. Có chế độ, chính sách đãi ngộ hợp lý đối với đội ngũ cán bộ này để họ thực sự trong sạch. Cần thiết cho áp dụng một số biện pháp điều tra đặc biệt để nhanh chóng phá án tham nhũng và theo dõi, thu hồi kịp thời, với mức cao nhất tài sản bị tham nhũng. Bảo đảm nguồn lực, phương tiện, điều kiện để các cơ quan này hoạt động chống tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng có hiệu lực, hiệu quả. Nghiên cứu thực hiện thí điểm mô hình cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm đầu mối chính trong việc thu hồi, xử lý tài sản tham nhũng, có nguồn gốc từ tham nhũng. Tiếp tục quan tâm kiện toàn, củng cố đội ngũ cán bộ cơ quan thi hành án dân sự; nâng cao nhận thức, trách nhiệm, phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ này. Quan tâm chỉ đạo hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, trực tiếp là các ngành: Tài chính, Xây dựng, Tài Nguyên

và Môi trường, Tư pháp và các ngành có liên quan, nâng cao trách nhiệm và khẩn trương thực hiện, kết luận, định giá tài sản theo trưng cầu, yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng; phối hợp với các cơ quan thi hành án dân sự để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thu hồi tài sản⁽⁶⁾. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán tại các khu vực xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tham nhũng cao. Đối với các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp, cấp ủy cần chủ động yêu cầu các cơ quan liên quan báo cáo để cho chủ trương xử lý, bảo đảm khẩn trương, đúng quy định của pháp luật.

Thứ sáu, tăng cường hợp tác quốc tế và tiếp tục thực thi các điều ước quốc tế về phòng, chống tham nhũng liên quan đến hỗ trợ tư pháp, dẫn độ tội phạm, chống rửa tiền và thu hồi tài sản bị tham nhũng. Nâng cao hiệu quả hợp tác, đối thoại, trao đổi kinh nghiệm về luật pháp, cơ chế, chính sách, phương thức, hình thức, biện pháp đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thu hồi tài sản với các quốc gia, tổ chức quốc tế để từng bước hoàn thiện cơ chế, pháp luật, các chủ trương, biện pháp và thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng⁽⁷⁾. Tăng cường hợp tác quốc tế để thu hồi tài sản tham nhũng trong tố tụng hình sự; tiếp nhận, xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự của nước ngoài về thu hồi tài sản tham nhũng và đề nghị nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự về thu hồi tài sản tham nhũng của Việt Nam.

Phòng, chống tham nhũng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn dân ta. Mặc dù trong những năm gần đây, công tác thu hồi tài sản tham nhũng đã được nâng cao hiệu quả. Tuy nhiên, trước những thử thách của thời đại mới, để đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng nói chung cũng như công tác thu hồi tài sản tham nhũng nói riêng, cần thiết phải áp dụng đồng bộ các giải pháp trên nhiều phương diện và lĩnh vực khác nhau với sự kiên định về đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Chú thích:

(1) Lê Hiệp, *Thu hồi tài sản tham nhũng thấp hơn nhiều tài sản bị chiếm đoạt*, <https://thanhnien.vn/thoi-su/thu-hoi-tai-san-tham-nhung-thap-hon-nhieu-tai-san-bi-chiem-doat-1122225.html>, truy cập ngày 15/4/2021.

san-bi-chiem-doat-1122225.html, truy cập ngày 15/4/2021.

(2) Văn phòng Quốc hội (2018), *Bảng ghi âm nội dung thảo luận ở Hội trường về dự án Luật Phòng, chống tham nhũng (sửa đổi)*, Hà Nội, ngày 13/6/2018.

(3); (5) Nguyễn Ngọc Hà, *Các phương pháp thu hồi tài sản tham nhũng*, <https://luatminhkhue.vn/cac-phuong-phap-thu-hoi-tai-san-tham-nhung.aspx>, truy cập ngày 15/4/2021.

(4) Vũ Văn Giang, Lê Đức Sơn, *"Kinh nghiệm của một số nước về thu hồi tài sản tham nhũng"*, *Tạp chí Kiểm sát*, số 23/2020, tr.55;

(6) Lan Anh, *Đề nâng cao tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng*, <http://thanhtvietnam.vn/tin-trong-nganh/de-nang-cao-ty-le-thu-hoi-tai-san-tham-nhung-194827>, truy cập ngày 15/4/2021.

(7) Cổng thông tin điện tử Tỉnh ủy Khánh Hòa, *Bài viết theo Tạp chí Cộng sản, Thu hồi tài sản tham nhũng - Vấn đề và giải pháp*, <http://tinhuynhkhannhoa.vn/tin-chi-tiet/id/873/-Thu-hoi-tai-san-tham-nhung-%E2%80%93Van-de-va-giai-phap>, truy cập ngày 15/4/2021.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội XIII, Tập 2, tr.76, 94.
2. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, 2018.
3. Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998.
4. Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng, UNCAC.
5. Cổng thông tin điện tử Tỉnh ủy Khánh Hòa, *Bài viết theo Tạp chí Cộng sản, Thu hồi tài sản tham nhũng - Vấn đề và giải pháp*, <http://tinhuynhkhannhoa.vn/tin-chi-tiet/id/873/-Thu-hoi-tai-san-tham-nhung-%E2%80%93Van-de-va-giai-phap>, truy cập ngày 15/4/2021.
6. Lan Anh, *Đề nâng cao tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng*, <http://thanhtvietnam.vn/tin-trong-nganh/de-nang-cao-ty-le-thu-hoi-tai-san-tham-nhung-194827>, truy cập ngày 15/4/2021.
7. Lê Hiệp, *Thu hồi tài sản tham nhũng thấp hơn nhiều tài sản bị chiếm đoạt*, <https://thanhnien.vn/thoi-su/thu-hoi-tai-san-tham-nhung-thap-hon-nhieu-tai-san-bi-chiem-doat-1122225.html>, truy cập ngày 15/4/2021.
8. Lê Tiến, *"Kinh nghiệm quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có"*, *Tạp chí Kiểm sát*, số 20/2019, tr.21.
9. Vũ Văn Giang, Lê Đức Sơn, *"Kinh nghiệm của một số nước về thu hồi tài sản tham nhũng"*, *Tạp chí Kiểm sát*, số 23/2020, tr.55.
10. Stolen Asset Recovery (StAR) Initiative: *Challenger, Opportunities and Action Plan*, https://www.unodc.org/pdf/Star_Report.pdf, truy cập ngày 10/4/2021.
11. Thu Hương, *Công tác thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ tham nhũng, kinh tế đạt kết quả tích cực*, <https://noichinh.vn/cong-tac-phong-chong-tham-nhung/202006/cong-tac-thu-hoi-tai-san-bi-chiem-doat-that-thoat-trong-cac-vu-tham-nhung-kinh-te-dat-ke-t-qua-tich-cuc-308100/>, truy cập ngày 15/4/2021.
12. Văn phòng Quốc hội (2018), *Bảng ghi âm nội dung thảo luận ở Hội trường về dự án Luật Phòng, chống tham nhũng (sửa đổi)*, Hà Nội, ngày 13/6/2018.



Hoàn thiện cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong khu vực tư tại Việt Nam hiện nay

 **Luật gia - Ths. Lê Quang Kiệt**



Cần hoàn thiện thể chế, cơ chế để kiểm soát nội bộ. Ảnh minh họa: Internet

Theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (Luật PCTN) quy định “doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác ban hành, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa xung đột lợi ích, ngăn chặn hành vi tham nhũng

và xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng”. Đây có thể xem là cơ sở pháp lý quan trọng để doanh nghiệp trong khu vực tư hoàn thiện cơ chế kiểm soát nội bộ góp phần PCTN có hiệu quả trong khu vực tư.

Trong khuôn khổ bài viết này tác giả sẽ tập trung nghiên cứu giải pháp hoàn

thiện cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong khu vực tư tại Việt Nam hiện nay.

1. Thực trạng cơ chế kiểm soát nội bộ trong khu vực tư tại Việt Nam

Luật PCTN đã mở rộng phạm vi điều chỉnh ra khu vực ngoài nhà nước (hay còn gọi là khu vực tư), trong đó có đến 10 điều



luật quy định về PCTN trong khu vực tư, gồm cả các quy định mang tính chất khuyến nghị cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, tổ chức tư và các quy định mang tính chất bắt buộc cho một số loại hình doanh nghiệp và tổ chức ngoài nhà nước.

Có thể nói đây là sự điều chỉnh rất kịp thời trong bối cảnh tham nhũng trong khu vực tư, đặc biệt là trong kinh doanh đang ngày càng phát triển và có nguy cơ gây ra hệ lụy nghiêm trọng đối với sự ổn định, phát triển kinh tế - xã hội, một yêu cầu tất yếu đặt ra đó là PCTN phải tiến hành đồng bộ, song song với công tác PCTN trong khu vực công và khu vực tư. Trong vấn nạn tham nhũng, doanh nghiệp được nhìn nhận dưới góc độ vừa là “nạn nhân” và vừa là “tác nhân” của tình trạng này. Khu vực công và khu vực tư được nhiều chuyên gia nhìn nhận như “bình thông nhau” vì có mối quan hệ tác động qua lại, khu vực tư đôi khi là nơi ẩn giấu, là sân sau của hành vi tham nhũng trong khu vực công. Thậm chí, “trong một số trường hợp, khu vực tư chính là nơi “trú ẩn”, rửa tiền, “sân sau” của những quan chức có hành vi tham nhũng trong khu vực công”⁽¹⁾.

Dưới góc độ kinh tế, tham nhũng trong khu vực tư sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế, làm tăng chi phí và giảm đáng kể lợi nhuận của doanh nghiệp, làm hình thành những thói quen kinh doanh thiếu lành mạnh, làm méo mó bản chất các quan hệ kinh tế. Trong những năm gần đây, nhiều vụ việc liên quan tới tham nhũng, gian lận nghiêm trọng ở Việt Nam (đa số liên quan đến kinh tế và thuộc khu vực tư) đã được phát hiện, điển hình như vụ án Hà Văn Thắm (cựu Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đại Dương- OceanBank) và đồng phạm đã gây thiệt hại cho OceanBank số tiền hơn 100 tỉ đồng. Vụ án Châu Thị Thu Nga và đồng phạm phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng nhà đất - Housing Group, với số tiền lừa đảo chiếm

đoạt 348 tỉ đồng của khoảng 700 khách hàng. Vụ án Phạm Công Danh và đồng phạm phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” xảy ra tại Ngân hàng Xây dựng (VNCB), khiến VNCB thiệt hại hơn 6.100 tỉ đồng.

Gần đây là các vụ án như: Vụ án “Tham ô tài sản, vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” xảy ra tại Công ty TNHH MTV Phát triển công nghiệp Tân Thuận (IPC), Công ty Phát triển Nam Sài Gòn (SADECO) và các đơn vị liên quan; vụ án “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” xảy ra tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và xây dựng Tân Thuận; vụ án “Đưa hối lộ”; “Môi giới hối lộ”; “Nhận hối lộ” liên quan đến Phan Văn Anh Vũ,... điều này đã cho thấy những mặt hạn chế trong công tác quản lý nói chung, cũng như trong công tác PCTN, tăng cường liêm chính trong kinh doanh nói riêng.

Qua nghiên cứu nội dung các vụ án nêu trên thể hiện rất rõ sự yếu kém trong quản trị công ty, đặc biệt là trong hoạt động kiểm soát nội bộ chưa phát huy hiệu quả việc ngăn ngừa, phát hiện và xử lý gian lận, sai sót. Đa số các vụ án nêu trên đều xuất phát từ nguyên nhân đó là cơ chế kiểm soát nội bộ chỉ mang tính hình thức, chưa thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu cao về tính độc lập mà thực tế lại phụ thuộc rất lớn vào hội đồng quản trị và ban điều hành.

Bên cạnh đó, qua khảo sát của Nhóm chuyên gia Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) thể hiện: “Tại các công ty có quy mô lớn, vai trò của ban kiểm soát hoạt động còn khá hình thức, chưa thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu cao về tính độc lập mà thực tế lại phụ thuộc rất lớn vào hội đồng quản trị và ban điều hành. Các báo cáo vi phạm trong quản trị doanh nghiệp vừa qua đã phần nào khẳng định hầu hết các vụ việc xảy ra là hậu quả

của năng lực kiểm soát nội bộ yếu kém, thiếu minh bạch. Tại các công ty nhỏ và vừa, do thiếu nguồn lực tài chính và nhận thức còn hạn chế nên hầu hết doanh nghiệp còn thờ ơ, chưa chú trọng thiết lập bộ phận kiểm soát nội bộ/bộ phận kiểm soát rủi ro hoặc không có điều kiện tuyển dụng, trả lương nhân sự chuyên trách bộ phận tuân thủ pháp lý vào làm việc trong doanh nghiệp. Hoạt động kiểm soát nội bộ và việc tuân thủ bộ quy tắc ứng xử trong doanh nghiệp là một trong những mắt xích quan trọng nhất trong chuỗi các mắt xích của quản trị doanh nghiệp và là công cụ hữu hiệu giúp giảm thiểu rủi ro, phát hiện gian lận và đảm bảo sự tuân thủ các quy định”⁽²⁾.

Hiện nay chưa có khái niệm hoàn chỉnh thế nào là “kiểm soát nội bộ”, tuy nhiên hoạt động kiểm soát nội bộ có đề cập tại một số văn bản pháp luật⁽³⁾. Do vậy, kiểm soát nội bộ tại khu vực tư có thể được hiểu là *việc xây dựng, thực thi các cơ chế, chính sách, các quy định nội bộ tại khu vực tư nhằm tuân thủ các quy định của pháp luật để đảm bảo hiệu lực và hiệu quả của các hoạt động*.

Cơ chế kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong quản lý doanh nghiệp, đặc biệt trong việc ra quyết định của nhà quản lý. Thực tế, mục đích của việc xây dựng cơ chế kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp để giảm thiểu và ngăn ngừa những rủi ro có thể xảy ra cho doanh nghiệp. Việc ban hành và thực hiện cơ chế kiểm soát nội bộ trong mỗi doanh nghiệp là một nhu cầu tất yếu nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu mà doanh nghiệp đặt ra để phát triển và tích hợp việc quản lý rủi ro cũng như ngăn ngừa tham nhũng trong hoạt động của mọi doanh nghiệp.

Cơ chế kiểm soát nội bộ cần phải đủ mạnh nhằm đảm bảo ngăn ngừa, phát hiện, xử lý gian lận có nguy cơ xảy ra, đảm bảo các hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ các quy định hiện hành, đảm bảo tính



hiệu lực, hiệu quả. Bản thân doanh nghiệp có nhiều cơ chế riêng được thiết lập với mục đích PCTN trong tổ chức và hoạt động của chính họ. Có thể kể đến một số thiết chế đó là: Ban kiểm soát tại các công ty cổ phần và một số công ty trách nhiệm hữu hạn lớn; cơ chế để tự kiểm soát người lao động thông qua công cụ kế toán, kiểm toán, kiểm tra nội bộ; kiểm toán độc lập...

Từ kết quả khảo sát của Nhóm chuyên gia UNDP⁽⁴⁾ thể hiện: Các tổ chức, doanh nghiệp nhận thức tương đối tốt việc xây dựng các quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát trong doanh nghiệp. Cụ thể: Có 42% đã xây dựng quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát; 26% đang xây dựng và có 32% không xây dựng. Số đã xây dựng quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát đa phần là công ty cổ phần (45% số công ty cổ phần, 8% so với số các tổ chức, đơn vị được khảo sát), công ty hợp danh (50% số công ty hợp danh, 8% so với số các tổ chức, đơn vị được khảo sát), tổ chức khác ngoài nhà nước (45% số tổ chức ngoài nhà nước và 8% so với số các tổ chức, đơn vị được khảo sát) và chỉ có 9% số công ty trách nhiệm hữu hạn (2% so với số các cơ quan, tổ chức được khảo sát) 22% cơ quan nhà nước (4% so với số các cơ quan, tổ chức được khảo sát) đã xây dựng cơ chế kiểm soát. Qua đó, cho thấy các tổ chức ngoài nhà nước, công ty cổ phần và các công ty hợp danh có ý thức hơn trong việc xây dựng cơ chế kiểm soát do đặc điểm ngành nghề hoạt động của họ. Các công ty cổ phần có quy mô lớn thường có cán bộ pháp luật, hành chính chuyên trách nên thường xây dựng các hệ quy tắc này để thuận lợi cho việc quản lý nhân sự và quản trị hoạt động. Các công ty hợp danh ngành nghề chủ yếu là các dịch vụ tư vấn gắn liền với năng lực, phẩm chất đạo đức cá nhân của thành viên công ty hợp danh và các thành viên công ty hợp danh thường hoạt động độc lập, nên quy tắc ứng xử hay vấn đề kiểm soát nội bộ sớm được đặt ra. Các tổ chức xã hội ngoài nhà nước thường là các tổ chức tự nguyện, hoạt động

dựa trên đóng góp, số lượng thành viên tham gia đóng góp lớn nên cũng sớm ý thức về việc kiểm soát tài chính nội bộ.

Tuy nhiên, khu vực doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ và nhỏ có số lượng doanh nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất Việt Nam (tại thời điểm 31/12/2018 có 382.444 doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, chiếm 62,6% số doanh nghiệp cả nước)⁽⁵⁾ và nếu tính thêm số doanh nghiệp vừa nữa thì con số này chiếm 93% số lượng doanh nghiệp trong toàn quốc, trong đó, nhóm doanh nghiệp này chưa thật sự có ý thức cao về vấn đề xây dựng cơ chế kiểm soát nội bộ, vì đối tượng này thường chỉ tập trung vào mục đích kinh doanh, không được trang bị đầy đủ kiến thức pháp luật, không có cán bộ pháp luật chuyên trách và cũng là đối tượng dễ bị tổn thương nhất nếu tham nhũng lan tràn trong bộ máy công quyền. Do vậy, việc hoàn thiện cơ chế kiểm soát nội bộ có một vai trò to lớn trong việc ngăn chặn hành vi tham nhũng trong khu vực tư nói riêng và đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong chiến lược phòng, chống tham nhũng dài hạn của Việt Nam thời gian tới.

2. Giải pháp hoàn thiện cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong khu vực tư tại Việt Nam hiện nay

Để ngăn chặn hành vi tham nhũng trong khu vực tư tại Việt Nam hiện nay, theo tác giả, các doanh nghiệp, tổ chức trong khu vực tư nên có giải pháp hoàn thiện cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế rủi ro và phòng ngừa tham nhũng tại doanh nghiệp, tổ chức của mình. Đồng thời, cần phải tăng cường nhận thức và hiểu biết của doanh nghiệp, tổ chức trong khu vực tư đối với kiểm soát nội bộ các hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể đó là:

Nhóm giải pháp thứ nhất, đối với các doanh nghiệp, tổ chức trong khu vực tư

Một là, phải hoàn thiện thể chế, cơ chế để kiểm soát nội bộ. Xây dựng và

truyền đạt bộ quy tắc ứng xử, giá trị đạo đức, văn hoá, đồng thời luôn giám sát, đánh giá và quản lý việc thực hiện các hành vi đạo đức của mọi cá nhân, nhằm xây dựng và hoàn thiện đạo đức, văn hóa của đơn vị; xây dựng văn hóa chống gian lận, tăng nhận thức về tác hại của hành vi sai trái...; tuyên dương, khuyến khích, hay trao phần thưởng đối với người lao động phát hiện gian lận nhằm khích lệ họ.

Cần phải quy định rõ ràng công việc của các vị trí trong doanh nghiệp, tổ chức. Thiết kế các thủ tục kiểm soát để khắc phục kịp thời những sự kiện không mong muốn xảy ra. Người thực hiện kiểm soát các nghiệp vụ phải độc lập với quy trình hoạt động để đảm bảo tính độc lập. Tránh tình trạng tập trung quyền lực vào một số cá nhân, điều này sẽ gia tăng nguy cơ gian lận ở các cấp quản lý.

Hai là, cần duy trì kiểm tra việc tuân thủ chính sách của doanh nghiệp và cơ chế kiểm soát nội bộ thật nghiêm túc. Các cấp quản lý trong các doanh nghiệp, tổ chức trong khu vực tư cần thường xuyên rà soát các kiểm soát đã được thực hiện để quản lý rủi ro và tính hiệu lực của các kiểm soát, bao gồm việc thực hiện các biện pháp sửa chữa cần thiết và báo cáo các gian lận đã xảy ra.

Tăng cường chức năng giám sát bằng việc thiết lập bộ phận kiểm soát nội bộ nhưng bộ phận này phải đảm bảo tính độc lập nhất định, các nhân viên kiểm soát nội bộ cần phải được đào tạo đúng chuyên ngành và phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức... Bên cạnh đó, người đứng đầu của doanh nghiệp, tổ chức trong khu vực tư phải đặc biệt chú ý đến việc ngăn ngừa gian lận nhằm làm giảm bớt các cơ hội thực hiện hành vi gian lận và phát hiện gian lận qua đó thuyết phục các cá nhân không thực hiện hành vi gian lận vì khả năng bị phát hiện và xử phạt. Trách nhiệm này bao gồm việc cam kết tạo ra văn hóa trung thực và



hành vi có đạo đức mà có thể được tăng cường bằng hoạt động giám sát tích cực. Trong khi thực hiện trách nhiệm giám sát của mình, ban kiểm soát của doanh nghiệp, tổ chức trong khu vực tư phải xem xét khả năng xảy ra hành vi không chế kiểm soát hoặc hành động gây ảnh hưởng đến hoạt động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Ba là, việc kiểm soát nội bộ phải phải dựa trên bộ quy tắc ứng xử và các thiết chế khác của doanh nghiệp, tổ chức trong khu vực tư, nhưng phải đảm bảo những quy định cần có như: Quy định hành vi cần làm (liêm chính, minh bạch, trách nhiệm, chuyên nghiệp, hiệu quả...) và hành vi không được làm (tham nhũng, hối lộ, lợi ích nhóm, xung đột lợi ích, tiết lộ thông tin bí mật...). Đối với hành vi không được làm là các loại hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật và vi phạm đạo đức, chuẩn mực kinh doanh, chuẩn mực nghề nghiệp và chuẩn mực xã hội. Đồng thời bộ quy tắc cũng đưa ra hình thức xử lý đối với người giữ chức danh, chức vụ quản lý, người lao động trong doanh nghiệp, tổ chức khi vi phạm quy định pháp luật về PCTN, vi phạm điều lệ, quy chế, quy định của doanh nghiệp, tổ chức.

Nhóm giải pháp thứ hai, đối với các cơ quan quản lý nhà nước:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện sửa đổi, bổ sung quy định về các hành vi bị cấm trong pháp luật chuyên ngành bảo đảm thống nhất với Luật PCTN 2018. Cụ thể: Theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 20 của Luật PCTN quy định người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực mà trước đây mình có trách nhiệm quản lý trong thời hạn nhất định theo quy định. Tuy nhiên, trong Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã không có quy định

cấm người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi chức vụ.

Ngoài ra, cần sớm có hướng dẫn chung, thống nhất khái niệm về kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp, tổ chức khu vực tư. Bởi vì, hiện nay chỉ có Thông tư số 06/2020/TT-NHNN ngày 30/6/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có đưa ra khái niệm về “hoạt động kiểm soát nội bộ”. Do đó, cần sớm có khái niệm, hướng dẫn chung, thống nhất về “kiểm soát nội bộ” giữa văn bản pháp luật chuyên ngành và văn bản pháp luật của Nhà nước về PCTN.

Thứ hai, cần có Thông tư về thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực tư để có biện pháp chế tài mạnh mẽ đối với doanh nghiệp, tổ chức không thực hiện đúng quy định pháp luật về PCTN.

Từ thực tiễn và lý thuyết cho thấy việc ban hành Thông tư điều chỉnh về thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước là cần thiết, bởi vì từ chủ thể, nội dung, hình thức, trình tự thủ tục... cho đến thực hiện quy định pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực công có sự khác biệt với các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước, do vậy không thể áp dụng quy định của Thông tư hiện hành của Thanh tra Chính phủ điều chỉnh về thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về PCTN áp dụng trong khu vực công cho khu vực tư.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cần sớm ban hành Nghị định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi tham nhũng trong các doanh nghiệp, tổ chức khu vực tư. Bởi vì, theo báo cáo của Nhóm chuyên gia UNDP cho thấy⁽⁶⁾: Các doanh nghiệp, tổ chức khu vực tư vi phạm quy định về việc không ban

hành và tổ chức thực hiện quy định về quy tắc ứng xử; không lựa chọn các hình thức công khai, minh bạch; không thực hiện công khai, kiểm toán các khoản đóng góp của Nhân dân; không xây dựng và thực hiện các biện pháp kiểm soát xung đột lợi ích... nhưng lại không có chế tài xử phạt vi phạm hành chính cho các hành vi này. Do đó, thiết nghĩ sớm có quy định về xử phạt hành chính đối với hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực tư. Ví dụ như: Phạt tiền hoặc cấm tham gia vào các hoạt động kinh doanh; hoặc có thể thực hiện đăng tải công khai sai phạm của các doanh nghiệp, tổ chức vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ ba, cơ quan quản lý nhà nước các cấp cần chuẩn bị, đầu tư nguồn lực tốt cho lực lượng thanh tra, kiểm tra để thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực tư đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Muốn vậy, công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra phải được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, có kiến thức chuyên môn, thông thạo ngoại ngữ để có thể làm việc được trong môi trường quốc tế.

Chú thích:

(1) Lê Quang Kiệt: *Thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật PCTN trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học - Viện Đại học Mở Hà Nội, 2018, tr.43.

(2); (4); (6) Báo cáo đánh giá quy định pháp luật về PCTN trong khu vực ngoài nhà nước và đề xuất hướng dẫn đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước tại Việt Nam.

(3) Khái niệm về kiểm soát nội bộ nằm ở các quy định như: Luật PCTN, Luật Doanh nghiệp, Luật Kiểm toán Nhà nước, Luật Chứng khoán, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ, Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính; Thông tư 44/2011/TT-NHNN; Thông tư số 16/2011/TT-NHNN ngày 17/8/2011 và Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(5) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2020*, tr.40.



Một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của Bộ Công an

 **Trung tá, Ths. Hoàng Văn Sóng**

Thanh tra Bộ Công an



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Quuyền khiếu nại, tố cáo được Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ghi nhận, là một trong các quyền cơ bản của công dân. Việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo là phương tiện để công dân trực tiếp tham gia vào việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước; kiểm tra, giám

sát hành vi của cán bộ, công chức, nhân viên nhà nước. Khiếu nại, tố cáo cũng là một hình thức đấu tranh có hiệu quả chống lại các hành vi trái pháp luật, nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Làm tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo nói chung và công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp nói riêng có vai trò, vị trí vô

cùng quan trọng. Bởi lẽ: Nó vừa thể hiện bản chất dân chủ của Nhà nước ta, vừa củng cố mối quan hệ, gắn bó máu thịt giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, vừa góp phần củng cố và xây dựng lực lượng Công an nhân dân (CAND) ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Trong những năm vừa qua, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động



tư pháp được Bộ Công an tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới cả về nội dung và phương pháp, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt công tác công an nói chung và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp nói riêng.

Thanh tra Bộ Công an là cơ quan trực thuộc Bộ Công an, có chức năng tham mưu Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an và thủ trưởng công an các cấp trong quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong CAND; đồng thời Thanh tra Bộ Công an là cơ quan thường trực giúp lãnh đạo Bộ Công an thực hiện theo dõi, tổng hợp tình hình công tác tiếp nhận, xử lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp để báo cáo Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao và liên ngành các cơ quan tư pháp Trung ương. Thời gian qua, Thanh tra Bộ Công an đã phối hợp với Văn phòng Cơ quan An ninh điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (cơ quan thi hành án hình sự) của Bộ Công an thực hiện tốt Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phối hợp trong việc báo cáo, thông báo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp trong lực lượng CAND (Thông tư 01).

Từ năm 2019 đến nay, công an các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của pháp luật về công tác tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân. Tại Thanh tra Bộ Công an có trụ sở tiếp công dân của Bộ Công an; tại địa điểm trực ban hình sự của công an các đơn vị, địa phương bố trí cán bộ trực ban 24/24 (bao

gồm cán bộ trực ban chuyên trách hoặc trực ban kiêm nhiệm); địa điểm trực ban, tiếp công dân có biển hiệu rõ ràng, đúng quy định giúp cho công dân thuận lợi trong quá trình liên hệ, mọi công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đều được đón tiếp; đơn thư khiếu nại, tố cáo trong tổ tụng hình sự nói riêng, đơn thư của cá nhân, tổ chức nói chung đều được tiếp nhận, vào sổ đầy đủ. Cán bộ trực ban thực hiện tiếp nhận khiếu nại, tố cáo của người dân theo quy định, hướng dẫn công dân gửi đơn đến những cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nếu vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị. Kết quả các đơn vị chức năng có liên quan của Bộ Công an đã tiếp tổng số: 31.735 lượt công dân, 30.911 người. 29.424 vụ việc; 117 đoàn đông người: Đã tiếp nhận, phân loại, xử lý 9.680 đơn khiếu nại, 1.784 đơn tố cáo. Đã thụ lý, giải quyết tổng số 5.966 khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền. Cơ quan điều tra các cấp đã tiếp nhận 31 đơn khiếu nại, tố cáo do các cơ quan Đảng, Nhà nước và Quốc hội chuyển đến; đã giải quyết đạt tỷ lệ 100%. Đa số các đơn khiếu nại, tố cáo chuyển đến được cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án hình sự các cấp thụ lý, giải quyết. Đối với các đơn đã giải quyết lần đầu đều chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tiếp, có thông báo cho người khiếu nại, tố cáo và báo cáo cho cơ quan chuyển đơn biết theo dõi. Đảm bảo giải quyết đúng thẩm quyền, thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Thông tư liên tịch số 02/TTLT/2018/VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/9/2018 quy định việc phối hợp thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự về khiếu nại, tố cáo (Thông tư 02). Công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của Bộ Công an luôn được cấp ủy, lãnh đạo, thủ trưởng công an các đơn vị, địa phương quan tâm, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp luôn được tiếp nhận, đề xuất, phân loại giải quyết

hoặc chuyển cơ quan chức năng xem xét giải quyết theo thẩm quyền, khẩn trương, kịp thời, đúng quy định.

Công tác tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của lực lượng CAND được Bộ Công an giao cơ quan điều tra phân cấp từ Trung ương đến cơ sở, tại Bộ Công an giao cho Văn phòng Cơ quan An ninh điều tra, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan Thi hành án hình sự của Bộ Công an là đầu mối để thống nhất theo dõi, quản lý, kiểm tra, đôn đốc công an các đơn vị, địa phương thực hiện. Tại công an cấp tỉnh giao cho văn phòng cơ quan cảnh sát điều tra, phòng an ninh điều tra cấp tỉnh, thành phố, trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng; đối với công an cấp quận, huyện, thị xã được giao cho đội điều tra tổng hợp là đầu mối để theo dõi, quản lý, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp. Đơn thư sau khi tiếp nhận được vào sổ theo dõi, tiếp nhận, phân loại và kịp thời chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Tuy nhiên, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp vẫn còn những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, đó là: Công tác tiếp công dân tại công an cấp huyện còn hạn chế, cán bộ tiếp công dân chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa có kỹ năng, trình độ đảm bảo yêu cầu khi tiếp xúc, làm việc trực tiếp với công dân. Tình trạng công dân gửi đơn không đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết, gửi tràn lan nhiều cơ quan, ban ngành, gửi đơn khiếu nại, tố cáo vượt cấp diễn ra còn phổ biến, các cơ quan có thẩm quyền giải quyết chậm tiếp nhận thông tin tố giác, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân. Có những trường hợp do gửi đơn không đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết nên đã quá thời hiệu khiếu nại vì vậy không được cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo quy định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của công dân. Có một số vụ việc, công dân bức xúc kéo đoàn đông người đến trụ sở các cơ



quan nhà nước ở Trung ương và địa phương gây sức ép, đòi hỏi quyền lợi gây phản cảm, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Tại một số trại giam và một số đơn vị, địa phương việc phân loại giữa khiếu nại với tố cáo; giữa khiếu nại, tố cáo với kiến nghị, phản ánh; giữa tố cáo với tố giác còn lúng túng, nhầm lẫn, nhất là đối với đơn có nhiều nội dung. Quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa chú trọng công tác tiếp xúc, đối thoại để nắm bắt được vấn đề, giải thích cho Nhân dân hiểu rõ về các quy định của pháp luật, dẫn đến còn xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo vượt cấp, kéo dài; gửi đơn đến nhiều cấp, nhiều cơ quan chức năng khác nhau. Việc thực hiện quy chế phối hợp thông báo, báo cáo trong giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định ở một số cơ quan, đơn vị còn chưa đi vào nề nếp, chưa thực hiện nghiêm quy định về việc gửi thông báo cho cơ quan đã chuyển đơn đến hoặc không kịp thời thông báo cho viện kiểm sát nhân dân cùng cấp về việc trả lời khiếu nại.

Trường hợp khiếu nại hành vi tố tụng của phó thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra cấp huyện nhưng tại thời điểm khiếu nại đang khuyết vị trí thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra cấp huyện, dẫn đến khó khăn trong xác định thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Một số trường hợp người đến khiếu nại, tố cáo do nhận thức pháp luật hạn chế hoặc kết quả giải quyết không theo mong muốn nên tiếp tục gửi đơn đến nhiều cơ quan khác dẫn đến việc khiếu nại, tố cáo kéo dài, vượt thẩm quyền còn diễn ra. Có trường hợp lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo gửi đơn không có cơ sở, gây khó khăn cho người tiến hành tố tụng cũng như công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự và thi hành án hình sự. Cán bộ tiếp công dân có trình độ ngoại ngữ còn hạn chế, do vậy còn gặp nhiều khó khăn trong trường hợp người khiếu nại, tố cáo không sử dụng thông thạo tiếng Việt (người nước ngoài, người các dân tộc thiểu số).

Tại khoản 6, Điều 178, Mục 1 và điểm a, khoản 1, Điều 192, Chương XIV Luật Thi

hành án hình sự năm 2019 chưa xác định rõ thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án hình sự giữa Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an với viện kiểm sát nhân dân các cấp và cũng chưa ban hành biểu mẫu hồ sơ, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án hình sự để thực hiện, gây khó khăn cho việc xử lý, giải quyết đơn ở một số đơn vị trực thuộc Cơ quan thi hành án hình sự của Bộ Công an. Chưa có văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể về xác định trường hợp được xem là lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để tính thời hiệu khiếu nại theo khoản 2, Điều 471 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; quy định về gia hạn thời hạn xác minh khiếu nại nhưng chưa quy định cụ thể về việc được gia hạn bao nhiêu lần; chưa có quy định về trình tự, thủ tục xử lý trong các trường hợp khi đang giải quyết tố cáo, chưa có kết quả giải quyết mà người tố cáo có đơn rút tố cáo để đồng bộ với quy định của Luật Tố cáo năm 2018; người khiếu nại, tố cáo không hợp tác làm việc hoặc đã bỏ đi khỏi nơi cư trú sau khi gửi đơn dẫn đến không thu thập được tài liệu làm căn cứ để ra kết luận về nội dung khiếu nại, tố cáo; chưa có văn bản quy định thống nhất sử dụng biểu mẫu giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự.

Từ tình hình trên, để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của Bộ Công an, tác giả đề xuất một số giải pháp trọng tâm như sau:

Một là, tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 106-KH/ĐUCA ngày 07/10/2014 của Đảng ủy Công an Trung ương thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lực lượng CAND; Luật Khiếu nại năm 2011, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Luật Tố cáo năm 2018, Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Thông tư 01 và Thông tư 02.

Hai là, liên ngành các cơ quan tư pháp cần có kế hoạch phối hợp với mặt trận tổ quốc, hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan hữu quan tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức pháp luật của công dân về khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại, tố cáo. Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan điều tra các cấp với viện kiểm sát nhân dân đồng cấp để trao đổi kinh nghiệm thực tiễn nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và hiệu quả công tác. Hàng năm, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao có kế hoạch phối hợp với Thanh tra Bộ Công an và Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan An ninh điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự của Bộ Công an kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp trong CAND về công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp nhằm tăng cường trách nhiệm của công an các cấp trong CAND, phục vụ công tác tổng kết, đánh giá việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp chính xác và đạt hiệu quả thiết thực.

Ba là, thủ trưởng các cơ quan tiến hành tố tụng và thi hành án hình sự các cấp tiếp tục chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài, phức tạp để bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các trường hợp sai phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan thi hành án hình sự trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Có hình thức xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tiêu cực trong hoạt động tư pháp. Tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong toàn lực lượng CAND để đánh giá những khó khăn, vướng mắc, bất cập và hạn chế, thiếu sót để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Bốn là, tiếp tục rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, xây dựng hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến



công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp, cụ thể: Sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, Điều 178, Mục 1 và điểm a, khoản 1, Điều 192, Chương XIV Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để xác định rõ thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án hình sự giữa Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an với viện kiểm sát nhân dân các cấp; đồng thời xây dựng các văn bản, quy định hướng dẫn cụ thể về xác định trường hợp được xem là lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để tính thời hiệu khiếu nại tại khoản 2, Điều 471 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; quy định cụ thể được gia hạn bao nhiêu lần tại điểm đ, khoản 1, Điều 7 Thông tư 02. Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục xử lý trong các trường hợp khi đang giải quyết tố cáo mà người tố cáo có đơn rút tố cáo để đồng bộ với quy định của Luật Tố cáo năm 2018; người khiếu nại, tố cáo không hợp tác làm việc hoặc đã bỏ đi khỏi nơi cư trú sau khi gửi đơn; xây dựng ban hành hệ thống biểu mẫu hồ sơ và quy trình để áp dụng trong thực tiễn, thống nhất sử dụng trong giải quyết khiếu nại, tố cáo về tố tụng hình sự và thi hành án hình sự để thực hiện.

Năm là, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về các quy định của pháp luật đối với công tác tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo; các kỹ năng trong giao tiếp, ứng xử với công dân cho lực lượng được giao nhiệm vụ tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện tốt nhiệm vụ của mình./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Tố tụng Hình sự năm 2015;
2. Luật Thanh tra số 56/2010/QH2 ngày 15/11/2010;
3. Luật Tố cáo năm 2018;
4. Luật Khiếu nại năm 2011;
5. Nghị định số 22/NĐ-CP ngày 15/4/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong CAND;
6. Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;
7. Thông tư liên tịch số 02/TTLT/2018/VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/9/2018 quy định phối hợp trong việc báo cáo, thông báo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp;
8. Thông tư số 11/2015/TT-BCA ngày 2/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết khiếu nại trong CAND;
9. Thông tư số 68/2013/TT-BCA ngày 26/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại và quản lý công tác giải quyết khiếu nại trong CAND;
10. Thông tư số 12/2015/TT-BCA ngày 2/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết tố cáo trong CAND;
11. Thông tư số 85/2020/TT-BCA ngày 3/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết tố cáo và quản lý công tác giải quyết tố cáo trong CAND;
12. Thông tư số 129/2020/TT-BCA ngày 8/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết tố cáo trong CAND;
13. Báo cáo tổng kết công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp năm 2019, 2020 và báo cáo 6 tháng đầu năm 2021.



QUYẾT THẮNG ĐẠI DỊCH

Cả nước đồng lòng chống đại dịch
Đẩy dịch lùi tàn, sự sống vươn lên
Những bác sỹ, y sỹ trên tuyến đầu chống dịch
Làm việc quên mình, chẳng quản vất vả ngày đêm

Cả nước gồng mình chống đại dịch
Cùng thương nhau đùm bọc, sẻ chia
Trai - gái - trẻ - già đoàn kết bên nhau
Bát cơm ân tình chung nhau sẻ nữa

Việt Nam: Đất nước yên bình
Quyết thắng đại dịch: Có mình, có ta
Khó khăn nào cũng vượt qua
Chiến thắng Covid: Có ta, có mình!

Lê Hồng Điệp





Áp dụng quy định của pháp luật về uỷ quyền trong khiếu nại

 **Ths. Nguyễn Mai Anh**

Khoa QLNN và PCTN, Trường Cán bộ Thanh tra



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Khiếu nại là một trong những quyền cơ bản của công dân. Nhà nước ta đã xác định, khiếu nại là một hình thức dân chủ trực tiếp để Nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Thông qua khiếu nại, mọi người có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét lại những quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật cán bộ, công chức trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đồng thời cung cấp những thông tin về những quyết định và việc làm trái pháp

luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi tác động xấu đến hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và các cơ quan hành chính nhà nước nói riêng.

Người khiếu nại có thể tự mình thực hiện việc khiếu nại hoặc uỷ quyền cho người khác thực hiện việc khiếu nại, điều này giúp cho người khiếu nại thực hiện quyền khiếu nại một cách thuận tiện. Để quy định chi tiết vấn đề này, Luật Khiếu nại 2011 và Nghị định 124/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại đã đưa ra những nguyên tắc, thủ tục về uỷ quyền khiếu nại. Theo đó, trong trường

hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được uỷ quyền cho người thân (như cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên); uỷ quyền cho luật sư hoặc trợ giúp viên pháp lý; uỷ quyền cho những người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để thực hiện việc khiếu nại. Việc uỷ quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự. Trong quá trình thực hiện việc uỷ quyền khiếu nại, người khiếu nại cần chú ý những nội dung sau:



Thứ nhất, về chủ thể ủy quyền khiếu nại

Trong quan hệ ủy quyền nói chung, quan hệ ủy quyền khiếu nại nói riêng, có hai chủ thể là bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Bên ủy quyền (người khiếu nại) là công dân, cơ quan, tổ chức chịu sự tác động trực tiếp của quyết định hành chính, hành vi hành chính hay nói cách khác quyết định hành chính, hành vi hành chính phải xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

- *Bên ủy quyền khiếu nại là công dân*: Quyền khiếu nại của công dân được ghi nhận tại văn bản pháp luật cao nhất là Hiến pháp: “Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân” (khoản 1 Điều 30 Hiến pháp 2013). Như vậy người khiếu nại bao gồm công dân Việt Nam và cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- *Bên ủy quyền khiếu nại là cơ quan, tổ chức*: Các cơ quan, tổ chức cũng bị tác động, bị ảnh hưởng bởi các quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước; do đó, nếu có căn cứ cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức mình bị xâm phạm thì cơ quan, tổ chức đó cũng có quyền khiếu nại. Theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại bao gồm: Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân. Việc khiếu nại của cơ quan, tổ chức được thực hiện thông qua người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó. Người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho người khác thực hiện việc khiếu nại.

- *Bên ủy quyền khiếu nại là cán bộ, công chức*: Theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 thì cán bộ, công chức có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định đó trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Bên được ủy quyền khiếu nại bao gồm: Cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con của người khiếu nại, luật sư, trợ giúp viên pháp lý và những người khác (khoản 1 Điều 12 Luật Khiếu nại 2011).

Điều kiện để trở thành người được ủy quyền khiếu nại là cá nhân đã thành niên và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ được quy định trong Bộ luật Dân sự 2015. Cụ thể, Điều 19 Bộ luật Dân sự 2015 giải thích: “Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự”. Người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ là: “Người từ đủ mười tám tuổi trở lên”. Đồng thời, cá nhân khi đủ mười tám tuổi tròn (tính theo ngày, tháng), còn phải là người khỏe mạnh, có trí tuệ phát triển bình thường, không bị mắc các bệnh tâm thần, mất trí, không bị toà án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự. Nghĩa là, cá nhân đó có đủ khả năng để nhận thức việc mình làm, đủ khả năng để làm chủ, chỉ huy được hành vi của mình.

Thứ hai, về hình thức ủy quyền khiếu nại

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định 124/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại: “Việc ủy quyền phải bằng văn bản và được chứng thực hoặc công chứng”. Giấy ủy quyền khiếu nại được thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này.

Phân biệt một cách dễ hiểu, chứng thực là việc ủy ban nhân dân cấp xã xác

nhận chữ ký trong văn bản đúng là chữ ký của chủ thể đó mà không chịu trách nhiệm về nội dung của văn bản. Còn công chứng là thủ tục mà công chứng viên (không phụ thuộc làm việc tại phòng công chứng của Nhà nước hay văn phòng công chứng) chứng nhận tính hợp pháp xác thực cả về nội dung của văn bản và chữ ký của chủ thể.

Tuy nhiên, trên thực tế có một vấn đề gây ra nhầm lẫn bản chất của hợp đồng ủy quyền và giấy ủy quyền vì đây là hai hình thức ủy quyền có nhiều điểm khác biệt cả về tính chất và hệ quả pháp lý. Việc ủy quyền bằng hợp đồng ủy quyền được quy định tại Điều 562 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau: “Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền, bên ủy quyền chỉ phải trả thù lao nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Như vậy, cũng giống như tất cả các hợp đồng khác, hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa hai chủ thể của hợp đồng gồm bên ủy quyền và bên được ủy quyền, đòi hỏi bên nhận ủy quyền phải đồng ý. Do đó, ủy quyền bằng hợp đồng có giá trị bắt buộc phải thực hiện các công việc đã nêu trong hợp đồng, đồng thời bên nhận ủy quyền có thể được nhận thù lao theo thỏa thuận (nếu có). Khác với ủy quyền bằng hợp đồng, việc ủy quyền bằng giấy ủy quyền chưa được quy định cụ thể tại bất cứ quy định pháp luật nào, mà chỉ là sự thừa nhận trong thực tế và được quy định tản mát, rời rạc tại một số văn bản pháp luật. Việc ủy quyền bằng giấy ủy quyền được hiểu là một hành vi pháp lý đơn phương làm xác lập quyền dân sự được quy định tại Điều 8 Bộ luật Dân sự năm 2015. Giấy ủy quyền xuất phát từ hành vi pháp lý đơn phương của người ủy quyền, người ủy quyền tự lập và ký giấy ủy quyền. Chủ thể thực hiện ủy quyền bằng giấy ủy quyền chỉ bao gồm người ủy quyền. Do đó, người



được ủy quyền có thể thực hiện hoặc không thực hiện công việc được ủy quyền mà không phải chịu sự ràng buộc bởi bất cứ trách nhiệm nào.

Ở đây, Mẫu 02 Nghị định 124/2020/NĐ-CP là sự giao thoa giữa giấy ủy quyền và hợp đồng ủy quyền bởi trong mẫu giấy này có sự xác nhận của cả hai bên ủy quyền và nhận ủy quyền nhưng tên của văn bản lại là giấy ủy quyền khiếu nại. Do đó, trong quá trình thực hiện việc ủy quyền, dưới sự hướng dẫn của cán bộ tư pháp của ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công chứng viên, có thể sẽ phải điều chỉnh tên của mẫu giấy để phù hợp với pháp luật về công chứng, chứng thực. Tuy nhiên, dù điều chỉnh như thế nào, trong văn bản ủy quyền phải có những nội dung cơ bản như: Ngày, tháng, năm ủy quyền; họ và tên, địa chỉ, số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước (ngày cấp, nơi cấp) của người khiếu nại; họ và tên, địa chỉ, số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước (ngày cấp, nơi cấp) của người được ủy quyền khiếu nại; nội dung ủy quyền khiếu nại; chữ ký của người khiếu nại, chữ ký người được ủy quyền khiếu nại; chữ ký, xác nhận của bên chứng thực, công chứng.

Thứ ba, về phạm vi ủy quyền

Đối với ủy quyền nói chung, các bên có thể thỏa thuận với nhau về việc ủy quyền toàn bộ công việc hoặc một phần công việc. Đối với ủy quyền khiếu nại, bên khiếu nại có thể ủy quyền cho bên nhận ủy quyền toàn bộ các công việc liên quan đến việc khiếu nại hoặc một trong các thủ tục sau:

- Ủy quyền nộp đơn khiếu nại hoặc khiếu nại trực tiếp;
- Ủy quyền tham gia đối thoại;
- Ủy quyền đọc, sao chụp, sao chép tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại,

trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

- Ủy quyền yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu đó trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày có yêu cầu để giao nộp cho người giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

- Ủy quyền yêu cầu người giải quyết khiếu nại áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại;

- Ủy quyền đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến về chứng cứ đó;

- Ủy quyền nhận văn bản trả lời về việc thụ lý giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại;

- Ủy quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

- Ủy quyền khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính;

- Ủy quyền rút khiếu nại.

Trong quá trình xây dựng văn bản ủy quyền, cần lưu ý ghi rõ ủy quyền thực hiện toàn bộ thủ tục khiếu nại hay ủy quyền thực hiện một số nội dung, những nội dung đó cụ thể là gì, để tránh những tranh chấp, mâu thuẫn không đáng có giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Bên cạnh đó, tương thích với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 về việc ủy quyền cho nhiều người, Nghị định 124/2020/NĐ-CP tạo điều kiện cho người khiếu nại được ủy quyền khiếu nại cho một người hoặc nhiều người về các nội dung ủy quyền khác nhau nhưng không được ủy quyền một nội dung cho nhiều người thực hiện. Đối với mỗi người được ủy quyền, phải lập một văn bản ủy quyền khiếu nại riêng

theo Mẫu số 02 Nghị định 124/2020/NĐ-CP và các lưu ý đã nêu trên.

Hoạt động ủy quyền trong khiếu nại không tồn tại mãi mãi, nó chấm dứt khi xảy ra những sự kiện pháp lý nhất định. Hoạt động ủy quyền khiếu nại chấm dứt khi: (1) Thời hạn ủy quyền khiếu nại đã hết hoặc công việc khiếu nại đã được hoàn thành. (2) Người ủy quyền khiếu nại hủy bỏ việc ủy quyền khiếu nại hoặc người được ủy quyền khiếu nại từ chối việc nhận ủy quyền. Trường hợp này quan hệ ủy quyền khiếu nại chấm dứt theo ý chí của các chủ thể khi xuất hiện điều kiện để các bên hủy bỏ ủy quyền hoặc từ chối việc nhận ủy quyền. (3) Người ủy quyền khiếu nại hoặc người nhận ủy quyền chết, bị tòa án hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị tòa án tuyên bố mất tích, tuyên bố chết. Khi hoạt động ủy quyền khiếu nại chấm dứt, mọi hậu quả pháp lý phát sinh do người được ủy quyền xác lập, thực hiện đều không có giá trị pháp lý đối với người đã ủy quyền khiếu nại.

Tóm lại, quy định của pháp luật về ủy quyền trong khiếu nại đã tạo điều kiện cho người khiếu nại thực hiện được quyền khiếu nại của mình kể cả khi không trực tiếp khiếu nại do một số điều kiện khách quan như tình hình sức khỏe, thiếu hiểu biết về pháp luật hoặc những lý do khách quan khác. Để thực hiện việc ủy quyền khiếu nại đạt kết quả cao, người khiếu nại cần chú ý những khía cạnh như người được ủy quyền khiếu nại phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; văn bản ủy quyền phải được công chứng hoặc chứng thực; phạm vi và thời hạn ủy quyền phải rõ ràng. Bên cạnh đó, người ủy quyền khiếu nại cần cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu và nêu rõ mong muốn cá nhân cho người được ủy quyền khiếu nại biết để họ có thể thay mặt thực hiện các trình tự, thủ tục pháp định nhằm đảm bảo mục đích của việc khiếu nại./.



Giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra trong phòng, chống chạy chức, chạy quyền

 TTVC, Ths. Nguyễn Thị Hồng Thắm

Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ



Hội nghị trực tuyến triển khai thực hiện Quy định số 205-QĐ/TW của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền do Ban Tổ chức Trung ương tổ chức tháng 12/2019

Những năm qua tình trạng chạy chức, chạy quyền là một trong những vấn đề nan giải, trở thành một vấn nạn của

toàn xã hội. Trước tình hình nạn chạy chức, chạy quyền ngày càng tinh vi, diễn biến phức tạp; hành vi tham nhũng, tha hoá quyền lực trong chạy chức, chạy quyền ẩn náu dưới nhiều hình thức, rất khó phát hiện, khó xử lý, đã dần bóp méo nhiệm vụ quan

trọng của công tác cán bộ, làm sai lệch nghiêm trọng kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm người có đủ trình độ, năng lực đáp ứng vị trí việc làm trong công tác cán bộ; làm suy giảm uy tín của Đảng và Nhà nước, mất lòng tin của Nhân dân, thậm chí gây bức



xúc trong Nhân dân và cả cán bộ, công chức có trình độ, năng lực mà không được lựa chọn.

Việc thực hiện các quy định về chạy chức, chạy quyền hiện nay còn chưa thực sự hiệu quả, thể hiện ở việc tình trạng chạy chức, chạy quyền vẫn diễn ra phổ biến ở nhiều bộ, ngành, địa phương nhưng số vụ việc được phát hiện, xử lý liên quan đến chạy chức, chạy quyền thì còn hạn chế; vụ việc tham nhũng làm thiệt hại tiền, tài sản Nhà nước được phát hiện, xử lý đã hạn chế nhưng vụ việc tham nhũng liên quan đến chạy chức, chạy quyền lại càng hạn chế hơn. Kết quả tổng kết 20 năm thực hiện chiến lược cán bộ cho thấy “trong công tác cán bộ vẫn còn tình trạng đúng quy trình nhưng chưa chọn được người đủ phẩm chất, năng lực, uy tín. Vẫn có cán bộ năng lực hạn chế, vi phạm kỷ luật, không gương mẫu, dễ xảy ra mất đoàn kết hoặc không đủ thời gian công tác vẫn được bố trí vào chức vụ cao hơn. Việc bổ nhiệm cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, trong đó có cả người nhà, người thân cán bộ lãnh đạo vẫn xảy ra ở một số nơi, thậm chí xuất hiện khái niệm bổ nhiệm “thần tốc”. Nguyên nhân chính là do thiếu những biện pháp hiệu quả để giám sát, kiểm soát quyền lực của người được giao quyền; do người bị thiệt hại, người bị ảnh hưởng hoặc người biết về vụ việc chưa “chủ động” tố cáo các hành vi vi phạm, hoặc tố cáo thì dưới hình thức nặc danh nên chưa có đủ cơ sở để xem xét, xử lý; mặt khác cũng do các quy định hiện nay về chạy chức, chạy quyền còn nằm rải rác ở nhiều văn bản của Đảng và tập trung ở các cơ quan Trung ương; quy định về sự phối hợp, phân cấp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý vụ việc liên quan đến chạy chức, chạy quyền cũng chưa được quan tâm đúng mức.

Để hạn chế được nạn chạy chức, chạy quyền, triển khai, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quy định số 205-QĐ/TW ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về kiểm

soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền (Quy định số 205-QĐ/TW). Kiên quyết không để lọt người kém năng lực, phẩm chất vào bộ máy hệ thống chính trị, nhưng đồng thời không bỏ sót người có đức, có tài để tham gia, bố trí vào cấp ủy và các chức vụ tương xứng... cần quy định rõ và nâng cao trách nhiệm, thẩm quyền của ủy ban kiểm tra (UBKT) các cấp, các cơ quan liên quan trong phòng, chống chạy chức, chạy quyền. Một số giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của UBKT trong phòng, chống chạy chức, chạy quyền (gọi tắt là quy định của UBKT) như sau:

1. Bám sát các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và các quy định về chạy chức, chạy quyền

Việc xây dựng quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của UBKT trong phòng, chống chạy chức, chạy quyền phải cụ thể hoá và luôn bám sát Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quyết định của Trung ương về chạy chức, chạy quyền, về phòng, chống tham nhũng, Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, đặc biệt là Quy định số 205-QĐ/TW, trong đó giao nhiệm vụ: *“UBKT Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới khung xử lý hành vi vi phạm nêu trong Quy định này. UBKT của cấp ủy các cấp thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định; xử lý kỷ luật theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật những tập thể, cá nhân vi phạm”*.

Quy định số 205-QĐ/TW đã góp phần cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và các nghị quyết của Trung ương trong việc hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; nhận diện rõ, đấu tranh quyết liệt, hiệu quả với các trường hợp có biểu hiện, hành vi chạy chức, chạy quyền; “kiên quyết không để lọt những người không xứng đáng, những người chạy chức, chạy quyền vào đội ngũ cán bộ...”;

nâng cao ý thức trách nhiệm, quy tắc ứng xử của cán bộ, đảng viên, hình thành văn hóa không chạy chức, chạy quyền; thể hiện quyết tâm xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Việc xây dựng quy định của UBKT phải nhằm cụ thể hoá Quy định 205-QĐ/TW và các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi chạy chức, chạy quyền và các hành vi bao che, dung túng, tiếp tay cho chạy chức, chạy quyền. Đồng thời phải đảm bảo sự thống nhất, kế thừa các quy định, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan và thực tiễn công tác phòng, chống chạy chức, chạy quyền để đảm bảo tính khả thi của quy định; xác định được mục tiêu, định hướng, trách nhiệm, thẩm quyền và các biện pháp thực hiện phù hợp nhằm đạt hiệu quả trong phòng, chống chạy chức, chạy quyền.

2. Nghiên cứu, rà soát, tổng kết thực tế việc thực hiện các quy định về chạy chức, chạy quyền và các vụ việc liên quan

Thực tế những năm qua cho thấy, Đảng và Nhà nước đã quyết liệt chỉ đạo, quan tâm đặc biệt đến công tác cán bộ và nạn chạy chức, chạy quyền, thể hiện ở nhiều văn bản được ban hành kịp thời, nội dung cụ thể, một số vụ việc được phát hiện, xử lý trên tinh thần “không có vùng cấm”. Tuy vậy, các cơ quan chức năng vẫn chưa thực sự phát huy được chức trách, nhiệm vụ của mình; UBKT các cấp kiểm tra dấu hiệu vi phạm trong công tác cán bộ chưa nhiều, tỷ lệ còn thấp; nội dung vi phạm trên lĩnh vực công tác cán bộ của tổ chức Đảng được phát hiện, kiểm tra, xử lý còn quá ít, chưa tương xứng với tình hình thực tế dẫn đến có nhiều trường hợp bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chưa đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện. Đội ngũ cán bộ tuy có bước phát triển, trưởng thành, tuy nhiên, trong thực hiện nhiệm vụ được giao vẫn còn một số



trường hợp cán bộ vi phạm đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ có chức, có quyền suy thoái về đạo đức, lối sống, vi phạm kỷ luật của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, gây bức xúc trong xã hội, làm giảm lòng tin của Nhân dân, thiệt hại tiền, tài sản của Nhà nước.

Do đó, việc xây dựng quy định của UBKT cần nghiên cứu, rà soát, tổng kết việc thực hiện các quy định về chạy chức, chạy quyền và các vụ việc liên quan; từ đó căn cứ vào tình hình thực tiễn để thấy rõ được những bất cập, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về chạy chức, chạy quyền nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện; xây dựng được cơ chế kiểm tra, giám sát phù hợp với tính chất, mức độ các loại hành vi vi phạm; thiết lập được biện pháp, hướng tiếp cận vụ việc nhất là các vụ việc phức tạp, nguồn thông tin, tài liệu, chứng cứ... để kịp thời phát hiện và xử lý. Qua đó cũng đánh giá được vai trò, việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBKT về phòng, chống chạy chức, chạy quyền trong thời gian qua để kịp thời xây dựng, bổ sung các quy định, cơ chế nhằm thực hiện nghiêm túc các quy định Trung ương về chạy chức, chạy quyền và thực hiện đúng các chức trách, nhiệm vụ UBKT được giao. Để phòng, chống chạy chức, chạy quyền cần đảm bảo công tác cán bộ hạn chế được các tồn tại, yếu kém, khe hở, lỗ hổng để một số người lạm dụng, lợi dụng quyền lực làm những việc sai quy định.

3. Xác định, nâng cao trách nhiệm, thẩm quyền của UBKT trong phòng, chống chạy chức, chạy quyền và sự phối hợp với các cơ quan liên quan

3.1. Xác định trách nhiệm, thẩm quyền của UBKT của trong phòng, chống chạy chức, chạy quyền

Việc ban hành quy định của UBKT là nhằm cụ thể hoá chức năng của cơ quan này trong lĩnh vực phòng, chống chạy chức, chạy quyền, trên cơ sở chức năng, nhiệm

vụ của UBKT được quy định tại Điều lệ Đảng, nhiệm vụ được giao tại các quy định của Đảng, cần quy định rõ trách nhiệm và thẩm quyền của UBKT trong công tác phòng, chống chạy chức, chạy quyền; quy định việc phân cấp của UBKT các cấp và xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của từng cấp để tránh việc chồng chéo, cũng như sự đùn đẩy trong kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý vi phạm.

Trước hết cần sớm hoàn thiện xây dựng quy định của UBKT thành cơ chế bảo đảm đồng bộ và chặt chẽ giữa các khâu, liên thông giữa các cấp nhằm bịt kín những kẽ hở, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng lạm quyền, nạn chạy chức, chạy quyền. Quy định phải bảo đảm chặt chẽ để người muốn chạy chức, chạy quyền cũng “không thể chạy” và “không dám chạy”. Bên cạnh đó, cần quy định cụ thể trách nhiệm của tập thể cấp ủy, của từng thành viên cấp ủy, nhất là người đứng đầu trong công tác cán bộ nhằm khắc phục tình trạng dựa dẫm vào tập thể hoặc lợi dụng cơ chế tập thể để hợp thức hóa, thực hiện ý đồ cá nhân.

Để bảo đảm cho công tác phòng, chống chạy chức, chạy quyền được thực hiện nghiêm túc, quy định của UBKT phải đảm bảo tính khả thi, phát huy hiệu quả, tránh hình thức. Do vậy, cần quy định cơ chế thực hiện quyết liệt, nghiêm túc từ trên xuống, “không có vùng cấm”; đảng viên ở bất cứ cương vị công tác nào, có dấu hiệu chạy chức, chạy quyền đều phải được xem xét làm rõ và xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; công tác kiểm tra, giám sát phải phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền, chủ động, thường xuyên, có chương trình, kế hoạch, mục tiêu, đối tượng cụ thể... trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định có liên quan. Ngoài ra, để đảm bảo tính dự báo, tính ổn định và chất lượng quy định của UBKT cần lấy ý kiến của UBKT các cấp, các cơ quan, tổ chức có liên quan; chú trọng việc lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, nhất là ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực

tiếp; nghiêm túc tiếp thu, giải trình đầy đủ, thực chất các ý kiến góp ý để bảo đảm tính khả thi.

3.2. Nâng cao trách nhiệm, thẩm quyền của UBKT trong phòng ngừa, phát hiện chạy chức, chạy quyền

Công tác phòng ngừa chạy chức, chạy quyền là một trong những nhiệm vụ quan trọng của UBKT các cấp, cần được coi trọng và nâng cao trách nhiệm, thẩm quyền để khi phát hiện đảng viên có hành vi chạy chức, chạy quyền phải kiểm tra, xem xét và xử lý nghiêm minh, chính xác, kịp thời. Do vậy, cần tiếp tục sửa đổi các quy định về công tác cán bộ theo hướng nâng cao vị trí, vai trò, trách nhiệm của UBKT các cấp, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực bằng các quy định của pháp luật, quy định của Đảng, bảo đảm kiểm soát, giám sát chặt chẽ, ngăn ngừa sự lạm quyền trong công tác cán bộ, tích cực phòng ngừa chạy chức, chạy quyền như: Xây dựng chủ trương, định hướng, ban hành các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và các quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức để phòng ngừa chạy chức, chạy quyền; cơ chế kiểm tra, giám sát tổ chức Đảng cấp dưới trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện phòng ngừa, phát hiện chạy chức, chạy quyền; cơ chế kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên trong việc triển khai và thực hiện kê khai, công khai tài sản theo quy định; cơ chế kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm cán bộ...

Việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của UBKT cần phải đổi mới, chỉ đạo quyết liệt hơn, tăng cường giám sát thường xuyên, nắm chắc tình hình cơ sở, tập trung kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, có trọng tâm, trọng điểm, nhất là đối với lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp có những điểm nóng, vụ việc nổi cộm như: Tiếp nhận, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến chạy chức, chạy quyền; chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, đơn vị trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn



được giao nhằm phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; chỉ đạo tăng cường phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát, tiếp nhận, đồng thời mô tả cụ thể để nhận diện, phát hiện kịp thời các hành vi chạy chức, chạy quyền, hành vi bao che, tiếp tay cho chạy chức, chạy quyền;... Đồng thời, quan tâm xây dựng, kiện toàn tổ chức, bộ máy UBKT, cơ quan UBKT, cử cán bộ theo dõi thực hiện giám sát thường xuyên, nắm tình hình, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ việc phát hiện vi phạm về chạy chức, chạy quyền; nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định của cấp ủy, tổ chức Đảng các cấp; xây dựng cơ chế đảm bảo sự phối hợp, trao đổi thông tin với các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, nội vụ và các cơ quan có liên quan, phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội, báo chí truyền thông và Nhân dân để cùng tham gia công cuộc phòng ngừa chạy chức, chạy quyền.

Để kiểm soát quyền lực, giám sát chặt chẽ, ngăn ngừa sự lạm quyền, phát hiện, phòng ngừa chạy chức, chạy quyền quy định của UBKT cần xây dựng theo hướng: UBKT phải được kiểm tra hồ sơ bổ nhiệm cán bộ và có ý kiến trước khi người có thẩm quyền ký quyết định bổ nhiệm; UBKT có ý kiến bằng văn bản vào việc quy hoạch, bổ nhiệm; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, UBKT cấp trên đối với việc bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ, định kỳ hàng năm UBKT cấp trên thực hiện kiểm tra quy trình, hồ sơ bổ nhiệm của cấp dưới. Mọi dấu hiệu không bình thường trong quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ cần được kịp thời xem xét, kết luận, nếu vi phạm phải xử lý nghiêm minh; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát quyền lực, không để tập trung vào một cá nhân; có hình thức khuyến khích, phát động tố cáo và có biện pháp giữ bí mật, bảo vệ người tố cáo người có hành vi chạy chức, chạy quyền. Về lâu dài cần quy định trách nhiệm cá nhân của người trực

tiếp ký quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm khi cán bộ được tuyển dụng, bổ nhiệm có hành vi vi phạm pháp luật; đổi mới công tác cán bộ bằng hình thức thi tuyển cán bộ lãnh đạo; thay đổi hình thức lấy phiếu tín nhiệm (mở rộng thành phần, bắt buộc bỏ phiếu kín...); tăng cường dân chủ để Nhân dân bầu trực tiếp lãnh đạo, đại hội bầu trực tiếp bí thư.

3.3. Nâng cao trách nhiệm, thẩm quyền của UBKT trong xử lý chạy chức, chạy quyền

Xử lý hành vi vi phạm là một khâu quan trọng, quyết định tính hiệu lực, hiệu quả các quy định của Đảng, Nhà nước trong công cuộc phòng, chống chạy chức, chạy quyền. Để tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đảm bảo mọi vi phạm đều được kiểm tra, xử lý nghiêm, quy định của UBKT cần xây dựng theo hướng nâng cao trách nhiệm, thẩm quyền của UBKT các cấp trong việc xử lý chạy chức, chạy quyền; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của đơn vị, cá nhân có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân có liên quan trong kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm. Đối với các vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của UBKT cần xây dựng quy trình xử lý cụ thể như: Tiếp nhận, thụ lý, kiểm tra xác minh, thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ, các hình thức xử lý, kỷ luật tương ứng với mức độ hành vi vi phạm; thẩm quyền xử lý của UBKT từng cấp; các quy định về thời hạn, thời hiệu xử lý; thủ tục chuyển vụ việc sang cơ quan điều tra, lưu hồ sơ;... Đối với các vi phạm thuộc thẩm quyền của cơ quan có liên quan (thanh tra, kiểm toán, điều tra) thì kiến nghị xử lý và cần quy định về trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong việc tiếp nhận vụ việc; việc bàn giao hồ sơ, tài liệu; trách nhiệm xử lý và thông báo kết quả giải quyết cho cấp ủy, UBKT để xem xét, xử lý kỷ luật về Đảng theo thẩm quyền.

Việc xử lý kỷ luật đảng viên, tổ chức Đảng vi phạm phải bảo đảm đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, quy

trình, thủ tục. Kết luận rõ nội dung, tính chất, mức độ, tác hại và nguyên nhân của vi phạm, chú ý xem xét các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng mức kỷ luật. Mọi đảng viên vi phạm đều bị xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, “không có vùng cấm”. Xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên có hành vi dung túng, bao che cho chạy chức, chạy quyền hoặc cản trở, can thiệp trái quy định vào việc xử lý các vụ việc chạy chức, chạy quyền; xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị trong việc để xảy ra chạy chức, chạy quyền hoặc bao che cho chạy chức, chạy quyền.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, UBKT các cấp cần tập trung, chú trọng không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp và cán bộ đảng viên về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng; khắc phục nhận thức lệch lạc về công tác kiểm tra, giám sát và việc thi hành kỷ luật trong Đảng. Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng và nhiệm vụ cấp ủy giao, UBKT các cấp phải luôn coi trọng việc quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, hướng dẫn của UBKT Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng; chủ động, tích cực tham mưu đề xuất, nhất là đối với thường trực, thường vụ cấp ủy, thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của UBKT các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong công tác phòng, chống chạy chức, chạy quyền.

3.4. Tăng cường sự phối hợp giữa UBKT với các cơ quan liên quan trong phòng, chống chạy chức, chạy quyền

Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật Đảng và kỷ luật Nhà nước, thực hiện nghiêm túc, tránh chồng chéo giữa các



quy định của Đảng với pháp luật của Nhà nước, giữa trách nhiệm, thẩm quyền của UBKT với các cơ quan khác có thẩm quyền, quy định của UBKT cần xây dựng theo hướng đảm bảo thực hiện tốt sự phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng giữa UBKT với các cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy, các cơ quan bảo vệ pháp luật, các ngành có liên quan để nắm chắc thông tin, thống nhất trong nhận định, đánh giá, kết luận, xử lý các vụ việc phức tạp.

Trong kiểm soát quyền lực, phòng, chống chạy chức, chạy quyền cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra Đảng và thanh tra, kiểm toán nhà nước, các ngành có liên quan (ngân hàng, nội vụ...); phát huy vai trò giám sát của mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân đối với công tác cán bộ, phòng, chống chạy chức, chạy quyền. Các tổ chức Đảng sau khi xem xét, xử lý hoặc chỉ đạo việc xem xét, xử lý về kỷ luật Đảng cần đề nghị với tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính, đoàn thể hoặc xử lý hình sự; khi các cơ quan nhà nước, mặt trận tổ quốc, đoàn thể chính trị-xã hội đình chỉ công tác hoặc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, hội viên là đảng viên phải thông báo kết quả cho tổ chức Đảng quản lý đảng viên, UBKT của cấp có thẩm quyền để xem xét xử lý kỷ luật Đảng.

Chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xác định rõ cơ chế phân công, trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tổ chức thi hành quy định, pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành quy định, pháp luật; cơ chế giám sát của cơ quan nhà nước và xã hội; tăng cường thiết chế theo dõi và đánh giá tình hình thi hành quy định, pháp luật để đề xuất các giải pháp thực thi hiệu quả; phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm quy định, pháp luật; đối với các vụ việc vi phạm trong tổ chức thi hành quy định, pháp luật về phòng, chống chạy chức, chạy quyền, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBKT các cấp, kịp thời có biện pháp xử lý kiên quyết, triệt để, đúng quy định.

Ngoài việc ban hành quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của UBKT trong phòng, chống chạy chức, chạy quyền, trường hợp cần thiết UBKT cần nhắc đề nghị xây dựng Quy chế Phối hợp với các cơ quan có liên quan (thanh tra, kiểm toán, điều tra, ngân hàng, nội vụ...) để phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, tạo thành một cơ chế đồng bộ, thông suốt trong công cuộc phòng, chống chạy chức, chạy quyền của Đảng và Nhà nước./.

GỬI PHỐ NGÀY GIÃN CÁCH...

Những giấc mơ toả hương trong tĩnh lặng
Vàng trắng thổn thức ru hời phố khuya
Ngon gió về đâu những ngày giãn cách
Hèm vắng nao lòng nhớ một tiếng rao

Ở trong phố mà đôi khi quên mất phố
Cứ ôm hoài những giấc mộng xa xôi
Phố vẫn thủy chung như phố đã từng
Người với người vẫn thảo thơm như thế

Những ngày này sẽ không thể nào quên
Viết cho phố ta thấy mình nông cạn
Phố của ta, cả đời ta mắc nợ
Làm sao trả hết những món nợ ân tình

Dấu lành lặn hay trăm ngàn vết xước
Trái tim phố nguyên vẹn nỗi bao dung
Ta hai quê, một quê cha, một phố
Ngày chia phôi lòng quặn nhớ, nhiều khi...

Trong cơn mê, ta là cánh chò nâu
Mải miết xoay những vòng xoay kí ức
Những tên đường đã hoá thành duyên nợ
Phố trong ta, ta trong phố, ruột rà...

Trần Văn Thiên





Một số cách tiếp cận về lồng ghép giới và trao quyền cho phụ nữ trong phòng, chống tham nhũng

 TTVC, Ths. Phạm Thị Quỳnh Nga

Vụ Hợp tác Quốc tế, Thanh tra Chính phủ

Ở Việt Nam, chính sách, pháp luật nói chung và chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN) nói riêng luôn thể hiện quan điểm xuyên suốt về bình đẳng giới, thúc đẩy và phát huy vai trò của phụ nữ trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Luật PCTN đã có quy định đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong công tác PCTN, trong đó có Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, với trách nhiệm: Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về PCTN; phản biện xã hội, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN; kiến nghị việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; động viên Nhân dân tham gia tích cực vào việc phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng; cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng; giám sát việc thực hiện pháp luật về PCTN; có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, xác minh vụ việc tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng; kiến nghị việc bảo vệ, khen thưởng người có công phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng... Mặc dù vậy, chính sách, pháp luật về PCTN chưa có nhiều quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm, sự tham gia của phụ nữ trong PCTN. Cũng chưa có nhiều biện pháp, công cụ chính sách cụ thể



Các đại biểu tham dự một cuộc Hội thảo do Nhóm Công tác về chống tham nhũng và đảm bảo minh bạch tổ chức trong khuôn khổ APEC năm 2017

nhằm bảo vệ “Phụ nữ - Nhóm dễ bị tổn thương” trước tác động của tham nhũng. Do đó, những cách tiếp cận mới, những kinh nghiệm, thực tiễn tốt từ các diễn đàn quốc tế về chủ đề này cần được các cơ quan chức năng quan tâm nghiên cứu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về PCTN, nhất là việc xây dựng, hoàn thiện, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về PCTN, tăng cường bảo vệ và đề cao vai trò, trách nhiệm của phụ nữ trong công tác PCTN ở Việt Nam.

Trong khuôn khổ APEC 2021, Nhóm Công tác về chống tham nhũng và đảm bảo minh bạch (ACTWG) đã tổ chức Hội thảo về “Tăng cường lồng ghép giới và trao quyền cho phụ nữ trong PCTN” với mục đích: (i)

Nâng cao kiến thức về lồng ghép giới trong PCTN ở các nền kinh tế thành viên APEC; và (ii) Tạo diễn đàn để các nền kinh tế trao đổi thông tin, trên cơ sở đó hướng tới xây dựng một bộ tài liệu hướng dẫn, đào tạo về vấn đề này.

Trên thực tế, tham nhũng có tác động không giống nhau đến các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó có phụ nữ. Việc ủng hộ trao quyền và sự tiến bộ của phụ nữ trong các cơ quan chống tham nhũng sẽ góp phần cải thiện cách thức các cơ quan giải quyết tác động của tham nhũng nói chung và đối với những nhóm dễ bị tổn thương trong xã hội nói riêng. Với sự tham gia của nhiều chuyên gia có kinh nghiệm, Hội thảo giới thiệu một số cách tiếp cận để trao quyền hiệu quả hơn



cho phụ nữ trong các cơ quan PCTN và thực thi pháp luật.

- *Tiến sĩ Jo Cribb, chuyên gia về Đa dạng và Hòa nhập, cựu Giám đốc điều hành của Bộ Phụ nữ New Zealand với chủ đề "Giới và những quan điểm của New Zealand".*

Theo cách tiếp cận của chuyên gia này, lồng ghép giới là một quá trình mang lại cho phụ nữ và nam giới quyền tiếp cận bình đẳng và khả năng hưởng lợi công bằng đối với các nguồn lực của xã hội. Các chính phủ nên áp dụng lồng ghép giới để khẳng định cam kết đảm bảo dành sự quan tâm bình đẳng cho cả nam và nữ trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Điều này xuất phát từ thực trạng phân biệt giới trong rất nhiều hoạt động trên thực tế như trả lương, thưởng, chăm sóc và trông giữ trẻ em; khả năng tiếp cận các nguồn lực và vốn (đặc biệt là đất đai) và nhiều công việc khác như trồng trọt, chăn nuôi... Lồng ghép giới trong xây dựng, hoạch định chính sách được cho là sẽ giải quyết những bất bình đẳng này. Dẫn chứng từ ví dụ của New Zealand, chuyên gia cũng giới thiệu về các chính sách tạo bình đẳng giới trong việc đề bạt các vị trí quan trọng tại cơ quan công quyền hoặc doanh nghiệp tư nhân. Ví dụ, bất kỳ công ty nào muốn đăng ký trên Sở giao dịch chứng khoán New Zealand phải cung cấp các báo cáo về giới.

- *Giáo sư Jennifer Claire Curtin, Giáo sư về chính trị, Giám đốc Học viện Chính sách công tại Đại học Auckland với chủ đề Ngân sách có trách nhiệm giới.*

Theo ý kiến của chuyên gia, *Ngân sách có trách nhiệm giới* (Gender Responsive Budgeting - GRB) là một công cụ quan trọng giúp lồng ghép giới vào trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách nói chung. GRB sử dụng việc lồng ghép giới và phân tích tác động theo giới trong chu trình ngân sách nhằm đảm bảo tất cả các kế hoạch ngân sách đều thúc đẩy hoặc tôn trọng quyền bình đẳng giới. GRB cung cấp các công cụ đánh giá các nhu cầu khác nhau, cũng như đánh giá sự đóng góp của nam giới, phụ nữ, trẻ em trai và gái trong dự toán thu, chi và dự toán phân bổ ngân sách, đồng thời kêu gọi điều chỉnh các

chính sách liên quan đến ngân sách để tất cả các nhóm đối tượng đều được hưởng lợi.

- *Tiến sĩ Anne-Marie Goetz, Giáo sư Đại học New York và cựu cố vấn trưởng về Quản trị, Hòa bình và An ninh, Quỹ Phát triển Phụ nữ của Liên hợp quốc.*

Tiến sĩ Anne-Marie Goetz có quan điểm rằng: Lồng ghép yếu tố giới trong hệ thống pháp luật về PCTN là một xu thế cần thực hiện trong tương lai. Xuất phát từ luận điểm cho rằng, có mối tương quan nhất định giữa mức độ tham gia của phụ nữ trong các cơ quan lập pháp cao hơn sẽ giúp mức độ tham nhũng giảm đi. Theo đó, nhiều ý kiến ủng hộ cho rằng sự tham gia của phụ nữ trong các cơ quan này sẽ khiến tham nhũng được giảm thiểu do xuất phát từ đặc điểm về giới, phụ nữ sợ rủi ro hơn, có đạo đức hơn, có sự quan tâm đến cộng đồng và ít bốc đồng hơn so với nam giới.

- *Diễn giả Boris Divjak, Tổ chức Minh bạch Quốc tế Bosnia và Herzegovina.*

Chuyên gia này cho biết Bosnia và Herzegovina là những quốc gia mà phụ nữ thường bị gạt ra ngoài lề của xã hội, đồng thời cũng có tỷ lệ tham nhũng tương đối cao. Nghiên cứu trong quốc gia này chỉ ra rằng, trên thực tế, không có sự khác biệt trong cách hành xử của phụ nữ và nam giới đối với tham nhũng. Những phụ nữ được coi là "truyền thống", được hiểu là những người có trình độ học vấn thấp hơn, có năng lực thấp hơn, ít có cơ hội tiếp xúc và khẳng định mình trong công việc có xu hướng ít tham nhũng hơn những phụ nữ "không truyền thống". Tuy nhiên, những phụ nữ liên chính, làm việc trong các cơ quan chống tham nhũng và thực thi pháp luật sẵn sàng chống tham nhũng và nếu được trao quyền mạnh mẽ, họ sẽ góp phần không nhỏ trong thành tích PCTN ở quốc gia. Ở góc độ nạn nhân, không có sự khác biệt về giới trong cách nhìn nhận về tham nhũng. Theo đó, khi trở thành nạn nhân của tham nhũng, cả nam và nữ đều quyết tâm chống tham nhũng như nhau, vấn đề là ở thẩm quyền và sự trao quyền. Sự trao quyền cho phụ nữ trong công tác PCTN cần được nhìn nhận là một quá trình xuyên suốt trong tiến trình thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ, từ việc tạo cơ hội bình đẳng trong tiếp cận giáo dục tìm

kiếm việc làm, phát triển, thăng tiến và khẳng định năng lực của mình trên con đường sự nghiệp.

- *Diễn giả Jennifer Sarvary Bradford, Giám đốc chương trình, cơ quan Phòng chống ma túy và tội phạm của Liên hợp quốc với chủ đề "Giải quyết các khía cạnh giới của tham nhũng".*

Chuyên gia UNODC giới thiệu một ấn phẩm của UNODC với tựa đề "*đã đến lúc giải quyết các khía cạnh giới của tham nhũng*". Theo đó, một số kết quả của báo cáo được nêu ra cho thấy nền tảng giáo dục đóng vai trò rất quan trọng ở góc độ giới với công tác PCTN. Nghiên cứu chỉ ra rằng, việc trao quyền thực chất cho phụ nữ có thể làm giảm tham nhũng. Tuy vậy, đến nay vẫn chưa có dữ liệu cụ thể về tác động giới đối với tham nhũng. Các chính thể cần có cơ chế bảo vệ người tố cáo tham nhũng là phụ nữ. Với cách tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm, báo cáo cũng cho biết, ở một số nền kinh tế APEC nơi phụ nữ trở thành nạn nhân của tham nhũng, họ có xu hướng đấu tranh mạnh mẽ chống lại tham nhũng hơn những khu vực khác.

- *Diễn giả Leah Ambler, Trưởng bộ phận chống tham nhũng của OECD với chủ đề "Công việc của OECD về các khía cạnh của giới và tác động của tham nhũng".*

Năm 2018, Nhóm công tác chống tham nhũng của G20 đã đưa vấn đề giới vào kế hoạch hành động chống tham nhũng và cam kết nâng cao hiểu biết của Nhóm về mối liên hệ giữa giới và tham nhũng. Việc thiếu vắng các nghiên cứu thực chứng về tác động của giới với tham nhũng gây nhiều khó khăn trong việc nâng cao nhận thức và xây dựng, thực thi chính sách hiệu quả để lồng ghép giới trong PCTN. Vì vậy, đây được coi là một nội dung quan trọng, cấp thiết cần được các tổ chức quốc tế và quốc gia quan tâm trong thời gian tới. Cụ thể, để đảm bảo tính khách quan, dữ liệu đầu vào cho các nghiên cứu cần bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về vai trò của phụ nữ ở cả khía cạnh là nạn nhân và chủ thể phạm tội, người tố cáo tham nhũng, người thực thi pháp luật v.v...

- *Diễn giả Jorge Fainstein Day Gastrell,*



Quyền Giám đốc Ban Đào tạo và Xây dựng năng lực INTERPOL với chủ đề “Phụ nữ thực thi pháp luật ở khu vực ASEAN”.

Nghiên cứu về “Phụ nữ thực thi pháp luật ở khu vực ASEAN” - do INTERPOL và Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ thực hiện cho biết, trên thực tế, vẫn còn một chặng đường dài phía trước để biến bình đẳng giới trong thực thi pháp luật thành hiện thực. Trên toàn cầu, ước tính chỉ có 10% cảnh sát là nữ trong khi ở ASEAN, con số này là 6-20%. Nghiên cứu đã xác định những thực tiễn tốt khác nhau nhằm hỗ trợ phụ nữ thực thi pháp luật trong khu vực, bao gồm tuyển dụng, đào tạo, phát triển... Vẫn còn nhiều thách thức nằm ở kỳ vọng và thành kiến của xã hội đối với sự thăng tiến của phụ nữ, trong khi đó lại hoàn toàn thiếu những nghiên cứu khoa học đầy đủ về vấn đề này. Diễn giả cũng nhấn mạnh khó khăn chung của phụ nữ trong việc cân bằng giữa công việc và cuộc sống. Trong khi đó, không có cơ chế độc lập nào cho phép phụ nữ làm việc trong lĩnh vực thực thi pháp luật tố cáo về các hành vi phân biệt đối xử. Trong bối cảnh đó, INTERPOL đã xây dựng một chương trình đào tạo chuẩn hóa về bình đẳng giới và quyền con người trong bối cảnh thực thi pháp luật và cung cấp đào tạo về nhạy cảm giới cho các nhà quản lý để góp phần tăng cường số lượng phụ nữ giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý.

- Diễn giả Gaëlle Demolis, chuyên gia chương trình về Quản trị, Hòa bình và An ninh, Văn phòng Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ khu vực Châu Á và Thái Bình Dương (UN Women) với chủ đề “Phụ nữ trong các cơ quan thực thi pháp luật và chống tham nhũng”.

Diễn giả đề cập đến tình trạng tham nhũng tình dục, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để xâm phạm phụ nữ diễn ra ở một số quốc gia nhưng tỷ lệ tố cáo của phụ nữ lại không đáng kể. Số lượng đơn tố cáo thấp được cho là do phụ nữ lo sợ sự kỳ thị của xã hội và những hậu quả phát sinh từ đó. Tỷ lệ tiếp nhận và giải quyết đơn tố cáo

không đáng kể cũng khiến các nạn nhân dè dặt hơn trong tố cáo. Với sự xuất hiện của dịch Covid-19, diễn giả dự đoán rằng các vụ tham nhũng tình dục sẽ ngày càng gia tăng. Trong các tình huống khẩn cấp, phụ nữ có thể cần phải tiếp xúc với các quan chức và cảnh sát nam thường xuyên hơn. Động lực này có thể bị thay đổi nếu giới tính của những người ở các vị trí quyền lực như vậy được phân chia đồng đều hơn giữa nam và nữ. Vì vậy, tổ chức UN Women cũng đang nghiên cứu xây dựng các cẩm nang để thúc đẩy tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức của quan chức nam khi tiếp xúc với phụ nữ.

- Diễn giả Lloyd Richardson, Tổ chức Phụ nữ chống tham nhũng xuyên quốc gia (WATCH) với chủ đề “Trao quyền và tạo điều kiện cho phụ nữ đang giải quyết các vụ án tham nhũng trên toàn thế giới”.

Diễn giả giới thiệu Trung tâm điều phối quốc tế về chống tham nhũng (IACCC) và Tổ chức phụ nữ chống tham nhũng xuyên quốc gia (WATCH). WATCH là một mạng lưới quốc tế, được chủ trì bởi IACCC ở London, được thành lập bởi những phụ nữ chuyên nghiệp làm việc trong lĩnh vực chống tham nhũng. Tổ chức này ghi nhận sự đóng góp của phụ nữ và nam giới đối với các nỗ lực chống tham nhũng ở cấp độ quốc gia và quốc tế. Tuy nhiên, có thực tế rằng tỷ lệ phụ nữ không được đại diện một cách công bằng trong lĩnh vực này và thường phải đối mặt với nhiều thách thức khác nhau vì giới tính của họ.

- Diễn giả Tiến sĩ Katja Rangsvik, cố vấn phòng, chống tham nhũng, cơ quan về Tội phạm gian lận nghiêm trọng với chủ đề “Lồng ghép giới và cố vấn trong các cơ quan chống tham nhũng của APEC”.

New Zealand đã tiến hành nghiên cứu để đánh giá thực trạng lồng ghép giới và kinh nghiệm của nữ nhân viên trong các cơ quan chống tham nhũng của APEC. Bản câu hỏi khảo sát đã được 93 nữ nhân viên từ các cơ quan chống tham nhũng ở 16 nền kinh tế thành viên trả lời. Kết quả tỷ lệ cao phụ nữ đại diện ở một số đơn vị trong các cơ quan chống tham nhũng. Điều này cho thấy rằng có sự phân biệt giới tính nhất định

và điều này cần được nghiên cứu thêm. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng phụ nữ trong các cơ quan chống tham nhũng đều nhận thức được sự thiên lệch giới tính ở mức độ nhất định. Sự thiên lệch này gia tăng cùng với sự gia tăng của khoảng cách quyền lực. Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ nhận thấy sự thiên vị cao hơn so với những người được hỏi khác. Bảng câu hỏi cho thấy nhiều nền kinh tế thành viên đã được đào tạo về nhạy cảm giới để có thể giảm thiểu các định kiến.

Nhìn chung, tại Hội thảo này, các chuyên gia đã giới thiệu nhiều cách tiếp cận, mục tiêu và cả những kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu cụ thể nhằm thúc đẩy hơn nữa việc lồng ghép giới và trao quyền cho phụ nữ trong PCTN. Tuy nhiên, cũng có ý kiến phát biểu trái chiều cho rằng, mỗi liên hệ giữa giới và tham nhũng là không có cơ sở và mang tính chính trị. Theo đó, cách tiếp cận được cho phù hợp hơn là ở khía cạnh các chính phủ cần làm gì để chống tham nhũng tốt nhất, qua đó bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội, trong đó có phụ nữ. Những lập luận khác nếu có cần phải dựa trên những cơ sở khoa học, khảo sát định tính và định lượng rõ ràng hơn.

Trong bài viết này, tác giả không có điều kiện phân tích sâu về nội dung lồng ghép giới, trao quyền cho phụ nữ trong PCTN ở Việt Nam mà chỉ mong muốn khởi thảo vấn đề, đồng thời giới thiệu một số cách tiếp cận từ các chuyên gia quốc tế trong chủ đề này. Rất mong các cơ quan chức năng của Việt Nam quan tâm, nghiên cứu sâu hơn để từ đó đề ra những giải pháp phù hợp, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả PCTN ở Việt Nam. Cũng rất mong nhận được các ý kiến thảo luận, trao đổi của các chuyên gia, các đồng nghiệp quan tâm đến chủ đề này./.

Tài liệu tham khảo:

Báo cáo ngày 05/8/2021 của Đoàn công tác Thanh tra Chính phủ về kết quả Hội thảo Tăng cường lồng ghép giới và trao quyền cho phụ nữ trong phòng, chống tham nhũng, APEC-2021.



Tháng Chín

đông đầy bao nỗi nhớ...

Tháng Chín đón chào bằng một cơn mưa thu mát rượi. Sau mưa mọi vật như được tưới tắm mát lành, trong trẻo bình yên đến diệu dàng. Mẹ dưới quê điện thoại lên hồ hỏi khoe rằng những quả bưởi vườn nhà đã rậm nắng chuyển sang màu vàng nhàn nhạt, nhấm tính ít ngày nữa tới trung thu thì có thể hái vào phá cỗ cho tụi trẻ con được rồi. Tháng Chín của tôi bắt đầu từ những điều nhỏ nhất, giản dị như thế.

Tôi luôn có cảm giác nhớ rất nhớ những ngày tháng Chín quê nhà. Đó là những chuỗi ngày tuổi thơ thật đẹp, trong vắt và bình yên. Tháng Chín, mùa Thu đang độ chín, nắng dịu dịu không còn gay gắt như đợt cuối hạ. Dường như nhờ có nắng thu mà khu vườn của mẹ cũng trĩu trĩu hoa trái. Mùa Thu là thiên đường của những trái ngon, ngọt, thơm lừng. Tôi chẳng thể nào quên cây ổi cơm nơi bờ ao với ruột đỏ hồng, cơm thật mềm dẻo, ngọt thanh và đặc biệt có mùi thơm rất đã. Tôi cũng chẳng thể nào bỏ sót mấy cây hồng xiêm cạnh mé tường nhà ba trồng từ lâu lác, tán lá sum suê xòe rộng, mỗi sáng thức dậy tôi chạy thật nhanh ra gốc cây mà sờ nắn xem nó đã chín hay chưa. Nếu không “thăm, khám” thường xuyên, chậm chân thì có thể lũ chim sẽ ăn trước mắt. Còn kia là cây hồng khảnh khium, mà quả vàng chi chít, trĩu trĩu. Tôi cứ



ước giá như thời đó smartphone thông dụng như bây giờ thì tôi đã có những bức ảnh để đời tuyệt đẹp rồi. Còn cuối vườn là cây thị cao lớn, hương thơm ngọt ngào lan tỏa, bất kể đứa trẻ nào cũng mẩn mê.

Tháng Chín là chuỗi ngày tôi chờ đợi những cơn mưa vàng rớt xuống để được đi soi ếch nhái với đám bạn trong làng. Đi soi ếch là một thú vui khó cưỡng của trẻ con ở quê tôi hồi đó. Buổi tối sau khi mưa đã ngớt, chúng tôi tụ tập nơi ngã ba làng, đứa nào đứa nấy đều đã sẵn sàng với bộ đồ nghề của mình để đi soi ếch nhái. Đồ nghề gồm một chiếc giỏ mây, một chiếc đèn pin treo trên đầu và một cái vợt thật dài. Đi soi chừng hai đến ba tiếng đồng hồ là được một

giỏ đầy ứ ự. Ếch được mẹ dùng để nấu cháo, om măng, rang với lá lốt, còn nhái thì nấu cho heo, gà, ngan, vịt ăn. Thời tiết thu lạnh lạnh được ăn bát cháo ếch nóng hổi quây quần bên gia đình quả là hạnh phúc không có gì bằng. Đó cũng là khoảnh khắc khiến tôi nhớ nhất mỗi khi tháng Chín về và nghe tiếng ếch nhái râm ran. Tôi nhớ có hôm soi được nhiều ếch quá mẹ lại mang ra chợ bán, số tiền bán mẹ cho tôi bỏ hết vào con lợn nhựa màu đỏ, chờ đến đầu học kỳ hai thì mổ ra sắm sách vở, bút thước. Chỉ vậy thôi mà niềm vui cứ âm ỉ lan mãi hết tháng Chín thương yêu.

Tháng Chín có những ngày buồn quá thể khi những cơn mưa ngẫu dai dẳng từ



ngày này sang ngày khác. Mưa trắng trời, nước dâng lên mênh mông đến tận mé hiên. Những cơn mưa làm ba mẹ cực nhọc hơn. Căn bếp lại đầy áp những khói là khói, cay xè mắt mẹ mỗi khi mẹ nấu nướng. Ba thì tất bật đi ra đi vào lo cái ao cá, sợ nước tràn làm cá tôm đi mất. Tôi ngồi bên hiên nhà nghịch nước nhìn mọi người di chuyển bằng ghe, thuyền. Họ í ới gọi nhau đi chợ, đi đơm tôm, đơm cá. Bữa cơm ngày ngẫu đạm bạc chẳng có gì ngoài vài ba con cá khô rim mặn và bát muối vừng lạc mẹ chuẩn bị sẵn từ trước. Thương nhất là lúc ăn mẹ cứ luôn miệng “Mấy đứa chịu khó ăn tạm, hết mưa nhà mình sẽ ăn khác hơn”. Thi thoảng nghe tin người này người kia bị đuối nước mà lòng quặn thắt, nỗi buồn cứ thế mênh mang theo dòng nước chảy.

Tháng Chín về hết lên nỗi nhớ năm tháng tôi có nội cạnh bên. Nội tôi là một người phụ nữ đặc biệt, yêu hoa cúc vàng với một tình yêu bất tận. Nội dành một đám đất trước nhà để trồng hoa cúc vàng. Những bông hoa cúc vàng mang màu nắng thu, mang cả hương đất trời tháng Chín xanh trong dịu dàng tinh khôi. Sáng sớm nội cầm ô doa tưới nước cho hoa cúc, bắt những chú sâu trên tán lá màu xanh thẫm, và nội khe khẽ ngân lên một khúc hát. Thoảng trong khúc hát nội ngân, trong hương hoa cúc vàng bình dị là hương trầu nồng ấm. Tôi ở với nội học được tính cần mẫn, yêu cây cỏ thiên nhiên, coi chúng như những người bạn thân thiết của mình. Thật lạ, tình yêu đó, mỗi độ tháng Chín tôi lại yêu hoa cúc vàng da diết, nhớ nội xiết bao. Lúc ở phố dấu ít dấu nhiều mùa Thu đến tôi đều mua một vài nhành hoa cúc cắm ở trong phòng.

Tháng Chín về làm tôi nhớ những bước chân rộn rã, lao xao cùng đám bạn cấp sách tới trường. Ngôi trường tuổi thơ tôi học có màu ngói đỏ au, là hai dãy nhà cấp bốn nằm im lìm trên một ngọn đồi. Quãng đường băng qua cánh đồng ngạt ngào hương lúa, hương cỏ mật thơm ngát và có những bông hoa xuyên chi nở trắng tinh khôi. Đứa nào đứa nấy vui chân sáo, miệng líu lo nói về mơ ước của mình. Tiếng trống trường giục giã bàn chân tuổi nhỏ, gieo vào lòng những ước mơ khai nguyên. Lớp học vồn vện vài chục học sinh và một giáo viên nhưng sao mà đầm ấm quá đỗi. Tôi từng rơi lệ mỗi khi nhớ về năm tháng học trò đó. Nhớ bạn bè mình, nhớ từng khuôn mặt và tính cách của mỗi đứa. Năm tháng bình yên đã cùng tôi dệt nên chuỗi ngày hạnh phúc. Bây giờ tôi đã bước qua tuổi học trò hai mươi năm có lẽ, mỗi lần tháng Chín, tôi lại thêm lấm và mong ước quay lại tuổi học trò một lần trong đời.

Tháng Chín về với nỗi nhớ thật khế, nhắc nhớ một thời nghèo khó nhưng bình yên vô cùng. Dẫu có đi đâu xa vạn dặm tôi vẫn nhớ về tháng Chín quê nhà. Ở đó những điều giản dị, nhỏ nhặt, tưởng chừng dễ đi vào quên lãng nhưng lại làm cho con người tôi cảm thấy nhớ nhung và bình yên nhất. Giữa phố thị lạc lõng lòng tôi nhẹ bẫng an yên khi khắc tới tháng Chín quê nhà yêu thương!

Nguyễn Văn Chiến

MỘT NÉT THU XƯA...

Sông thu dềnh dàng con nước
Lục bình trôi ngơ ngác mắt ai nhìn
Bầy lìm kìm giặt mình quấy nước
Mái dầm khua con sóng dạt xa bờ

Bông hoa đại chiều thu nở muện
Cánh gió thì thầm trên búi tóc băng khuâng
Con đường xưa bước về xa ngái
Khói lam chiều cay mắt trẻ mênh mông

Hàng cau già buông tàu rơi rụng
Ngõ nhà quê thưa vắng những tiếng cười
Phiên vách cũ ngọn gió lùa xào xạc
Bếp lửa nghèo soi dáng mẹ thên thang

Loài chim cũ đậu trên nhánh cây mùa trước
Hót râm râm câu chuyện cánh đồng
 Gian nhà nhỏ buổi về mơ đám
Phút xao lòng nước mắt chờ qua sông...

Nguyễn Chí Ngoan





Bồi hồi

tiếng trống tựu trường

Bạn hẳn tin rằng tình hình dịch bệnh không biết khi nào mới ổn, ngày tựu trường cũng đã cận kề, nếu không được đến trường thì buồn lắm, đời giáo viên như bạn chỉ mong được đến trường, để được gặp những học trò nhỏ của mình. Nghe bạn tâm sự, thú thật lòng tôi cũng rối bời, không biết làm gì giúp bạn, chỉ biết an ủi, động viên bạn cùng mình cố gắng và đặt niềm tin dịch bệnh nhanh chóng qua đi, ngày tựu trường sẽ được diễn ra và tiếng trống gióng lên, vang từng hồi giòn giã.

Động viên bạn xong tự dưng lòng tôi dâng lên một cảm xúc bồi hồi. Tiếng trống trong ngày tựu trường là một thứ âm thanh mà mỗi lần nhắc đến tôi không khỏi xao xuyến và nhớ nhung. Tôi nhớ thuở còn là học trò trường làng, mỗi độ thu về háo hức ngày tựu trường vô cùng. Mùa Thu đẹp hơn cũng nhờ có tiếng trống trường thân thương, những buổi tựu trường biết bao nhiêu là niềm vui của tuổi học trò thơ mộng. Mùa Thu dịu dàng trong vòm lá, trong hương hoa sữa ngào ngạt, trong hương cốm dẻo thơm, trong hương thị dịu dàng và trong những chùm hoa dẻ ngát hương lấp ló hai bên lối đi tới trường. Đám học trò què quặt đi dép quai hậu với một tâm thế vui phơi phới đến trường.

Ngày tựu trường với bất cứ những ai đã, đang và từng là học trò đều là ngày quan trọng thiêng liêng nhất trong năm. Còn đó là ngày tựu trường đầu tiên của đời người, bước qua lớp Một ai cũng bỡ ngỡ, lạ lẫm thầy cô, bạn bè và cả tiếng trống với âm thanh “tùng, tùng, tùng” kia nữa. Thế rồi tiếng trống đã như một âm thanh gắn bó, quen thuộc, như một người bạn thân



thương, khăng khít. Những mùa tựu trường tiếp theo, sau ba tháng hè, học trò lại được tới trường, ríu rít như bầy chim non mà hoan ca, mà rộn ràng. Gạt bỏ những nỗi buồn nếu năm cũ học hành chưa tốt, ai ai cũng thấy dường như mình lớn hơn và chuẩn bị một tâm thế sẵn sàng cho mùa tựu trường mới. Hân hoan và chờ đợi. Lớp lớp học trò ngồi dưới tán bàng, tán phượng, nắng thu lấp lánh xen qua từng kẽ lá nghe thầy hiệu trưởng đọc bài diễn văn, xem những tiết mục văn nghệ và cuối cùng là bồi hồi nghe tiếng trống trường thân thương.

Một hồi trống dài vang lên, ngân mãi, ngân mãi trong tim những cô cậu học trò khoác trên mình chiếc áo trắng tinh khôi. Tôi vẫn còn nhớ khoảnh khắc sau khi tiếng trống vang lên, tim mình đập rộn ràng hơn bao giờ hết. Tiếng trống là sự khởi đầu, là sự thúc giục, là một dấu mốc luôn đặc biệt với tôi, nó như một bàn đạp để tôi cố gắng vươn lên trong học tập trong một năm dài đằng đẵng. Tôi tự hứa với lòng mình phải thật cố gắng, thật nỗ lực để không phụ công ơn thầy cô dịu dặt và những tần tảo cha mẹ

nuôi nấng cho đứa con được đến trường học tập. Tôi đã khóc trong mùa tựu trường cuối cùng. Một chút nuối tiếc, một chút băng khuâng khi tôi nhận ra chỉ còn một năm nữa sẽ khép lại đời học sinh của tôi.

Hôm nay, trong những ngày đầu thu, trong mùa tựu trường náo nức cận kề, trái tim tôi một lần nữa xao động, bồi hồi. Tôi nhớ, nhớ vô cùng tuổi học trò của mình cùng những ký ức xa xưa buổi tựu trường năm cũ, tiếng trống trường giục giã. Nhưng mùa tựu trường năm nay lại là lúc cả nước đang căng mình chống dịch, nhiều nơi trẻ em chưa thể đến trường để bắt đầu năm học mới. Có lẽ tiếng trống trường năm nay sẽ là tiếng trống trường thật đặc biệt khi rất nhiều tỉnh thành phải khai giảng online. Nhưng hãy tạm gác lại nỗi buồn ấy, các em nhỏ và phụ huynh hãy yên tâm tựu trường tại nhà, để cùng Chính phủ quyết tâm đẩy lùi dịch bệnh Covid-19, để chúng ta lại được sống trong sự “bình thường mới”, để học trò lại được tung tăng cắp sách đến trường. Cùng tin và hy vọng...

Mai Hoàng



Đường về làng

 **Truyện ngắn của Ngô Nữ Thùy Linh**

Xe đổ xích trước con đường nhựa. Bác tài hô lên “ai về xóm Bắc Sơn xuống nào!” Hân đang ngủ gà ngủ gật, bật dậy như cái lò xo “Cháu ạ, bác cho cháu xuống”. Hân đứng dậy, đảo dác tìm chiếc ba lô, gia tài duy nhất của cô sau ba năm rời xa ngôi làng này. Cô vói tay lên trên chỗ gác đồ, ba lô nặng trĩu, đổ ụp xuống đầu. Cô “á” lên một tiếng tỏ vẻ đau đớn. Anh phụ xe lao tới, cảm rằm “để tôi phụ cho, đàn bà

con gái lồi lồi kéo kéo, chả được tích sự gì”. Hân nhăn nhó kéo chiếc ba lô lại bên gốc cây, bốc điện thoại gọi cho bố. Chắc giờ này bố đang nghỉ trưa, thôi kệ, để bố đón, chứ nắng nôi này đi sao được với cái ba lô thù lù này. Có tiếng đầu dây trả lời chỉ trong hai tiếng tút tút:

- Con hả, về rồi phải không, ở yên đó bố xuống đón ngay.

Hân ngồi bệt xuống, nghỉ ngơi một chút. Hàng phi lao trước mặt xanh rì. Đã lâu lắm rồi, cô không được đi chăn bò,

ngồi trên mấy cành cây xanh rì làm tổ chơi trốn tìm. Hàng phi lao vẫn thẳng tắp, cứ đi đâu trở về chỉ cần bảo bác tài “cho cháu xuống xe ngay hàng phi lao” thế nào người ta cũng biết.

Bà nội bảo hàng phi lao có từ thời Pháp thuộc, cách một quãng là con sông xanh mát. Ở đó tuổi thơ Hân lặn ngụp những buổi trưa hè. Sông đổ ra đồng, tưới tiêu cho cả cánh đồng làng. Nghe nói sông được gọi tên là sông Đào bởi ngày xưa, trong cuộc kháng chiến, các anh chị bộ



đội và thanh niên xung phong đã đào nên. Chiếc cầu bắc qua sông không có lan can, tới bây giờ vẫn vững chãi. Nghe đâu là công trình của Pháp. Mấy lần đi qua sông xuống đồng, mặc dù có cầu mới rồi nhưng Hân vẫn bước qua cầu cũ, hai bên của nó bây giờ đã không còn đường đi. Phải nhảy phóc lên một cái, độ gần một mét thì qua. Hân thích cảm giác đó, kể cả cảm giác nhiều lần bất cẩn, té úm dưới sông.

Sáu tuổi Hân đã biết bơi. Hàng ngày bố đưa Hân ra trước con sông Đào, giang hai tay rộng ra, Hân vùng vẫy trong đó và cứ dần dà rồi biết bơi. Ai bảo chuẩn chuẩn cần rốn mới biết bơi, Hân không có chuẩn chuẩn cần rốn. Chỉ có vòng tay bố, đủ rộng lớn và chắc chắn để cô mạnh dạn bơi trên dòng sông Đào. Dòng sông mà mỗi năm, xóm trên xóm dưới đều có một người ra đi. Lúc trẻ con, lúc người lớn. Người ta bảo sông có Hà Bá, nên mỗi năm phải cúng nạp một người.

Bố không tin điều đó. Có nhiều đêm hè, tối muộn rồi bố vẫn lặn ngụp ì oạp dưới sông. Mát mẻ rồi mới về đi ngủ. Nhà Hân ngay cạnh mé sông, phía bên kia là cánh đồng và nghĩa địa của làng. Tối nào Hân cũng đạp xe trên con đê để đi học. Mấy người bảo Hân gan lì, một bên là sông, bên là nghĩa địa chôn cất người làng, thế mà chín mười giờ cứ đi tỉnh bơ. Hân nào dám nói cô cũng biết sợ, mỗi lần đi qua đoạn đường về nhà tim cô như muốn rút khỏi lồng ngực, cố đạp xe cho nhanh để về tới cổng nhà. Nhiều hôm khuya, bố ngồi gốc tre chờ Hân, cái bóng đen lù lù dưới ánh trăng mờ nhiều lần khiến Hân hoảng hồn. Nhưng bố chẳng bao giờ dọa Hân, bố bảo cứ đi như bình thường, ma sông không dọa thì thôi, ai sợ ma chết.

Chiếc xe tám hai đồ ịch trước mặt Hân, làm mọi suy nghĩ cắt ngang. Bố gọi với:

- Lên xe đi con, đưa ba lô bỏ bỏ đằng trước, nhanh lên về kéo nắng. Mẹ nấu sắn nổi chè đậu đen ở nhà chờ rồi.

Hân leo lên xe bố, cảm giác thân thuộc ủa về. Vẫn tấm lưng này, vẫn giọng nói này, sự quan tâm vẫn vãi, luôn khiến cô xúc động.

Còn nhớ ngày lên trường nhập học, bố cũng đèo cô trên chiếc xe này. Hai bố con riu rít suốt quãng đường dài gần sáu mươi cây số để lên thành phố. Ngôi trường Hân học là trường báo chí, Hân được học chuyên ngành báo viết, một ngôi trường khá danh giá. Hân thi dư gần hai điểm. Bố thưởng cho cô một bộ quần áo mới, một chiếc laptop và cả điện thoại. Hồi đó nhà nghèo như Hân mà có được mấy thứ như vậy lại chẳng khác gì sinh viên nhà giàu. Hân đâu biết rằng bố đã lấy tiền đền bù đất đai, bán một mảnh ruộng xã đã lấy làm dự án, và vẫn còn phải phụ thêm mấy triệu nữa. Hai năm đi học, bất cần thế nào Hân để trộm vào phòng trọ lấy mất chiếc laptop. Bao nhiêu dữ liệu, tài liệu học hành ở đó đều mất sạch. Nhưng cô đâu dám điện về cho bố. Đêm nào cũng mơ gặp ác mộng, thấy trộm rình qua cửa sổ. Hân giật mình thon thót. Nhiều đêm liền cô không dám ngủ. Bố điện hỏi thăm cô cũng chỉ ậm ừ cho bố yên tâm, tìm cách né để bố không biết chuyện. Cô lao vào làm gia sư, đăng ký đi dạy thêm để có tiền mua lại máy tính mới. Trung tâm gia sư nhiều nhan nhản, nhưng tiền cũng chẳng kiếm được là bao khi nửa lương tháng đầu phải trích lại cho trung tâm, dạy được một tháng lại có sự thay đổi học sinh. Không đủ tiền mua nước uống, xăng xe đi lại, Hân nản. Nhưng cũng chẳng còn cách nào

khác. Có hôm còn nghỉ học để đi gia sư. Cô gầy rộc và tiều tụy.

Một năm bỏ lại trường lớp, Hân cùng bố trở về quê, trồng rau, nuôi gà và tĩnh dưỡng. Không khí ở quê khiến cô bình tâm trở lại. Một năm có mẹ, có bố, có em trai đã khiến Hân vực dậy tinh thần và tiếp tục cuộc hành trình tìm cái chữ. Dân làng có đồn đoán nhiều, nhưng hầu hết không biết nguyên nhân sâu xa là gì, chỉ mang máng chuyện mất laptop của Hân. Nhưng không ai biết được chính hôm nóng ruột chạy xe hơn sáu mươi cây số vào tận phòng trọ, bố đã chứng kiến tất cả. Cảnh Hân nằm sống xoài trên sàn nhà, đau đớn nói không nên lời. Cửa sổ phòng khép hờ. Tên khốn kiếp đã biến đi đâu mất. Chuyện chỉ có bố và Hân biết...

Trăng mười sáu sáng vàng vạc. Hân ngồi trên bờ đê lộng gió. Nước sóng sánh ánh trăng. Mùa hè là thời điểm quê Hân đang vào vụ cấy. Bố mẹ cũng theo bà con ra ruộng. Hân ở nhà, coi lại bài vở và chuẩn bị bữa khuya cho cả nhà. Ban ngày nắng cháy da, chỉ có đêm trăng thanh mát, bà con lại riu rít trên ruộng đồng. Trâu bò hăng hái làm việc. Tiếng giục trâu, tiếng họ bò vang xa. Những bờ ruộng lấp lánh ánh trăng. Hân chạy vào nhà, lấy chiếc đèn pin đội đầu đi ra phía trước nhà mò cua. Mùi bùn đất mới, nước ngập đến tận đầu gối, mát lạnh. Những con cua bò lổm ngổm trên mặt ruộng. Hân đưa tay nhặt cho vào giỏ. Cũng được bữa canh cho ngày mai.

Ruộng đồng hai năm nay lúa không phát triển được. Năm nay xã cho gieo giống mới, nghe nói là cao sản, sản lượng tốt và chất lượng gạo ngon. Bà con hí hửng nhận giống về. Bao năm duy trì giống



Tạp Lai và Khang Dân, một giống cho lúa nhiều, hạt to, mẩy và năng suất cao, một giống thì cho hạt gạo khô, trồng đất nào cũng phát triển được, kể cả bị hạn. Thế nên bao năm dân làng không chuyển đổi giống. Nhà Hân cũng vậy, lúa gạo đủ để cả gia đình ăn, lâu lâu bán bớt lấy tiền nộp học. Nhưng để có gạo ngon xuất khẩu thì quê Hân chưa có, mặc dù luôn luôn có câu *“Yên Thành là mẹ là cha, đói cơm rách áo thì ra Yên Thành”*. Đó là câu bà con vẫn hay nói với nhau bởi vùng đất quê Hân vốn dĩ chuyên canh cây lúa.

Một năm nghỉ học, đối với mọi người đó là khoảng thời gian u ám và buồn thảm nhất. Với Hân cũng thế. Những ngày đầu, bức bách, khó chịu. Nhớ trường, nhớ bạn cứ nôn nao ập đến. Đang vui vẻ cùng bạn bè nơi giảng đường nay phải ngồi thu lu một góc, nếm trải cảm giác cô đơn là điều kinh khủng nhất.

Bố mẹ kéo Hân ra khỏi vùng u tối bằng việc tâm sự với cô về một dự án trồng cây nông nghiệp trên đất ruộng. Xưa nay lúa vốn là cây chủ lực, nhưng thời tiết thay đổi, nhu cầu của người dân cũng khác. Không cứ có cơm ăn no là được. Bây giờ người ta ăn phải ngon, mặc phải đẹp. Thế nên trước tiên muốn làm nông nghiệp cũng cần bám vào nhu cầu thiết yếu của người dân. Cả nhà tham gia vào dự án trồng dưa lê. Với đặc tính đất thịt, tơi, nước quanh năm có dòng sông đào nên khả năng giống dưa sẽ phát triển được. Ngày theo bố đi chọn giống, tìm hiểu cách trồng, chăm bón, Hân tự kéo mình ra khỏi nỗi buồn. Hai bố con hì hụi giữa nắng hè chói chang. Làn da thư sinh trắng trẻo ngày nào, đỏ ửng lên rồi chuyển màu. Mặc kệ, tự nhiên Hân thấy cuộc sống bình an ở quê cũng vui lạ.

Dưa bò trên luống đất, từ từ đơm bông. Những nụ hoa trắng tinh, bò khắp mặt ruộng. Hai bố con đứng trên bờ sông

nhìn qua, lòng mừng vui khắp khởi. Tối lúc thu hoạch kiểu gì cũng có mấy trái ngon ngọt thưởng thức. Hân mơ màng nghĩ đến viễn cảnh cả nhà tấp nập bên xe cày, bốc dưa lên rồi chuyển qua chợ bán.

Đôi khi người ta nghĩ thế nhưng không được như thế. Công lao của cả nhà, mấy tháng đầu đổ sông đổ bể. Dưa quá rộp lá, do bón nhiều phân nên đậu quả rất ít. Cả nhà chia nhau ăn được ít, rồi biếu bên nội, ngoại mấy trái, hàng xóm mấy trái, là hết, chẳng còn để bán. Thua lỗ, bố buồn rầu ngồi bên gốc tre, tính toán làm vụ mới. Thua keo này ta bày keo khác, bố lại vẽ vai Hân, như thể hai người đàn ông trưởng thành, biết chấp nhận thất bại và lấy đó làm bài học để đứng lên.

Thế rồi bố bảo, con học báo chí thì việc của con là cầm bút, tạo nên những bài viết hay, có sức lôi cuốn. Bây giờ, sinh viên ra trường rất nhiều người tự nguyện về quê làm nông nghiệp, làm giàu trên chính mảnh đất của mình. Ngòi viết của con chính là phản ánh tấm gương, nghị lực phấn đấu vươn lên làm giàu của nông dân mình. Có thể sau này, nghề tay trái của con là kĩ sư nông nghiệp thì sao.

Hân nghe lòng mình rộn ràng. Ừ nhỉ, thế mà bao lâu này, chôn vùi trong những kí ức nhạt nhòa, cô quên rằng mảnh đất này chính là tư liệu để viết, để đầu tư nông nghiệp, đầu tư chất xám cho những dự án dài hơi.

Không khí xây dựng nông thôn mới ở quê rộn ràng. Người ta thi nhau trồng hoa, cây cảnh, làm sạch đường làng ngõ xóm. Bộ mặt nông thôn khác hoàn toàn. Chỉ cách đây vài năm, khi bước chân về làng, đường sinh, nhão nhoét. Tết nhất đến nơi bà con lội bùn, đất bắn tận đầu. Nhưng bây giờ đường bê tông vào tận ngõ. Bóng đèn sáng trưng. Bố mẹ cũng mừng vì làng thay da đổi thịt.

Cũng đúng lúc có dự án chuyển nghĩa địa sang khu vực khác. Cán bộ xã, cán bộ xóm bàn phương án di dời nhưng chưa được sự thống nhất. Các cụ trong làng bảo, xưa xưa xưa xưa ông bà tổ tiên chết chôn ở đó hết. Giờ dự án gì mới, tự nhiên bốc mồ bốc mả đi, liệu có ổn không. Sống cũng nên có tổ có tiên, ai đời hốt đi ông bà về quở chết. Trong khi cán bộ xã thì lại bảo chỗ đất đó không hợp vệ sinh vì nước chảy vào một số khu vực giếng ăn uống của các hộ dân. Nhà Hân gần ở đó, dĩ nhiên phương án di dời, bố mẹ và mọi người trong nhà đồng ý ngay.

Nông thôn mới mà, đã là cái mới thì cần thay đổi những cái cũ, lỗi thời và lạc hậu. Chứ không phải làm mới bề mặt mà trong tâm mỗi người đều có những quan niệm cũ. Làng vẫn là làng. Vẫn hàng phi lao xanh mát đón những người con xa quê mỗi khi trở về. Bộ mặt nông thôn mới là khang trang, sạch đẹp và có công lao đóng góp của những người con xa xứ. Hân cũng muốn một ngày được trở về nơi đây, đóng góp sức nhỏ bé của mình cho công cuộc đổi mới này.

Những ngày còn lại ở quê, Hân chăm chú vào viết bài và công tác tuyên truyền. Rồi tự nguyện lên loa phát thanh xã, đọc tin tuyên truyền về nông thôn mới. Những chủ trương mới của Đảng, Nhà nước và phương án khả thi cho công cuộc xây dựng nông thôn mình. Tiếng cô thanh thanh, lảnh lót trên loa. Mấy người làm đồng thích thú nghe từ sáng tới chiều, dọc đường đi làm về.

Thế là phương án di dời nghĩa địa được phê duyệt. Hân sung sướng, cảm giác như được góp công sức nhỏ bé của mình vào sự đổi thay của làng. Rồi cô sẽ vác ba lô lên đường và trở lại cuộc hành trình tìm con chữ. Nhưng có lẽ, đối với Hân bây giờ, đường về làng sao gần gũi, thân quen quá đỗi./.



Nội dung cơ bản của Thông tư số 14/2021/TT-BGDĐT về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Ngày 20/5/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Thông tư số 14/2021/TT-BGDĐT (Thông tư 14) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2013/TT-BGDĐT ngày 18/12/2013 (Thông tư 40) quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại (KN), giải quyết tố cáo (TC).

Sửa đổi quy định về trách nhiệm của Thanh tra Bộ GDĐT

Liên quan đến trách nhiệm của Thanh tra Bộ GDĐT, trước đây theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư 40, Thanh tra Bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng xác minh, kết luận nội dung và kiến nghị biện pháp xử lý đối với các KNTC liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của nhiều đơn vị chức năng thuộc Bộ hoặc KNTC phức tạp khi được giao. Tuy nhiên, Thông tư 14 đã sửa đổi quy định này, theo đó, Thanh tra Bộ GDĐT chỉ có trách nhiệm chủ trì giúp Bộ trưởng giải quyết các vụ việc KNTC trong phạm vi liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước thuộc chức năng của Bộ GDĐT.

Về xử lý đơn, nếu Thông tư 40 quy định, khi nhận được đơn của công dân gửi đến thì người đứng đầu đơn vị chức năng thuộc Bộ, người đứng đầu đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm xem xét và xử lý đơn KN, đơn TC, đơn có nội dung KN, nội dung TC thuộc thẩm quyền thì Thông tư 14 sửa đổi như sau: Đơn KN, đơn TC, đơn có nội dung KN, nội dung TC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng thì chuyển Thanh tra



Ngành Giáo dục đang đốc thúc chuẩn bị cho một năm học mới trong diễn biến phức tạp của dịch Covid-19.
Ảnh: Nguồn internet

để chủ trì thực hiện theo quy định.

Đối với đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục trưởng, người đứng đầu đơn vị trực thuộc Bộ GDĐT thì Cục trưởng, người đứng đầu đơn vị trực thuộc Bộ GDĐT giải quyết theo thẩm quyền.

Đơn kiến nghị, phản ánh; đơn ghi là KNTC nhưng có nội dung kiến nghị, phản ánh liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị nào thì người đứng đầu đơn vị đó xem xét, giải quyết và trả lời công dân.

Đối với đơn KNTC, kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền thì hướng dẫn công dân gửi đơn đến nơi có thẩm quyền giải quyết hoặc chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Thẩm quyền giải quyết TC của Bộ trưởng Bộ GDĐT

Thông tư 14 sửa đổi, bổ sung khoản 1

Điều 11 Thông tư 40, theo đó, thẩm quyền giải quyết TC của Bộ trưởng Bộ GDĐT được quy định như sau:

- Giải quyết TC hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân có nội dung liên quan đến thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ GDĐT trừ trường hợp đã được phân cấp quản lý hoặc pháp luật có quy định khác;

- Giải quyết TC hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cơ quan, tổ chức do mình quản lý trực tiếp;

- Giải quyết TC hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị chức năng thuộc Bộ và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ không phải cơ sở giáo dục đại học; của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ là cơ sở giáo dục đại học và



các chức danh trong doanh nghiệp trực thuộc Bộ gồm: Chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, chủ tịch công ty, kiểm soát viên và công chức, viên chức Bộ trưởng Bộ GDĐT bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

- Giải quyết TC hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của chủ tịch hội đồng đại học vùng, chủ tịch hội đồng trường đại học và học viện trực thuộc Bộ GDĐT theo quy định của pháp luật.

Các quy định liên quan thẩm quyền giải quyết TC của Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng, người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ vẫn được giữ nguyên. Theo đó, Chánh Thanh tra Bộ giải quyết TC hành vi vi phạm pháp luật của thanh tra viên, công chức thanh tra và thành viên đoàn thanh tra do mình quyết định thành lập. Cục trưởng giải quyết TC đối với hành vi vi phạm pháp luật về giáo dục trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ giải quyết TC đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức, người lao động do mình tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý trực tiếp, hoặc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Ngoài ra, để phù hợp với nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết TC quy định tại Điều 12 và quy định về thẩm quyền giải quyết TC hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tại Điều 18 Luật TC năm 2018, Thông tư 14 đã bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 11 Thông tư 40 như sau: Giám đốc đại học vùng xác định và quy định cụ thể đối tượng, thẩm quyền giải quyết TC hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ đối với phó giám đốc đại học vùng, thành viên hội đồng đại học vùng; đối với người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu, chủ tịch hội đồng trường, thành viên hội đồng trường của trường đại học thành viên và các cá nhân, tổ chức, đơn vị trong đại học vùng, đơn vị



TS. Nguyễn Đức Cường, Chánh Thanh tra Bộ GD&ĐT kiểm tra công tác thi tại điểm thi trường THPT Sơn Động số 1, tháng 9/2020. Ảnh: Đăng Chung, Báo Giáo dục và Thời đại

thành viên để thực hiện thống nhất trong đại học vùng theo quy định. Đồng thời, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ GDĐT xác định và quy định cụ thể đối tượng, thẩm quyền giải quyết TC hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ đối với cấp phó người đứng đầu, thành viên hội đồng trường và các cá nhân, tổ chức, đơn vị trong cơ sở giáo dục đại học mình để thực hiện theo quy định.

Về trách nhiệm tham mưu, giải quyết KNTC của người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ GDĐT

Liên quan đến các nội dung này, Thông tư 14 sửa đổi, bổ sung Điều 9, Điều 12 Thông tư 40 theo hướng: Người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ GDĐT có trách nhiệm tham mưu, giải quyết KN đồng thời cũng là người có trách nhiệm tham mưu, giải quyết TC. Cụ thể:

Vụ trưởng, Chánh Văn phòng có trách nhiệm tham mưu, giải quyết đơn KN thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, đơn TC hành vi vi phạm pháp luật, mà nội dung liên quan đến trách nhiệm thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm cử công chức phối hợp với Thanh tra tham gia tất cả các giai đoạn

của quy trình giải quyết KNTC và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quyết định giải quyết KN, kết luận nội dung TC; trả lời các văn bản do Thanh tra gửi lấy ý kiến trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị đối với nội dung lấy ý kiến về điều kiện thụ lý đơn KNTC; trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị đối với nội dung lấy ý kiến về kết quả xác minh và dự thảo quyết định giải quyết KN, dự thảo kết luận nội dung TC.

Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về thời hạn trả lời và ý kiến chuyên môn xác định điều kiện thụ lý đơn KNTC; về nội dung quyết định giải quyết KN, kết luận liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị khi có văn bản lấy ý kiến của Thanh tra; việc theo dõi, đôn đốc thực hiện quyết định giải quyết KN, kết luận nội dung TC liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sau khi quyết định giải quyết KN, kết luận nội dung TC được ban hành.

Bên cạnh việc thực hiện các quy định nêu trên, Cục trưởng có trách nhiệm thụ lý, giải quyết đơn KNTC thuộc thẩm quyền, theo quy định tại Thông tư này và theo quy định về phân cấp quản lý hiện hành.



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Chánh Thanh tra chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ GDĐT để tham mưu, đề xuất giải quyết KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng; chịu trách nhiệm về việc giải quyết KNTC đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về KNTC; tổng hợp báo cáo kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quyết định giải quyết KN, kết luận nội dung TC.

Đặc biệt, Chánh Thanh tra có trách nhiệm thụ lý, xác minh nội dung TC, kết luận nội dung TC, xử lý kết luận nội dung TC theo thẩm quyền; chủ trì xem xét các kết luận nội dung TC mà người đứng đầu các đơn vị chức năng thuộc Bộ và đơn vị trực thuộc Bộ GDĐT đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết TC có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Bộ trưởng xem xét, giải quyết lại.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/7/2021. Các vụ việc KNTC đang được giải quyết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì các đơn vị tiếp tục giải quyết theo quy định tại Thông tư số 40 của Bộ trưởng Bộ GDĐT./

K. Dung

“Liên thông 4 cấp chính quyền”



Phát triển Chính phủ điện tử ở Việt Nam là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển. Ảnh minh họa: Tạp chí Tài chính

* **Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030**

Ngày 02/9/2021, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh kí ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Chỉ thị nêu rõ, công tác cải cách hành chính thời gian qua đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cũng cho thấy, công tác cải cách hành chính ở một số ngành, lĩnh vực, địa phương còn chậm, kết quả chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Do đó, để đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình tổng thể một cách đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị một số nội dung như sau:

- Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển; lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

- Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tổng thể và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được giao; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá nghiêm túc, trung thực, khách quan kết quả thực hiện cải cách hành chính; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, xác định rõ trách nhiệm của từng



cá nhân, tổ chức trong triển khai từng nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của cơ quan thường trực cải cách hành chính của Chính phủ, của các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính trong Chương trình tổng thể. Thực hiện cơ chế phân công, phối hợp rõ ràng, cụ thể, rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai các nội dung cải cách hành chính để bảo đảm Chương trình tổng thể được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

- Tập trung triển khai có hiệu quả và hoàn thành những nhiệm vụ quan trọng đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đặc biệt quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, xuyên suốt trong thời gian qua như: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khơi thông nguồn lực, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi; triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính một cách quyết liệt, thực chất, hiệu quả hơn; khẩn trương hoàn thành việc rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn về xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo quy định của Chính phủ; ưu tiên nguồn lực, tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo lộ trình...

Bên cạnh đó, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan được Chính phủ phân công chủ trì xây dựng các đề án về cải cách hành chính quy mô quốc gia tại Chương trình tổng thể khẩn trương triển khai nghiên cứu, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan để xây dựng và phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các đề án, bảo đảm tiến độ và chất lượng

theo quy định; bố trí đủ nguồn lực để tổ chức triển khai có hiệu quả các đề án sau khi được phê duyệt.

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Chỉ thị này, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Chỉ thị cũng ban hành kèm theo phụ lục một số nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm trong năm 2021 và những năm tiếp theo, trong đó tập trung vào: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

*** Tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ ngành giao thông vận tải**

Ngày 31/8/2021, Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải (GTVT) Nguyễn Văn Thể đã ký

ban hành Chỉ thị số 07/CT-BGTVT về việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ ngành GTVT.

Chỉ thị nhấn mạnh, trong những năm gần đây, Ban Cán sự Đảng, Đảng ủy Bộ, Bộ trưởng Bộ GTVT đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ và xử lý nghiêm các vi phạm tham nhũng, tiêu cực trong các lĩnh vực hoạt động của ngành. Đến nay, công tác phòng chống tham nhũng (PCTN) của Bộ GTVT đã đạt được những kết quả tích cực; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cơ bản chuyển biến tốt trong nhận thức, nâng cao trách nhiệm, kỷ cương, liêm chính trong thực thi công vụ.

Tuy nhiên, vừa qua vẫn còn xảy ra một số vụ việc tiêu cực, tham nhũng, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín và nỗ lực, cố gắng của ngành GTVT trong công tác PCTN. Để chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế, chủ động phòng ngừa vi phạm, tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ, Bộ trưởng Bộ GTVT yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ tập trung chỉ đạo và khẩn trương triển khai các nội dung sau:



Thanh tra Sở Giao thông Hà Nội kiểm tra, tuyên truyền Luật An toàn giao thông. Ảnh minh họa: Internet



(1) Nêu cao vai trò cấp ủy Đảng, vai trò người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; quyết liệt hơn nữa trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Bộ GTVT, Bộ trưởng Bộ GTVT về công tác phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng; thực hiện nghiêm Công điện số 724/CD-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ;

(2) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong ngành GTVT về phòng, chống tiêu cực, tham nhũng. Quán triệt sâu sắc quan điểm hành động của Chính phủ trong tháo gỡ khó khăn và thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với ngành GTVT;

(3) Tập trung thực hiện một số giải pháp như:

- Thực hiện có hiệu quả chương trình cải cách hành chính; đẩy nhanh tiến độ xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; quyết liệt trong phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số của Bộ GTVT, hình thành phương thức quản

lý, điều hành dựa trên dữ liệu số nhằm giảm thiểu nguy cơ phát sinh tiêu cực, tham nhũng trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan tới người dân, doanh nghiệp;

- Thực hiện đầy đủ các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị. Xây dựng cơ chế giám sát trong nội bộ chặt chẽ, thường xuyên, liên tục gắn với trách nhiệm người đứng đầu để kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm, tiêu cực, tham nhũng đặc biệt là các vị trí công tác có yếu tố nhạy cảm cao, trực tiếp tiếp xúc với người dân và doanh nghiệp. Thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo đúng quy định.

- Người đứng đầu đơn vị phải thường xuyên theo dõi, nắm bắt đầy đủ thông tin, dư luận, phản ánh về sai phạm, vi phạm kỷ luật, kỷ cương, tiêu cực, tham nhũng trong thực thi công vụ của đơn vị và chủ động rà soát, làm rõ để có các biện pháp ngăn chặn kịp thời.

- Thực hiện theo tinh thần “*không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai*” trong việc xử lý nghiêm cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà người dân, doanh nghiệp khi thực thi công vụ và trách nhiệm của người đứng đầu trực tiếp của đơn vị có người vi phạm.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong thực thi công vụ, thực hiện các quy định của pháp luật về công tác phòng chống tiêu cực, tham nhũng; việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính, tài sản công, quản lý đầu tư xây dựng, trọng tâm là các công trình quan trọng quốc gia (các dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc, các cảng hàng không trọng điểm...); thực hiện dịch vụ công, thủ tục hành chính liên quan đến các lĩnh vực giao thông vận tải, đặc biệt là những lĩnh vực trực tiếp tiếp xúc với người dân và doanh nghiệp. Trong đó chú trọng việc tổ chức kiểm tra ngay từ những bước đầu để tăng tính phòng ngừa đặc biệt là đối với các dự án trọng điểm của ngành.

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cải tiến lề lối làm việc, không được gây khó khăn, phiền hà, vòi vĩnh, kéo dài thời gian xử lý công việc, không thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc của người dân và doanh nghiệp. Tích cực nghiên cứu quy định pháp luật về PCTN, chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương của cơ quan, đơn vị.

Bộ trưởng Bộ GTVT giao Thanh tra Bộ xây dựng kế hoạch thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm; phát hiện, tham mưu chấn chỉnh, kịp thời phòng ngừa và từng bước ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng./.

Đỗ Quyền



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet



Kinh nghiệm quốc tế

VỀ BẢO VỆ NGƯỜI TỔ GIÁC HÀNH VI CÓ DẤU HIỆU THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ TIÊU CỰC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

 Ths. Ngô Thu Trang

Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Vai trò của tổ giám ngày càng được ghi nhận rộng rãi trong việc phát hiện các hành vi sai trái, vi phạm pháp luật, đặc biệt là các hành vi tham nhũng. Thừa nhận tầm quan trọng của tổ giám và bảo vệ người tố giác, một số văn kiện quốc tế về

tham nhũng đã đưa ra vấn đề này “như là một phần khuôn khổ chống tham nhũng hiệu quả”.⁽¹⁾

Ở cấp độ quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) đặt ra những yêu cầu quan trọng để bảo vệ người tố giác: “Mỗi quốc gia thành viên xem xét kết hợp quy định các biện pháp thích hợp trong hệ thống pháp luật quốc gia để bảo

vệ trước những đối xử bất công với người nào tố giác thiện ý và dựa trên những căn cứ hợp lý với cơ quan có thẩm quyền về bất cứ sự việc nào có liên quan đến các tội phạm quy định theo Công ước này” (Điều 33). Điều 33 của UNCAC là nền tảng để cho các quốc gia tham gia ký kết xây dựng các quy định pháp luật thích ứng về vấn đề bảo vệ người tố giác. Ở cấp độ châu



lục, quy định bảo vệ người tố giác cũng được tìm thấy trong các công ước về chống tham nhũng: Công ước chống tham nhũng của Tổ chức các nước Châu Mỹ, Công ước Luật Dân sự về chống tham nhũng và Công ước Luật Hình sự về chống tham nhũng của Hội đồng Châu Âu, Công ước Phòng và chống tham nhũng của Liên minh Châu Phi, Nghị định thư của các nước Nam Phi. Cũng như UNCAC, các văn kiện nêu trên thông qua sự nhất trí các quốc gia thành viên trong phạm vi thể chế, hiến pháp và các nguyên tắc cơ bản hệ thống pháp luật của mình xem xét áp dụng các biện pháp tạo ra, duy trì và tăng cường hệ thống bảo vệ công chức, người lao động và công dân tố giác thiện ý các hành vi tội phạm, tham nhũng mà không sợ bị trả thù.

Đặc biệt hơn, khuôn khổ pháp luật về tố giác và bảo vệ người tố giác được thể hiện khá chi tiết và toàn diện trong các khuyến nghị hướng dẫn các nguyên tắc, các thông lệ tốt của các tổ chức quốc tế như: Những nguyên tắc quốc tế về pháp luật tố giác, thông lệ tốt nhất cho pháp luật bảo vệ người tố giác và khuyến khích tố giác vì lợi ích công của TI; Khuyến nghị CM/Rec (2014) của Hội đồng Châu Âu về bảo vệ người tố giác; Hướng dẫn tố giác của Ủy ban Châu Âu; Hướng dẫn quản lý xung đột lợi ích trong dịch vụ công 2003; Khuyến nghị về việc tăng cường chống hối lộ các quan chức công quyền nước ngoài trong các giao dịch kinh doanh quốc tế năm 2009 (Khuyến nghị chống hối lộ); Khuyến nghị về nâng cao đạo đức ứng xử trong nền công vụ năm 1998 của OECD. Về cơ bản, các khuyến nghị đưa ra các nguyên tắc, hướng dẫn xây dựng khung pháp lý cần thiết cho các quốc gia thành viên để từ đó căn cứ vào bối cảnh cụ thể điều chỉnh cho phù hợp với thể chế chính trị, điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa của quốc gia mình. Tổ chức các nước Châu Mỹ còn đưa ra Luật mẫu (Model Law) tạo điều kiện thuận lợi và

khuyến khích tố giác hành vi tham nhũng, bảo vệ người tố giác và nhân chứng.

Ở phạm vi quốc gia, xuất phát từ những đòi hỏi thực tiễn của từng quốc gia và những yêu cầu của các văn kiện nêu trên, luật tố giác đang trở nên thông dụng hơn, khoảng 30 nước trên thế giới đã thông qua các luật về tố giác dưới dạng này hay dạng khác, nhiều quốc gia khác đã thông qua các biện pháp bảo vệ có giới hạn ở các lĩnh vực khác nhau. Quy định trong các văn bản pháp luật của từng quốc gia và các yêu cầu trong các văn kiện pháp lý quốc tế đã tạo nền tảng pháp lý hay khuôn khổ pháp luật về bảo vệ người tố giác.

Mối liên hệ giữa bảo vệ người tố giác và phòng, chống tham nhũng

Việc bảo vệ người tố giác là tất yếu để khuyến khích việc tố giác các hành vi sai phạm, gian lận và tham nhũng. Nguy cơ tham nhũng tăng cao đáng kể ở những nơi mà người tố giác về hành vi sai phạm không được bảo vệ, hỗ trợ. Việc bảo vệ người tố giác được áp dụng cả ở khu vực tư và khu vực công đặc biệt các trường hợp liên quan đến hối lộ. Trong thời gian qua, các công cụ quốc tế nhắm tới việc đấu tranh chống tham nhũng đã nhận thức được sự quan trọng của cơ chế bảo vệ người tố giác như một trong những yếu tố cấu thành một khuôn khổ chống tham nhũng hiệu quả. Những yêu cầu về việc bảo vệ người tố giác đã được đưa ra trong Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng, sự khuyến nghị của OECD năm 2009 của Hội đồng về việc đấu tranh chống hối lộ của nhân viên ngoại giao công trong sự chuyển đổi kinh tế quốc tế, Khuyến nghị của OECD năm 1998 về cải thiện quy tắc đạo đức trong dịch vụ công, Hội đồng dân sự Châu Âu và Công ước Luật Hình sự về tham nhũng...

Người chống tham nhũng nói chung và người tố giác các hành vi tham nhũng nói riêng thường đứng trước nhiều mối đe dọa,

chịu sức ép trả thù hay trả thù... Vì vậy, để phòng, chống tham nhũng hiệu quả, việc bảo vệ an toàn cho người tố giác tham nhũng nhằm khuyến khích người dân tham gia phát hiện, tố cáo các hành vi tham nhũng là yêu cầu bức thiết. Bà Monika Bickerts - Cố vấn pháp lý của Đại sứ quán Mỹ tại Bangkok (Thái Lan), người đã 11 năm là công tố viên liên bang ở Chicago (Mỹ) - đưa ra hai hình ảnh để khuyến khích người tố giác tham nhũng. Theo bà, cần có “cái khiên” - tức các công cụ bảo vệ người tố giác và “thanh kiếm” - là các quy định của pháp luật và các cơ chế khác để khuyến khích người tố giác.

Phạm vi chủ thể được bảo vệ

Luật pháp các nước quy định không giống nhau về phạm vi bảo vệ người tố giác. Hiện nay, đa số các luật bảo vệ người tố giác không mở rộng ra khu vực tư, một số quốc gia G20 như Nhật, Hàn, Nam Phi và Anh có những đạo luật riêng về bảo vệ người tố giác và quy định này được áp dụng ở cả khu vực công và khu vực tư. Ví dụ như Luật Dịch vụ công của Úc đã quy định về bảo vệ người tố giác bao gồm cả những nhà thầu bên ngoài. Tương tự như vậy, ở Anh sự tiết lộ của nhà thầu cũng được bảo vệ. Có một cách tiếp cận phạm vi rộng hơn đó là nguyên tắc *không có kẻ hở*. Nguyên tắc này mở rộng sự bảo vệ đến cả những người xin việc, người thất nghiệp... Ở một số nước Châu Âu, Luật Lao động quy định bảo vệ người lao động để họ không bị sa thải một cách bất công, đồng thời các quy định hành chính và luật hình sự cũng yêu cầu thực thi quyền tố giác về những hành vi sai trái. Tuy nhiên, việc quy định cơ chế bảo vệ người tố giác trong Luật Lao động cũng có ý nghĩa là chỉ những người lao động trong khu vực kinh tế chính thức mới được bảo vệ hoặc đền bù khi bị trả thù. Các nhà tư vấn, nhà thầu, các bên thứ ba, nhà cung ứng và các cá nhân khác nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Luật này. Một số luật bảo vệ



người tố giác không áp dụng trong phạm vi hoạt động tình báo, quân sự. Ở một số quốc gia, người lao động ở khu vực công làm việc trong các khu vực nhạy cảm có thể áp dụng quy phạm pháp luật đặc biệt về bảo vệ người tố giác như Luật Bảo vệ người tố giác trong lĩnh vực tình báo.

Đặc điểm về bảo vệ người tố giác

Thứ nhất, bảo mật danh tính

Để bảo vệ người tố giác khỏi sự trả thù của người bị tố giác, hầu hết các luật tố giác quy định bảo vệ danh tính của người tố giác, trừ khi người tố giác đồng ý tiết lộ. Pháp luật Mỹ nghiêm cấm việc tiết lộ danh tính của người tố giác mà không có sự đồng ý, trừ trường hợp xác định rằng việc tiết lộ danh tính của cá nhân là cần thiết vì một mối nguy hiểm sẽ xảy ra đối với sức khỏe hoặc an toàn công cộng hoặc sẽ vi phạm luật hình sự. Một số quốc gia cũng đặt ra các hình phạt đối với việc tiết lộ danh tính của người tố giác. Ví dụ, Ấn Độ quy định hình phạt tù hoặc phạt hành chính đối với hành vi tiết lộ danh tính của người tố giác. Mặc dù, ẩn danh là một phương thức để tạo động lực cho người tố giác thực hiện việc tố giác các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức nhưng một số luật bảo vệ người tố giác không cho phép nặc danh. Những trở ngại khác trong việc bảo vệ người tố giác nặc danh cũng có thể ở khía cạnh văn hóa ở các quốc gia bởi vì trong một vài trường hợp, người tố giác được nhìn nhận dưới góc độ tiêu cực.

Thứ hai, về miễn trách nhiệm hình sự đối với người tố giác thông tin

Khi xây dựng pháp luật bảo vệ người tố giác, một số nước đã miễn trách nhiệm hình sự đối với người tố giác, hoặc chỉ có thể bảo vệ người tố giác nếu tiết lộ thông tin qua một kênh quy định. Pháp luật Malaysia và Singapore đều quy định miễn các chế tài dân sự, hình sự hay hành chính cho người cung cấp thông tin nếu thông tin tố giác có dụng ý tốt. Tại Hàn Quốc, Luật Bảo

vệ người tố giác quy định nếu việc tố giác vì lợi ích công mà dẫn đến một hành vi phạm tội thì hình phạt sẽ được giảm nhẹ hoặc tha thứ; trong trường hợp người tố giác chịu các biện pháp kỷ luật đối với hành vi bất hợp pháp của mình phát sinh từ việc tố giác, Ủy ban Chống tham nhũng và nhân quyền có thể đề nghị cơ quan kỷ luật có liên quan để giảm nhẹ hoặc tha bổng.

Thứ ba, bảo vệ quyền lợi vật chất

Pháp luật các nước thường tập trung bảo vệ chống lại hành động phân biệt đối xử và trả thù cá nhân người tố giác. Theo luật pháp của Hàn Quốc, khi người tố giác bị hoặc dự đoán là sẽ bị bất lợi về mặt thân phận, bị phân biệt đối xử về điều kiện làm việc vì lý do đã tố giác hoặc bị mất lợi ích về kinh tế thì sẽ được phục hồi như cũ. Người không thực hiện yêu cầu về việc phục hồi cho người tố giác có thể bị phạt tù dưới 1 năm hoặc phạt tiền dưới 10 triệu Won. Tại Pháp, Luật Đấu tranh chống tham nhũng đưa ra các biện pháp bảo vệ việc làm ở phạm vi rộng cho người tố giác bao gồm cả việc kỷ luật trực tiếp hoặc gián tiếp, sa thải hoặc phân biệt đối xử, đặc biệt liên quan đến thù lao, đào tạo, thăng tiến nghề nghiệp, chuyển chuyển hoặc gia hạn hợp đồng, cũng như không tuyển dụng hoặc tiếp nhận vào thực tập...

Thứ tư, giảm nghĩa vụ chứng minh

Luật Bảo vệ người tố giác có thể làm giảm nghĩa vụ chứng minh cho người tố giác, theo đó, người sử dụng lao động phải chứng minh rằng hành vi thực hiện đối với người lao động là không liên quan đến việc tố giác. Điều này là để đáp ứng với những khó khăn mà người lao động có thể phải đối mặt trong việc chứng minh rằng trả thù là một kết quả của việc tiết lộ, đặc biệt là nhiều hình thức trả thù có thể rất tinh vi. Luật Bảo vệ người tố giác của Nam Phi (PDA) quy định: “Bất kỳ sa thải vi phạm Luật được coi là một sa thải không công bằng”. Ở Anh, trách nhiệm đưa ra bằng

chứng phụ thuộc vào thời gian làm việc của người lao động. Nếu người lao động đã làm việc hơn một năm, thì người chủ lao động phải chứng minh việc sa thải không liên quan đến hành động tố giác.

Cơ quan có thẩm quyền giám sát và buộc tuân thủ

Pháp luật về người tố giác đã chỉ định một cơ quan độc lập có thẩm quyền tiếp nhận và điều tra những khiếu nại của việc trù dập, đe dọa, phân biệt đối xử hoặc những hành động chống lại người tố giác. Ủy ban Liêm chính công của Canada là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và điều tra những khiếu nại về hành vi sai trái và những báo cáo về trả thù, trù dập. Nếu có bất cứ sự xâm hại đến quyền của người tố giác được phát hiện, tòa án có thể đề nghị cơ chế và áp đặt hình phạt. Luật Bảo vệ người tố giác thường quy định cơ chế bảo vệ người tố giác. Các quy định này hướng tới xác định những hành vi vi phạm của người sử dụng lao động để bồi hoàn tài chính nếu sự tác động của các hình thức trả thù, trù dập là vô lý. Cơ chế này cũng đề cập đến sự thiệt hại về lương và những tổn thất khác. Ở Anh, tòa án yêu cầu người sử dụng lao động phải bồi hoàn những tổn thất của người tố giác. Ngoài ra, một số quốc gia cũng đặt ra một số hình phạt hình sự để áp dụng đối với những người sử dụng lao động đã trù dập, trả thù người tố giác.

Tặng thưởng cho người có những tố giác, báo cáo về hành vi vi phạm trong khu vực công không phải là một phương thức chính để bảo vệ người tố giác. Tuy nhiên, đó là một cơ chế bao gồm trong chế định về việc bảo vệ người tố giác. Pháp luật Mỹ quy định về việc trao thưởng cho người tố giác.

Một số vấn đề rút ra

Thứ nhất, bảo vệ người tố giác là đòi hỏi tất yếu đối với hệ thống pháp luật về tố giác của bất kỳ quốc gia nào. Sự bảo vệ này



đã được khuyến nghị bởi các tổ chức quốc tế như Hội đồng Châu Âu, Khuyến nghị của OECD và rất nhiều quốc gia trên thế giới mặc dù khuôn khổ pháp luật cụ thể có thể khác nhau. Tuy nhiên, hệ thống bảo vệ người tố giác được nhận định chung đó là (i) Không có điều khoản pháp lý cụ thể về bảo vệ người tố giác khu vực công; hoặc (ii) Đa dạng các điều khoản nhỏ lẻ trong các văn bản pháp luật riêng; hoặc (iii) Được quy định trong luật bảo vệ người tố giác. Mục tiêu chính của hệ thống bảo vệ người tố giác bao gồm các cơ chế tố giác và sự bảo vệ chống lại trả thù, trù dập. Hình phạt đối với hành vi trả thù, trù dập ở nhiều nước là rất nghiêm khắc bao gồm cả phạt tù và phạt hành chính⁽²⁾.

Thứ hai, đa số các hành vi vi phạm, gian lận, sai phạm được tố giác chủ yếu là hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức. Nguy cơ tham nhũng tăng cao đáng kể ở những nơi mà người tố giác không được bảo

vệ. Điều khoản pháp lý về bảo vệ người tố giác được tìm thấy trong nhiều văn bản luật khác nhau như Luật Bảo vệ người tố giác, hay Luật Hình sự, Luật Phòng, chống tham nhũng.

Thứ ba, phạm vi người tố giác được bảo vệ đó là đảm bảo rằng kể cả khi họ là người lao động đã nghỉ hưu, nhân viên lâu năm, hay các tình nguyện viên đều được bảo vệ. Một số nước áp dụng nguyên tắc *không có kế hở* để đảm bảo những người tố giác được bảo vệ tránh khỏi các hành vi trả thù, trù dập. Đối với nội dung tiết lộ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, chính sách ngoại giao và mối quan hệ quốc tế, vi phạm nghĩa vụ bảo mật đều không nhận được sự bảo vệ.

Thứ tư, Luật Bảo vệ người tố giác có mục đích để chống lại các hành vi trả thù, trù dập. Cơ chế bảo vệ người tố giác phải đảm bảo các yếu tố sau: (1) Bảo mật danh tính, chỉ được tiết lộ trong trường hợp được

sự chấp thuận của người tố giác; (2) Miễn trách nhiệm hình sự đối với người tiết lộ thông tin; (3) Những tổn thất của người tố giác đều được xem xét và bồi hoàn; (4) Giảm trừ nghĩa vụ chứng minh (người tố giác được miễn trừ nghĩa vụ chứng minh mà thay vào đó người bị tố giác có nghĩa vụ chứng minh sự trong sạch, ngay thẳng của mình).

Thứ năm, cơ quan có thẩm quyền giám sát và buộc tuân thủ thường là cơ quan độc lập được chỉ định hoặc có thẩm quyền tiếp nhận và điều tra những khiếu nại của việc trù dập, trả thù... hoặc có thể là cơ quan chống tham nhũng./.

Chú thích:

(1) David Banisar (2009), *Whistleblowing International standards and developments*, www.transparency.org

(2) “Giải pháp thay thế sự im lặng - Bảo vệ người tố cáo ở 10 quốc gia Châu Âu” Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, xuất bản năm 2011

HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Trong Quý III/2021, Tạp chí Thanh tra đã đăng tải bài viết cộng tác của các đồng chí: TS. Lê Tiến Hào (nguyên Phó Tổng TTCP); TS. Đinh Văn Minh, TTVC Vũ Văn Chiến; TS. Tăng Thị Thiệm, Ths. Phạm Tuấn Anh, Ths. Nguyễn Thị Hồng Thắm, Ths. Phạm Thị Thu Hiền, Ths. Nguyễn Mai Anh, Ths. Phạm Thị Quỳnh Nga, Ths. Ngô Thu Trang (Thanh tra Chính phủ); PGS, TS. Nguyễn Thị Tố Quyên (Học viện Báo chí & Tuyên truyền); TS. Vũ Trung Kiên (Học viện Chính trị Khu vực 3); TS. Nguyễn Thị Lê Thu, TS. Lê Thị Hoa (Học viện Hành chính Quốc gia); Thiếu tá, TS. Nguyễn Văn Triều (Học viện Cảnh sát nhân dân); TS. Vũ Việt Hà, Nguyễn Thị Hoàng Yến (Học viện Chính trị Công an nhân dân); TS. Hà Quang Thanh (Phân viện Học viện HCQG tại TP.HCM); TS. Nguyễn Anh Hùng (Viện nghiên cứu Châu Mỹ); Trung tá, Ths. Hoàng Văn Sóng, Trung tá Lê Mạnh Cường (Thanh tra Bộ Công an); Ths. Đào Minh Tuấn, Ths. Nguyễn Hồng Loan (Trường Cán bộ Giao thông vận tải); Ths. Nguyễn Việt Khánh Hòa (ĐH Luật Hà Nội); Luật gia - Ths. Lê Quang Kiệt (Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai); Ths. Trương Tất Thắng (ĐH Phòng cháy, chữa cháy, Bộ Công an); Trung tá Nguyễn Trọng Vinh (Thanh tra Công an tỉnh Phú Thọ); Nguyễn Thị Thu Hằng (Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch); Lê Trung Kiên (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh); Nguyễn Anh Tuấn (ĐH sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội); Nguyễn Văn Trung (ĐH xây dựng); Nguyễn Văn Chiến (Tạp chí Cộng sản); Đại tá Nguyễn Văn Thành (Tạp chí Quốc phòng toàn dân); Hàn Anh Tuấn (Công an huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa); Nguyễn Văn Thanh; Đinh Lương Minh Anh, cùng một số tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ thường xuyên cộng tác với Tạp chí Thanh tra như: Trần Văn Thiên, Ngô Nữ Thùy Linh, Nguyễn Văn Chiến, Lê Hiếu Trung, Lê Văn Trường, Trần Thị Kỳ Duyên, Lê Hoài Minh, Lê Hồng Điệp, Lê Xuân Đạm, Trần Thanh Thoa, Cao Văn Quyền, Trần Thương Tính, họa sĩ Phùng Minh. Một số bài viết của các cộng tác viên khác hiện đang được Ban Biên tập nghiên cứu để sử dụng trong những số Tạp chí tiếp theo.

Tạp chí Thanh tra xin gửi lời cảm ơn chân thành về những đóng góp tích cực và sự cộng tác chặt chẽ của đội ngũ cộng tác viên.

Trong thời gian tới, Tạp chí Thanh tra mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm cộng tác nhiều hơn của các đồng chí. Bài viết xin gửi về Phòng Phóng viên - Biên tập, Tạp chí Thanh tra - Trụ sở 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội; SĐT: 080.49073; Fax: 080.49065; Email: Tapchithanhtrabt@gmail.com./